VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Nguyễn Trọng Khôi

số 74 . tháng 6 năm 1992

VĂN HỌC

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:
Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

*

Từ đầu năm 1992 đến nay, *Văn Học* đã phần nào phụ lòng tin cậy thương mến của bạn đọc. Báo ra trễ. Đã có lúc ban chủ biên bi quan, nghĩ rằng không thể giữ *Văn Học* ra đều đặn hằng tháng được, có ý chọn giải pháp cứ hai tháng ra một số đôi. (Như đã loan báo trong thư tòa soạn số 72 & 73).

Sở dĩ có tình trạng trên là vì nhiều lý do. Khó khăn tài chánh vẫn là căn bệnh kinh niên của các tạp chí văn chương, *Văn Học* không phải là ngoại lệ. Nhờ lòng ưu ái và sự cảm thông của bạn đọc, mức độ khó khăn không đến nỗi lớn, tuy hằng tháng có thiếu hụt nhưng anh em trong ban chủ biên có thể đảm đương được. Lý do chính là gần đây, các văn hữu chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành tờ *Văn Học* có nhiều nỗi khó khăn riêng trong cuộc sống, việc phối hợp phân công ở tòa soạn trở nên lỏng lẻo, trễ tràng. Ít có cơ hội gặp nhau đông đủ, bị các vấn đề thời sự lôi cuốn, ngay những người chịu trách nhiệm trực tiếp của *Văn Học* cũng đã có lần hiểu lầm nhau, khiến cả nội dung tờ báo cũng chuệch choạc, bất nhất.

Tình trạng đó không thể kéo dài.

Ban chủ biên *Văn Học* đã họp, và sau khi kiểm lại những khiếm khuyết, trở ngại, đều đồng ý là cần duy trì tờ *Văn Học* như một diễn đàn văn chương của người Việt hải ngoại, phản ảnh đời sống tinh thần của người Việt hải ngoại. Vì là diễn đàn của người Việt hải ngoại nên *Văn Học* phải đặt ưu tiên những vấn đề của đồng bào hải ngoại, đó là căn cước, là yếu tính, và nếu *Văn*

Học có đóng góp được gì cho sinh hoạt văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung, thì phần đóng góp cũng phải từ chỗ đứng đó.

Vì là diễn đàn văn chương, nên *Văn Học* tự giới hạn trong những vấn đề thuộc văn chương, không để bị lôi cuốn vào các vận động chính trị giai đoạn. Văn chương không thể đứng ngoài những cuộc vận động chính trị nhằm bảo vệ quyền tự do, quyền sống của con người, nhưng *Văn Học* quan niệm sự đóng góp tích cực nhất, cần thiết nhất của văn chương vào cuộc vận động là những tác phẩm giá trị nhằm đề cao con người, đả phá những thế lực tha hóa hoặc đàn áp quyền sống thiêng liêng của con người. Nhà văn nhà thơ không có bổn phận phải thường xuyên tỏ thái độ nêu rõ lập trường; không nhất thiết phải xuống đường hoan hô đả đảo. *Văn Học* phân biệt rõ vai trò công dân trong nhu cầu chính trị giai đoạn và nhu cầu nghệ thuật lâu dài nhằm phụng sự con người. Phối hợp điều hòa hai nhu cầu ấy là điều lý tưởng. Nếu bị đưa đẩy phải chọn một như cầu ưu tiên hơn, *Văn Học* sẽ chọn nhu cầu nghệ thuật.

Với những nét định hướng đó, ban chủ biên *Văn Học* nhận thấy cần có nhiều thay đổi:

Kể từ tháng 6-1992, *Văn Học* phải đều đặn ra hằng tháng, và những người chịu trách nhiệm phải cố gắng để ra đúng hạn mỗi đầu tháng.

Về nhân sự, trong khi chờ dợi một ban điều hành mới, nhà văn Nguyễn Mộng Giác sẽ đảm trách điều hành tổng quát. Địa chỉ liên lạc kể từ nay là:

P.O. Box 1359 – Garden Grove, CA 92642-1359 – USA.

Số điệ n thoạ i: (714) 894-8535.

Một lần nữa, *Văn Học* thành thật xin lỗi quí văn hữu và bạn đọc về những trễ nãi khiếm khuyết vừa qua, và hơn lúc nào hết, *Văn Học* mong mỏi được quí vị hợp tác, khuyến khích, giúp ý kiến, để *Văn Học* mãi mãi là diễn đàn văn chương thân quen, nghiêm túc và chân tình của quí vị.

Văn Học

HUỲNH HỮU ỦY

những hình tượng trên bộ bài tới dân gian ở miền trung bộ *

Suốt trên dải đất dọc miền trung Trung bộ, từ Bình Trị Thiên qua Nam Ngãi và vào đến Bình Định, Phú Yên, cứ vào những ngày Tết đến lại xuất hiện trong sinh hoạt giải trí dân giả một trò chơi bài bạc mang nặng tính chất đình đám, hội hè, văn nghệ: trò chơi *bài chòi*, về mặt hình thức tương tự như lối tổ tôm điếm ở miền Bắc. Bài chòi sử dụng những quân bài của bộ *bài tới* thường được chơi giữa sáu người là anh em, bà con trong gia đình, rồi biến thành một lối chơi nơi công cộng, trước sân đình làng hay bên đình chợ, ngồi trên 11 nhà chòi cao hai hay ba thước, năm chòi dựng bên trái, năm chòi dựng bên phải, ở giữa là một chòi "trung ương". Đánh bạc không cốt ăn thua, mà chỉ để vui chơi giải trí, cốt để *hô bài chòi*, một loại sinh hoạt văn nghệ rất đặc biệt, đậm đà tính chất dân tộc, tựa như một buổi hội diễn văn nghệ quần chúng ngày nay, tuy có khác nhưng ít nhiều cũng mang hơi hướm một buổi trình diễn hát bộ hay chèo tuồng nơi hương thôn ngày trước. Bài chòi, trước đây đã có nhiều người nghiên cứu và khảo

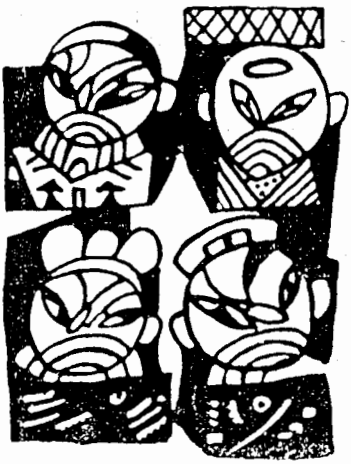

sát khá kỹ, riêng về *bài tới*, cũng có một đôi người để ý đến nhưng chưa được đầy đủ gì lắm. Hôm nay, trên trang báo này, chúng ta sẽ thử lật xem lại một số quân *bài tới*, đặc biệt lưu ý đến những nét vẽ, hình tượng độc đáo trên các quân bài, độc đáo đến độ đôi lúc rất kỳ dị, khó hiểu.

Bài tới ở miền Trung cũng như tranh Tết ở miền Bắc, thường chỉ xuất hiện vào những ngày Tết đến, kéo dài trong *tháng giêng là tháng ăn chơi*, rồi sẽ tàn nát đi vì chất liệu thô sơ, giản dị, nghèo nàn khi tháng hai đến, khi nhân dân bắt đầu bắt tay trở lại với nhịp sống lao động sản xuất bình thường. Không được bền chắc, đẹp đẽ và sang trọng như một bộ bài Tây hay bài Tàu, *bài tới* thường được in ra từ những làng quê xa xôi, hẻo lánh, theo kỹ thuật mộc bản, in trên giấy gió, giấy bản đã được phủ qua một lớp điệp, rồi bồi lên một lớp giấy cứng, mặt sau con bài được quét một lớp phẩm màu đỏ, xanh lá cây hay xám sẫm.

Trong chừng trên dưới hai mươi năm trở lại đây, cách in ấn cũng như chất liệu làm thành quân bài chẳng được canh tân hơn chút nào mà lại còn kém đi nhiều, vẫn nét vẽ thô sơ, người ta không còn phủ điệp trước khi in nét vẽ đen lên, giấy in thì mỏng và xấu, rồi dán lên trên những tấm bìa cũng rất xấu. Chỉ có một điều mới, là ngày xưa, trên quân bài có những tên gọi ghi bằng chữ Nôm thì nay đã được đổi thành chữ quốc ngữ. Ở Huế, có một địa phương là làng Sình, nơi mà cho đến hiện nay cũng còn để lại rất nhiều vết tích về dân tộc học, về những đình đám hội hè, trò vui chơi ngày Xuân như đấu vật, bơi thuyền, nằm về phía đông bắc kinh thành Huế, đi về phía chợ Bao Vinh thuộc làng Thế Lại, từ đấy vượt qua sông Bao Vinh sẽ gặp làng Sình. Sình là tên gọi quen thuộc trong dân gian, tên chính thức là làng Lại Ân, nằm cận kề vùng duyên hải, nơi có tiếng lắm tôm nhiều cá như trong dân ca Huế vẫn thường nhắc nhở: "*Cá tôm mua tại chợ sình. Triều Sơn bán nón, Bao Vinh bán đường*", mà cũng là nơi chuyên nghề in tranh cung cấp cho các cửa hàng vàng mã, đặc biệt nhất là sản xuất những bộ *bài tới*, cung cấp cho đồng bào quanh Huế và các vùng phụ cận vui chơi, giải trí trong những ngày Xuân mới. Về sau này, người Tàu sinh cư buôn bán quanh vùng cầu Gia Hội, ngay ở chính trung tâm thành phố, đã in ấn bộ *bài tới* một cách có kế hoạch và qui mô hơn, tuy cũng chỉ bằng kỹ thuật mộc bản mà thôi.

Nếu bài chòi là một thú vui chơi hoàn toàn Việt Nam, do người Việt tự nghĩ ra, không vay mượn của nước nào thì *bài tới* cũng thế, rất Việt Nam, cả

hình thức cũng như nội dung. Ở miệt Huế và Quảng Nam, trong dân gian có bài vè:

Nghe vẻ, nghe ve
Nghe vè bài tới
Cơm chưa kịp xới
Trầu chưa kịp têm
Tôi đánh một đêm
Thua ba tiền rưỡi
Về nhà chồng chửi
Thằng Móc, Thằng Quăn
Đánh sao không ăn
...
Mà thua lắm bấy
Tôi lấy tiền cấy
Cho đủ mười ngày
Bảy giày bảy sưa
Cũng là nhịp kéo
Chị em khéo léo
Dễ mượn dễ vay
Thân tôi ngày rày
Dầm sương dãi nắng
Chị em có mắng
Tôi cũng ngồi đây
Nó là năm giày
Nó cũng a dua
Ăn thì tôi lùa
Thua thì tôi chịu
...

Thằng móc, thằng quăn, bảy giày, bảy sưa, năm giày, là tên gọi của mấy quân bài, chỉ cần kể đủ tên của ba mươi quân bài của đủ làm cho chúng ta hết sức buồn cười. Những tên gọi nôm na, dễ dãi, hài hước, tinh nghịch, tiếng Nôm pha tiếng Hán, khi gọi thế này, khi gọi thế khác, có khi tên gọi chẳng

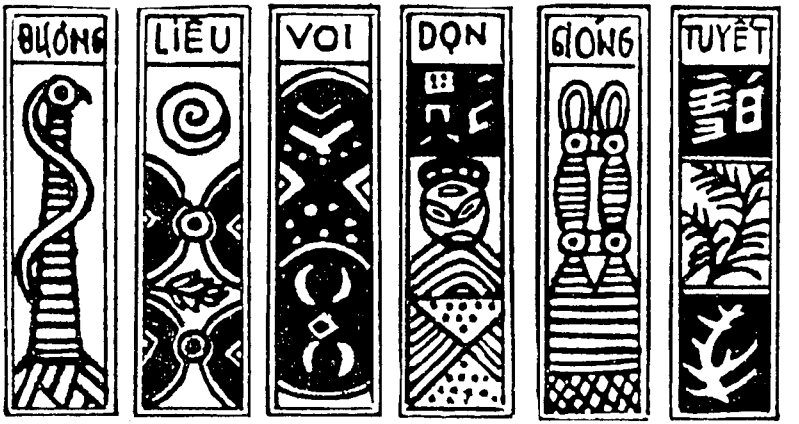

gợi ý nghĩa gì cả mà phải xem vào nét vẽ trên con bài mới thấy một điều gì đó. Xin kể đủ tên tất cả 30 con bài dưới đây, để trong thoáng chốc chúng ta có thể sống lại và hòa vào giữa các trận cười ồn ào, dân giả, rất ngây ngô, hồn nhiên. Tiếng cười của những bà mẹ quê chất phác, hiền hòa vang lên dòn tan khi đang cùng nhau ngồi chơi *bài tới* giữa những ngày Xuân Tết, trên một chiếc giường tre nơi góc nhà vừa được trải lên một chiếc chiếu hoa mới, nghe gọi tên những con bài rất vui tai, ngộ nghĩnh, đôi lúc tưởng như tục tĩu, thô lỗ, nhưng vẫn rất tự nhiên: *bảy giày, bảy sứa, ba gà, ba bụng, nọc đượng, năm rún, ông ầm, bạch tuyết* (đôi nơi gọi là *bạch huê*, có khi còn gọi là *con l...*), *tứ tượng, ngũ trừa*... Tiếng cười cợt ồn ào ấy đúng là chỉ phát xuất ở chốn thôn dã, đồng quê, chợ búa nơi sinh hoạt của quần chúng nhân dân lao động bình thường, chứ chẳng thể nào nổ bung ra giữa những nho sĩ nghiêm trang, đạo mạo, đúng mực *chi hồ giả dã* của một thời nào, thời mà đạo lý, nếp nghĩ và nếp sống phong kiến đang đè nặng lên các phần đất tổ quốc. Bộ *bài tới* cũng là một tấm gương nhỏ phản ảnh phần nào dòng văn hóa nghệ thuật sống động và tự do của nhân dân, không dính líu gì đến dòng nghệ thuật cung đình chính thống.

Ba mươi con bài này cũng được xếp thành ba *phe*: *văn, vạn, sách* như trong lối chơi tài bàn, tổ tôm, mỗi con là chín con (9 x 3 = 27), ba con còn lại được xếp thành ba cặp yêu: *cặp ông ầm, cặp Thái Tử, cặp Bạch Tuyết*. Như vậy, lúc

chơi *bài tới* giữa sáu người với nhau, phải có 60 quân bài tức 30 cặp tất cả (27 x 2 = 54 + 3 cặp yêu),

Dưới đây là tên của tất cả 30 quân bài:

– *Chín Gối, Lục Xơ, Nhì Nghèo,*

– *Thất Nhọn, Trường Hai, Trường Ba,*

– *Tứ Hường, Tám Giây, Đỏ Mỏ,*

– *Sáu Tiền, Tám Tiền, Học Trò,*

– *Cửu Thầy, Bảy Sứa, Bảy Liễu,*

– *Ngũ Trưa, Tam Quân, Năm Giày,*

– *Ba Gà, Nọc Đượng, Tứ Gióng,*

– *Bát Bồng, Nhị Đầu, Tứ Tượng,*

– *Chín Xe, Năm Rún, Bằng Đầu,*

– *Bạch Tuyết, Thái Tử, Ông Ầm.*

Tên gọi các quân bài đã lạ lùng, kỳ dị, hình vẽ trên các quân bài càng kỳ dị và lạ lùng hơn, nó gợi lên một thế giới đầy bí hiểm, vượt lên trên cách nhìn bình thường. Tựa như cách nhìn của những trường phái hội họa mới, từ chối hình thể hay thanh lọc thực tại đến kỳ cùng, trừu tượng hóa sự vật, hoặc là đi đến chỗ siêu thực tại, hoặc cách điệu và ghi nhận thực tại một cách ngây ngô, hồn nhiên như trẻ con. Những hình vẽ mà chúng ta không sao hiểu nổi đã phát xuất từ những cơ cấu trí tuệ như thế nào. Nó phảng phất đâu đây một chút không khí u uất rất Chàm hay Phù Nam, những hình ảnh, đường nét, kiểu thức rất Tây Nguyên, có khi lại gợi dậy một chút xa xăm phi thực, mù mờ của bùa chú, hay của một cuộc sống hoang dã bên ngoài cõi đời văn minh. Trong một khảo sát nhỏ về trò chơi bài chòi trước đây, có người đã nhận xét về hình tượng các quân bài này: *Nó gợi lên cảm tưởng hoặc nét vẽ của các họa phái siêu thực, vô hình dung, lập thể, hoặc nét vẽ trên các ngôi mộ cổ Ai Cập.* Nhận xét ấy tương đối tinh tế, thú vị và xác đáng (1).

Về hình vẽ trên các quân bài, sắp riêng cho từng pho một, chúng ta sẽ thấy ở mỗi pho có một cách biểu đạt gần gần giống nhau. Các quân bài thuộc pho *văn* sử dụng những cách điệu gần gũi lối hình học, có những miếng tròn như bánh xe, đồng tiền hay nửa đồng tiền.

Các quân bài thuộc pho *vạn* thì đầu vẽ mặt người với những nét rằn rịt theo kiểu tranh thờ khắc gỗ dân gian, trên mỗi quân bài có ghi thêm hai chữ nho từ *nhất vạn* đến *cửu vạn* như chín quân bài trong bộ bài tổ tôm. Ba cặp

bài yêu cũng chứa đựng lối vẽ như thế. Các quân bài thuộc pho *sách* thì đặc biệt có những nút tròn nhỏ, giữa vòng tròn có một chấm đen, ngoài những vòng tròn này còn có những đường vạch ngang rất đều, có thể hình dung như được quấn tròn đều dặn bằng dây mây. Ông Nguyễn Văn Y, nguyên giám đốc Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hà Nội, trong một bài giới thiệu sơ lược về những bản in hay khắc gỗ của bộ *bài tới*, trên tuần báo *Văn Hóa Nghệ Thuật* khoảng giữa năm 1977, do vậy, đã tạm xếp các quân bài theo lối vẽ này là *quấn mây thắt nút.*

Chúng ta hãy lật lại một số quân bài đầy thú vị này, thưởng thức hương vị kỳ lạ của cuộc sống dân dã, là bó hoa đồng nội mà chắc chắn đã được dân dã hình thành từ một trường kỳ lịch sử, trên chuyến viễn du hùng tráng và kỳ thú của dân tộc, giữa những giao lưu, gặp gỡ của đất nước anh hùng và cuộc sống mới trong thời quá vãng.

Trước tiên hãy xem qua vài quân bài thuộc pho *văn*, với lối vẽ gần gũi những cách điệu hình học, chỉ trừ con *chín gối* (cũng gọi là *chín nút*), những điểm chính giống với loại *quấn mây thắt nút*, có chín nút tròn nhỏ và những vạch ngang.

Con *sáu tiền*, vẽ sáu nửa đồng tiền ghép lại với nhau, từng đôi một, đôi này chồng lên đôi kia. Hình này khá giản dị, ai cũng hình dung được, nếu vận dụng để đưa vào trong những mô-típ đề-co hiện đại cũng sẽ rất hay. Con *tám tiền* cũng như thế, là tám nửa đồng tiền ghép lại. Ở vùng Bình Định, lại gọi là *sáu miếng, tám miếng* (miếng: tiếng địa phương, có nghĩa là mảnh).

Con *bảy liễu* (*thất liễu*), tính cách trang trí đã phức tạp hơn con *sáu tiền* và *tám tiền*, vẽ bốn đồng tiền ghép lại với nhau, ở chỗ ghép lại có một nút tròn nhỏ. Giữa các khoảng trống do các đồng tiền ghép lại có một cành liễu nhỏ không có vẻ gì là liễu, trông đúng là một thứ phức diệp (foliole), hay thứ lá có răng cưa (feuille dentée) nhưng vì có chữ *liễu* trên các con bài nên ta hãy xem đây là một cành lá liễu. Phía trên bốn đồng tiền có một hình xoắn trôn ốc như ta vẫn bắt gặp chạm trổ trên các đồ dùng của người Tây Nguyên.

Con *voi*, cũng gọi là *tử tượng*, ở Quảng Nam lại gọi rất nghịch ngợm là *dái voi*. Chúng ta sẽ không thể nào hình dung được đây là con voi, nhưng với chữ *voi* chú thích trên con bài, hãy tập trung cách nhìn, gạn lọc đối vật đến mức độ giản dị nhất, nghĩa là trừu tượng hóa hình ảnh một con voi được trang trí vào một ngày lễ hội, nhìn từ trên xuống, chúng ta sẽ đoán được các phần đầu

voi, hai tai voi, lưng voi, bành voi. Lối trang trí cách điệu này vẫn thường được gặp khắp các vùng dân tộc thiểu số như Thái, Mường, Mèo, Dao, Ê-đê, v.v... đặc biệt nhất là trên các cạp váy, đồ thêu, những chạm khắc bằng tre, gỗ, đồng ở vùng Tây Nguyên. Lấy một vài mẫu thêu, vài mẫu khắc trang trí rất trừu tượng của người miền núi, hỏi về ý nghĩa, chúng ta sẽ được giải đáp rất rành mạch, đây là hoa ban, cây kơ-nia, đoàn người, là những thứ hoa sặc sỡ và vui tươi nhất của dân tộc Ê-đê: hoa dua, hoa Ê-prang, hoa gấc, hoa mi-ê, là chim xìn-tra của dân tộc Ta-pan, là hình cỡi ngựa, chim đậu trên cây trên các trang phục của người Dao...

Con *trường hai*, vùng Bình Định gọi là *nhì bánh*, tương tự như một phần của hình *con voi*, in hình hai mảnh hình thuẫn, có người cho hình hai chiếc bánh xe, thực ra, có thể đây là hình ảnh của bất kỳ thứ bánh gì: bánh xe, hay là hai ổ bánh lớn để ăn, muốn nghĩ thế nào thì ra thế ấy.

Con *trường ba*, cũng như con *trường hai*, nhưng khác ở chỗ là chồng vào giữa hai mảnh hình thuẫn trên một mảnh hình thuẫn khác, và giữa mảnh hình thuẫn này là những đường hình thoi lớn nhỏ, chồng chồng lên nhau. Con *trường ba* rất nhiều người ở Huế gọi là *trạng ba*, cắt nghĩa là ông Trạng đỗ ba khoa, nhưng như vậy có nghĩa là thế nào? Chẳng có chút gì ở đây để có thể gợi nên hình ảnh một con người, chứ chưa nói đến hình ảnh một ông Trạng, chẳng có một chút liên hệ nào giữa tên gọi và hình vẽ. Với con bài *Trạng ba* chẳng hạn, người ta có thể cắt nghĩa rằng đây là quân bài do một họa sĩ tài tử nào đấy vẽ ra, hình vẽ đôi lúc chẳng cần biểu lộ một ý nghĩa nào cả, nó chỉ mang tính chất một dấu hiệu mà thôi. Những người lưu đãng xa nhà, không có sẵn trong tay một bộ bài thực đàng hoàng để giải trí với nhau, đành tự tạo ra ba mươi dấu hiệu cho ba mươi quân bài, để làm thành một bộ bài hoàn toàn mới mẻ. Và cũng do tính cách tài tử ấy mà chúng ta có một bộ bài vô cùng hấp dẫn, cái hấp dẫn của một thứ mời gọi bí hiểm, lạ lùng. Vậy nên, trước một quân bài, đôi lúc phát giác thêm một ý nghĩa mới, người ta lại đặt thêm một cái tên nữa cho lá bài, có lúc rất vui, rất dí dỏm, bộc ra được tất cả tiếng cười đùa tự nhiên, thoải mái. Tên gọi những con bài do thế cũng thay đổi tùy vào địa phương, như *con voi* cũng gọi là *tứ tượng*; *dái voi, tám giây* cũng gọi là *tám hột*; *trường hai* có nơi gọi là *nhì bánh*, có lúc gọi *nhì xe*; *chín gối* có khi gọi là *nhất gối*, có khi gọi là *chín nút*; con *tứ lường* cũng gọi là *cẳng lường*, hay *tứ cẳng*, v.v... Và ở vùng Qui Nhơn, Bình Định lại có những tên gọi

rất quái quỉ, không có nghĩa gì cả, mà âm thanh gợi lên lại bày ra cả một thế giới của những trận cười cợt ồn ào, thô sơ, hoang dã: *cửu điều, ngũ trợt, ngũ dụm, ngũ dít, đổ ruột...*

Bây giờ chúng ta xem đến một số quân bài thuộc pho sách, đặc biệt có những nút tròn nhỏ và các vạch ngang đều dặn, rồi phía dưới là những vạch chồng chéo đối xứng nhau. Trước tiên là con *tứ gióng*, vẽ một đôi quang gióng, ở trên có quai xách, dưới có chân đế kiềng ra hình tam giác, thân gióng là bụng phình hình bầu dục, nơi điểm tiếp giáp của thân gióng, quai xách và chân đế là hai nút tròn nhỏ, giữa nút tròn là chấm đen như mắt cua. Đã nhìn thấy đôi gióng ở miền Trung Trung bộ, rất giản dị, bằng tre, mây hay bằng thép, có bốn quai, phía trên túm lại, phía dưới xòe ra và thắt nút rồi quấn chặt cân bằng trên bốn điểm của một vòng tròn, chúng ta sẽ không thể tưởng tượng nổi làm thế nào nhà nghệ sĩ dân gian tài tử của chúng ta đã quan sát, suy nghĩ và vẽ nên đôi gióng trên con bài này. Hẳn rằng đấy là cách thu nhận sự vật với đôi mắt thơ dại tuyệt vời.

Về mặt nội dung, dù thế nào cũng hiển nhiên là những đôi gióng này đã nặng nợ lắm với dân tộc trên hành trình tay xách nách mang tiến về phương Nam, đấy là hình ảnh đôi gióng của gần 10 thế kỷ trước, từ thời quân đội nhà Lý đặt chân lên thành Đồ Bàn, hay từ hơn ba thế kỷ trước, cùng với những bước chân của lưu dân đi xây dựng đất mới dưới thời các Chúa Nguyễn?

Con *ngọc dượng* có lẽ là con bài đáng chú ý nhất, đối lập với con *bạch tuyết* sẽ đề cập ở dưới.

Trong một cuộc chơi bài chòi, khi rút đến con *ngọc dượng*, anh *hiệu*, một người có nhiều khả năng văn nghệ giữa thôn xóm, làng mạc, hô những câu hát bài chòi báo hiệu cho mọi người trong cuộc chơi về quân bài vừa rút được, có thể sẽ hô lên như vầy:

Năng cường, năng nhược,
Năng khuất năng sanh,
Nó thiệt cục gân,
Ngồi gần con gái trân trân chẳng xiu.

Lời hô trên nghe có vẻ như tục tĩu, thô lỗ, sống sượng, nhưng đào sâu vào chúng ta sẽ thấy đáng được quan tâm nghiên cứu đến, bởi lẽ nó mang nhiều dấu vết về cách nhìn của con người trước thế giới tự nhiên, dấu vết của một vũ trụ quan vào những thế kỷ xa xưa.

Ngày nay, đi ngược lên những vùng thượng du, quan sát sinh hoạt của người miền núi, chúng ta sẽ thấy đời sống sinh dục ở nhiều nơi vẫn còn là một điều rất tự nhiên. Người ta tắm rửa với nhau trần truồng bên bờ suối không một chút e dè. Những phần cơ thể cần phải che giấu, cấm kỵ ở miền xuôi, nơi đây ngược lại, hoàn toàn phô bày ra không có gì phải xấu hổ. Người Ê-đê và Gia- rai vẫn nói đến cái đẹp của một đôi vú cong vút lên như ngà voi, đôi mông tròn đầy như trứng chim. Cái đẹp ấy rất phù hợp với bản năng sinh tồn để bảo vệ giống nòi.

Xa xôi hơn trong lịch sử và thời gian, trên suốt dải đất miền Trung và Nam Trung bộ hiện nay, người Chàm của đất nước Champa cổ có tục thờ *Linga* tượng trưng cho dương vật và *I-ô-ni*, tượng trưng cho âm vật. Việc thờ phượng vật tổ này, bắt nguồn từ tục thờ đá rất xưa ở hải đảo và khắp vùng Đông Nam Á, chắc chắn phải có nhiều liên quan đến hình thái thờ phượng đất đai, là thần linh mang lại sức sống, năng lực sinh tồn, sự phồn thịnh của mọi loài sinh-thực-vật trên địa cầu.

Linga là một cột đá, gồm ba phần: đầu tròn, thân tám cạnh và một chân đế hình vuông. *I-ô-ni* là một chậu đá hình vuông hay chữ nhật, có một rãnh nước thoát gần như phần dưới của một cối đá xay bột. Các vua Chàm lúc vừa lên ngôi đều cho dựng cột *Linga quốc bảo*, có nghĩa là nhà vua đã tự mình đồng nhất với thần linh, với con mắt thấu suốt và tái tạo, với năng lực sinh tồn hằng cửu, khẳng định quyền lực của mình và dòng họ trước trời đất và con người. Các tô-tem này cũng thường được rước theo trong những ngày hội có nhảy múa, ca hát.

Trên miền Bắc đất nước, một số nhà nghiên cứu văn học, sử học, dân tộc học, khảo cổ học cũng ghi nhận được nhiều vết tích còn dậm nét những hình thái tương tự như thế, đề cao sự sinh sôi nẩy nở, đề cao tính năng và sự tự do luyến ái, như việc thờ dâm thần và một số tập tục khác rải rác nhiều nơi tỏ ra rất quí trọng *sinh thực khí*. Trên nắp chiếc thạp đồng Đào Thịnh (Yên Báy) cao trên 80 phân được tìm thấy năm 1960 đã trở nên quá quen thuộc với nền văn minh Đông Sơn của người Việt cổ, chúng ta thấy hình ảnh bốn cặp nam nữ đang giao hợp xen kẽ vào giữa những hoa văn chạm nổi. Người dân Việt cũ, trên đường thiên cư từ Bắc vào Nam, mang những cảm quan và suy nghĩ ấy đi theo cuộc hành trình, đã gặp gỡ quan niệm của dân tộc Cham-pa, và khi vì nhu cầu giải trí, phải làm ra một bộ bài để vui chơi với nhau, những

hình tượng ấy đã xuất hiện trở lại trên hai con bài *bạch huê, nọc đượng*. Ông Hoàng Chương, trên tạp chí *Văn Nghệ*, số 50, tháng 7-1961, trong một bài nghiên cứu về hát hô bài chòi đã cho rằng: Những vật thể ấy (tức là Linga và I-ô-ni của người Chiêm Thành) được vẽ trên những con bài gọi là *bạch huê, nọc đượng*, của bài chòi hiện nay. Tôi không biết lúc viết bài này, ông Hoàng Chương có nắm trong tay đầy đủ tất cả 30 quân *bài tới* hay không, nhưng thực sự chỉ có con *bạch huê*, về mặt hình tượng, gợi lên ít nhiều hình dạng của âm vật, còn con *nọc đượng*, chỉ có tên gọi gợi lên một cách khá sống động hình ảnh Linga, hình vẽ thì tuyệt nhiên không còn liên hệ gì đến vật thể ban đầu.

Con *nọc đượng*, từ Quảng Nam đến Bình Định thì gọi khác đi một chút, là *nọc thược*. Nọc đượng, có lẽ chỉ nhấn mạnh ở chữ nọc, đượng là từ phụ không có nghĩa gì cả, ghép vào để tạo âm thanh mà thôi. Có thể tạm hiểu *nọc đượng* như là hình ảnh của một cái cọc thẳng đứng được vạt nhọn để cắm vào đất.

Hình vẽ con *nọc đượng* quả là hết sức lạ. Xem kỹ, chúng ta sẽ thấy đấy là một mái nhà sàn ở Tây nguyên, nhìn từ một bên (profil), mái nhà nghiêng dốc cao vút. Trên đỉnh mái nhà, đầu một con chim đã được kiểu thức hóa, khó lòng mà biết loại chim nào, trông tương tự như chim gõ kiến mà cũng có thể là đầu một con gà, bởi vì cũng chính đầu con chim ấy lại xuất hiện trên nhiều quân bài khác, và trên con *ba gà* thì lại ghi rõ ràng là gà. Ở đây, tại sao là đầu của một con chim mà không phải của một loài thú khác? Ở Trung bộ, tiếng chim vẫn được dùng để chỉ đến dương vật, nhưng thường thì để nói đến trẻ con hơn là người lớn. Cũng rất có thể, khi vẽ con bài *nọc đượng*, người vẽ đã chọn biểu tượng ấy như một ngôn ngữ gián tiếp để phô diễn nội dung muốn đạt đến.

Trước hình vẽ này, có lẽ chúng ta cũng nên nhớ đến những mái nhà sàn trên các trống đồng Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, chắc chắn rằng sự đối chiếu cũng sẽ rất hữu ích. Những nhà sàn trên các trống đồng, ngược lại, được nhìn thẳng vào chính diện, hai đầu cuối cùng của mái nhà cũng có những nút tròn nhỏ, ở giữa có chấm, trông tựa như mắt của hai con chim đang vươn cánh bay lên trời, trên mái nhà thường khắc hình chim rất lớn, đè nặng cả mái nhà. Chim mỏ ngắn, chân ngắn, mào nhỏ, lông đuôi dài và to, nên có người đã ước đoán là người làm trống đồng muốn thể hiện hình dáng con gà lôi (Lophura nycthemera). Cũng là chim (hay gà) đậu trên mái nhà sàn, nhưng mỗi nơi lại

được nhìn theo một cách, người nghệ sĩ tài tử của bộ *bài tới* ghi nhận và cách điệu sự vật khác hẳn hoàn toàn với người thợ chuyên nghiệp tài tình đã sản sinh ra những trống đồng của mấy ngàn năm trước (6).

Con *ba gà* và con *nhì nghèo*, cũng gần với thế giới của con *nọc đượng*, vậy nên sự gợi cảm mang lại cho con người xem đều từ bầu khí chung ấy. Phần trên quân bài là một đầu chim, bên dưới là hình ảnh của một mái nhà sàn, từ giữa thân bài, có một đường giải chạy viền lên đến đầu chim, có thể đấy là túp lông từ cổ qua bụng nối liền với đuôi chim được cách điệu như thế. Toàn bộ con *nghèo*, đầu chim, mình chim, hai nút tròn nhỏ chồng lên nhau nằm ở giữa thân thắt eo lại, thêm vào đấy là phần cái nhà sàn bên dưới ghép vào như một thứ đuôi chim xòe ra, tất cả tổng hợp lại thành hình ảnh một con chim rất kỳ dị giữa những giấc mộng lạ lùng của chúng ta. Con *ba gà*, cũng gần như con *nọc đượng* và *nhì nghèo* nhưng có khác đi một tí. Trong cuộc chơi bài chòi, khi bốc đến con *ba gà*, anh Hiệu sẽ hô lên hai câu rất vui, lột tả được tất cả tính mèo mả gà đồng của họ gà, sẹ sua chưng diện, áo quần sặc sỡ xinh đẹp, suốt ngày là anh chàng họ Sở ngoài đường phố nhưng tối về cũng chỉ co ro buồn thiu một mình.

Mình vàng bận áo mã tiên,
Ngày ba bốn vợ tối nằm riêng một mình.

Con *tám giây*, trông gần tựa như hai cặp gióng chồng lên nhau nhưng không có quai xách. *Tám dây* cũng gọi là *tám hột* vì nó có tám nút tròn nhỏ cân đối trên hình vẽ của quân bài. Và gọi *tám dây* có lẽ vì có tám sợi dây hình vòng cung nối tám nút trong quân bài thành hai cặp gióng.

Chúng ta hãy xem đến vài con bài thuộc pho vạn gồm chín con từ *thất vạn* đến *cửu vạn*. Phong cách khá lạ, chủ yếu trên mỗi quân bài là một mặt người tạo thành bằng những nét rắn rịt, gần với bầu khí chung của loại tranh thờ dân gian nhưng pha nhiều vẻ hoang sơ hơn. Thô kệch, ngô nghê, vụng về nhưng chính vì thế rất hấp dẫn, rất gần với cái đẹp hoang dại nơi các điêu khắc gỗ mộc mạc của Tây Nguyên, của Phi Châu đen hay một số bộ tộc Úc Châu và Mỹ Châu La Tinh.

Con *cửu thầy* tức *cửu vạn*, cũng gọi là *cửu chùa* vì vẽ hình một đầu người đội chiếc mũ như các ông thầy cúng, thầy pháp, rất nhiều nơi không có sự phân biệt rõ ràng, là tình trạng nhập nhằng của một số người lợi dụng tiếng kinh mõ ê a, rồi cũng khua chiêng đánh trống, thổi kèn, trộn nhào cả kinh

Phật với bùa chú, bắt quyết gọi âm binh, trừ tà ma, để nhận xôi, gà, oản chuối của những gia chủ rước thầy về.

Con *ngủ trưa* tức *ngũ vạn*, cũng cùng một lối vẽ như con *cửu thầy*, chỉ đổi khác đi một chút mà thôi. Ngay giữa con bài, hình một mặt người có vẻ như đang ngái ngủ, hai con mắt lem nhem trông như nửa thức nửa ngủ, đang gật gà gật gưỡng giấc trưa. Hình vẽ này có lẽ cũng mang một chút tinh thần châm biếm trào lộng đối với những kẻ thích ngủ trưa, mang tật chây lười.

Con *lục xơ* tức *lục vạn*, cũng như các con trên, ở đầu quân bài có chữ *xơ*, kế tiếp là hai chữ nho *lục vạn*, kế đến là hình người. Không có gì chắc lắm, nhưng có người đã giải thích rằng sở dĩ nó có tên là *lục xơ* hay *lục chuôm* vì phía trên đầu hình người có những ô chéo như mảng xơ hay hình nan chuôm.

Tất cả chín con trong pho vạn đều có cùng một phong cách, chỉ thay đổi thêm bớt một đôi tí mà thôi. Như con *học trò (nhất vạn)* thì ở trên đầu nhân vật có đội thêm một cái khăn đóng cho ra vẻ hẳn hoi là con nhà nghiên bút! Anh Hiệu sẽ hô về con học trò:

Đi đâu ôm tráp đi hoài,
Cử nhân không thấy tú tài cũng không.
(Là con học trò).

Nghe hô như thế, lại nhìn vào con bài thì người đến giải trí trong cuộc chơi bài chòi sẽ có thể phá lên mà cười như nắc nẻ.

Con *tứ cẳng* hoặc con *cẳng hường* (tức *tứ vạn*). Cũng như tất cả các con bài thuộc pho vạn nhưng chỉ riêng ở con này là khuôn mặt người không nhìn thẳng mà hơi lệch đi, ở phần dưới có bốn mảnh hình tam giác gần như bốn màng chân vịt xòe ra, có thể vì thế mà gọi là *tứ cẳng*. Ở Huế người ta còn gọi là *tứ hường*. Hường tức là hàm Hồng Lô tự khanh của triều đình nhà Nguyễn cũ, kêu tắt lại, như trong các tiếng *quan hường, quan thị*. Như vậy con bài ở đây cũng mang một nội dung châm biếm trào lộng cay độc, quan hường đã xuất hiện nơi đây với một thể dạng xô lệch rằn rịt, không mang bài ngà mà lại kéo theo bốn cái chân vịt lạch bạch. Xét về mặt kỹ thuật khắc gỗ, nét vẽ đen nổi trên nền trắng, chỗ đậm chỗ nhạt đặt đúng nơi đúng chỗ, phải công nhận là lối cách điệu này tuy giản dị nhưng rất tài, bố cục chặt chẽ, nhuần nhuyễn, hấp dẫn. Phải nhớ một điều, nếu là người nghệ sĩ chuyên nghiệp, rất khó mà cống hiến được cho ta một hình tượng như thế, ở đây là nghệ thuật của bản năng, của tài tình tự phát, của tài tử nghiệp dư mà dần dà, vì gần gũi

với cuộc sống của đại chúng nên đã nhập vào sâu sắc trong cuộc sống của nhân dân. Những nghệ thuật độc đáo của một dòng nghệ thuật tự do như vậy rất đáng cho chúng ta ngày nay phải lưu tâm nghiên cứu và học hỏi.

Ba lá bài thuộc ba cặp yêu: *ông ầm, thái tử, bạch tuyết*, về mặt phong cách tạo hình, có thể xếp luôn vào loại vừa đề cập.

Con *bạch tuyết*, đối lập với con *nọc đượng*, là quân bài cũng hết sức đáng chú ý. *Nọc đượng* là biểu tượng của dương vật thì *bạch tuyết* là biểu tượng của âm vật, là vật tổ I-ô-ni của dân Cham-pa cổ tái hiện trở lại theo một cách khác. *Bạch tuyết* ở vùng Bình Định gọi là *bạch huê*, và khi rút được từ trong ống lá bài này giữa một hội chơi bài chòi, anh Hiệu có thể rề rà hát lên một bài thơ lục bát, chữ nghĩa rất dân giả nhưng cũng pha một chút văn chương bác học, phảng phất chút đỉnh hơi thơ Hồ Xuân Hương:

Hoa phi đào phi cúc
Sắc phi lục phi hồng
Trơ như đá vững như đồng
Ai xô không ngã, ngọn gió lồng không xao
Mỉa mai cụm liễu cửa dào
Ong qua muốn đậu, bướm vào muốn bu
Bốn mùa đông hạ xuân thu
Khi búp, khi nở, khi xù, khi tươi
Chúa Xuân ngó thấy mỉm cười
Sắc hay vương vấn mấy người tài danh
Có bông, có cuống, không cành
Ở trong có nụ bốn vành có tua
Nhà dân cho chí nhà vua
Ai ai có của cũng mua để dành
Từ tôn do thử như sanh
Bạch huê mỹ hiệu xin phành ra coi.

Hình tượng trên quân bài cũng gợi lên ít nhiều những ý tưởng ấy, trông tựa như hai nhánh lá hoặc hai nhánh rong, nhánh ở trên là nét nổi bật trên nền trắng, nhánh dưới là nét trắng nổi bật trên nền đen. Nhánh lá rất có thể là một nhành liễu vẫn tượng trưng cho phụ nữ, nhưng theo ý tôi, đấy là âm

vật được cách điệu một cách bay bướm, nhẹ nhàng, do thế đã tránh được cái nặng nề phải mô tả đối tượng theo lối chính xác.

Về mặt kỹ thuật, với nét đen và trắng của hai nhánh lá ở đây, tuy rất giản dị nhưng đã tỏ ra biết đào sâu vào phương thức tạo hình của nghệ thuật mộc bản dân tộc, biết khắc họa những nét đen, biết đục sâu vào nền gỗ để tạo những nét trắng, gây nên tương phản về sắc độ rất hấp dẫn.

Con *thái tử* vẽ hình người mang hia, đội mão ra vẻ con nhà vua, người được chỉ định sẽ nối nghiệp cha trị vì đất nước. Hình vẽ giản lược phần thân mình, chỉ còn là một hình vuông giữa một khối bầu dục có những nét rằn rịt, hình vuông chứa những chấm đen nhỏ chạy thành hàng đều đặn. Hình vẽ nặng tính cách biểu tượng với thể dạng cái mão và đôi hia, lộ ra ngay dáng dấp áo mão cân đai. Phía trên đầu nhân vật, một mảnh son đỏ hình hơi tròn in chồng lên đấy như một dấu triện. Sự tham dự của màu đỏ son ấy cũng tìm thấy trên con *đỏ mỏ* tức *con ác*, con *ma trùng*, và đặc biệt nhất là trên *con ầm* tức *con sấm*, người ta in chồng lên các nét vẽ đen một lớp son đỏ phủ lấy toàn thể quân bài như vẫn thấy trên các đạo bùa, những nét vẽ đen, đỏ, ngoằn ngoèo chồng chéo lên nhau.

Chúng ta đã xem qua một số hình tượng tương đối lạ lùng trên các quân *bài tới*. Với các hình vẽ ấy, nếu đem ra đối chiếu với tất cả các quân bài khác trên khắp thế giới, cả Tầu lẫn Tây, có lẽ chúng ta sẽ nhận ra được ngay là chúng hết sức độc đáo, cá biệt, đặc sắc.

Ở nơi đây, tất cả đều tan biến, chỉ còn lại tiếng cười đùa dí dỏm, thoải mái, nghịch ngợm của nhân dân. Chúng ta thấy những hình ảnh *con gà* nằm cạnh ông *Thái tử, đôi gióng* đứng bên *ông ầm, con voi* chơi đùa với ông *thầy chùa*, anh *học trò*, anh chàng *ngủ trưa*, con *nọc đượng* cũng như con *bạch huê* đề huề với một *quan lường* (*Cẳng lương*). Dưới những triều đại phong kiến cũ, tiếng cười dòn dã và hồn nhiên ấy tất nhiên còn phải được lý giải trên cả những nhịp điệu của đời sống chính trị, đó cũng là một thứ vũ khí, dù tiêu cực và có thể là vô thức, để đấu tranh chống bạo lực và cường quyền thống trị.

Về mặt nghệ thuật tạo hình là điều cốt yếu mà bài giới thiệu này nhằm đạt đến, bộ *bài tới* chắc chắn sẽ có nhiều đóng góp hữu ích, phong phú, độc đáo đối với kho tàng nghệ thuật đất nước. Các nghệ sĩ hiện đại chắc chắn sẽ tìm được ở đây nhiều điều rất mới mẻ. Và hẳn rằng các nhà dân tộc học, khảo cổ học cũng sẽ còn nhiều vướng bận ở đây. □

Chú thích:

(1) Về bài chòi, xem thêm:

– Khảo về bài chòi, Võ Phiến, Tân Văn số 1 tháng 4-1968.

– Bài chòi ở Bình định, Tạ Chí Đại Trường, Sử Địa số 5, tháng 1-, 2-, 3- 1967.

– Những hội mùa Xuân, Nguyễn Văn Xuân, Tân Văn, số 9, 10, tháng 1-, 2- 1969.

– Nước non Bình Định, Quách Tấn, Nam Cường xuất bản, 1967.

– "Phong thổ Huế" trong *Lược khảo về mỹ thuật Việt Nam*. Từ Lâm Nguyễn Xuân Nghị, Quốc Học thư xã, Hà Nội, 1942.

Cũng nên xem thêm *Connaissance du Việt Nam,* Pierre Huard và Maurice Durand, trang 244-246, Hà Nội, 1944, viết về Tổ Tôm điếm, gần như cách chơi bài chòi nhưng có vẻ thanh nhã, quí phái hơn.

(2) Con bài: tiếng miền Trung, ở miến Bắc gọi là quân bài.

(3) Võ Phiến, *Khảo về bài chòi*, bài đã dẫn.

(4) Từ hình dáng mái nhà đến con nọc đượng hay nhì nghèo, biến dạng hơn một chút là con ba gà, biến dạng nhiều hơn nữa là các con bảy sưa, năm giày, đỏ mỏ, chúng ta đang đứng trước một đề tài khá lớn vô cùng thích thú trong lĩnh vực dân tộc học và cả mỹ học, khi đối chiếu với nhiều vết tích về nhà sàn trên suốt vùng Đông Nam Á và hải đảo, chưa kể đến những mái nhà sàn khác xa xôi hơn bên kia nửa trái đất. Trong chừng mực của bài viết này, chúng ta không thể đi xa hơn được. Đề nghị xem thêm:

– Tìm hiểu Nhà Đông Sơn qua ngôi nhà cổ của người Toradja (Indonesia). Tạ Đức, Khảo Cổ Học số 1, 1987.

– Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam. Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Vinh. Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam xuất bản, 1975.

– Introduction à l'Étude de l'habitation sur pilotis dans l'Asie du Sud – Est. Nguyễn Văn Huyên, Librairie Orientaliste, Paul Geuthner, Paris, 1934.

Tìm đọc

VĂN LANG số 3

tập san nghiên cứu Việt học

phát hành tháng sáu 1992

NGUYỄN MỘNG GIÁC

lại bàn một chuyện cũ...

*

Trước hết tôi xin kể một chuyện hậu trường văn chương ở đây, nơi vẫn được xưng tụng là thủ đô của người Việt tị nạn.

Một nhà thơ từng lê la mười năm ở các nhà tù cộng sản miền Bắc, được đoàn tụ gia đình chưa được bao lâu lại mắc vòng lao lý hơn ba mươi tháng vì tội liên hệ phản động. Cả gia đình nhà thơ vừa qua Mỹ theo diện H.O. chưa đầy một năm. Gia đình đông, đến Mỹ vào lúc kinh tế suy thoái, việc làm khó kiếm mà tiền nhà tiền ăn cứ chồng chất hằng tháng phải trả, nhà thơ vẫn có một quyết định hết sức thơ: ông chạy đôn chạy đáo xoay tiền in được một tập thơ đẹp, sau đó chạy đôn chạy đáo tổ chức một buổi họp mặt văn nghệ để trình làng tập thơ của mình. Bạn bè tới dự đông đảo, bạn nghề thời ở Sàigòn và các tỉnh, bạn tù ngoài Bắc và Chí Hòa, bạn văn quen trước quen sau. Một người bạn văn được mời lên diễn đàn để phát biểu cảm tưởng về tập thơ. Những lời trân trọng, nghiêm túc, chí tình. Nhưng ở phần cuối, như muốn điểm xuyết cho một bài phát biểu phần lớn toàn những ý trân trọng ngợi khen, người bạn tỏ ý tiếc là tập thơ của nhà thơ cựu tù nhân cộng sản "chưa có nhiều lửa".

Cái nốt ruồi điểm xuyết đầy thiện chí thân ái ấy không ngờ trở nên nguyên nhân một mối bất hòa trầm trọng. Nhà thơ giận bạn, bạn giận nhà thơ không hiểu mình. Tình bạn lâu bền bị tan vỡ chỉ vì một câu "giá mà...", "tiếc rằng..." đơn giản.

Chuyện mới, chuyện đơn giản ấy, thật ra là một chuyện cũ và không đơn giản chút nào. Hãy thông cảm cho người bạn ưu-thời mẫn-thế tôi tạm đặt bút hiệu là nhà văn "Giá Mà". Ông có rất nhiều bạn đồng tâm cảm, đồng chí hướng, và được đông đảo độc giả ái mộ. Ông thuộc vào trường phái "Giá Mà" đã có một truyền thống lâu đời, và bất cứ thời nào, bất cứ ở đâu, chủ trương văn nghệ của ông cũng ở thế thượng phong; thời bình thì các nhà văn nhà thơ "Giá Mà" thường làm quan to, vừa viết văn vừa làm thơ vừa ban huấn từ nhắc nhở các nhà văn nhà thơ thường dân nên viết cái này, không nên viết cái kia; thời loạn thì họ làm lãnh tụ tranh đấu hô hào xuống đường, vừa làm thơ vừa viết hịch hoặc thảo tuyên ngôn. "Giá mà...", "Tiếc rằng..." chỉ là cách nói văn hoa trao đổi giữa người văn nhã, chứ thực ra, theo truyền thống "văn dĩ tải..." của trường phái này, cách nói phải bộc trực đanh thép hơn, như "phải" và "không được".

Xuất phát từ nguyên tắc "Văn nghệ phải phục vụ chính trị", trường phái "Giá Mà" đòi hỏi văn nghệ sĩ phải dùng tài năng thiên bẩm của mình phục vụ đắc lực cho thế lực chính trị hiện đang "quản lý" văn nghệ sĩ, vì ngay cả tài năng thiên bẩm ngẫu nhiên cũng là tài sản của chính trị.

Trong các giai đoạn lịch sử chính trị ổn định, quyền lực chính trị duy trì được lâu bền để thành chính thống, thì đòi hỏi ấy không đặt cho giới văn nghệ nhiều vấn đề khó xử, không gây những băn khoăn thao thức lớn. Hàng nghìn năm cổ văn, thế mà ít khi chúng ta đọc được những thắc mắc hoài nghi về "văn dĩ tải đạo". Ăn cơm chúa, thì múa tối ngày để đẹp lòng chúa là chuyện bình thường, không hề thắc mắc múa may như thế là vinh hay nhục.

Nhưng vào những lúc chính trị bất ổn, cái thế chính thống bị thử thách, thì ngay lập tức chủ trương "Giá Mà" bị giới văn nghệ e ngại, lo sợ. Họ ngại và sợ cũng phải, vì họ bị soi mói từng cử chỉ, từng chữ viết. Một câu thơ ngẫu hứng có thể bị xuyên tạc này nọ, và không thiếu gì nhà thơ mang họa cho họ hàng vợ con chỉ vì một chữ, một câu thơ "có vấn đề". Người cầm quyền thiếu tự tín thì nạn nhân đầu tiên bao giờ cũng là văn nghệ sĩ.

Rồi ngay cả những thế lực muốn tranh đoạt quyền bính cũng không để cho giới văn nghệ yên thân. Thử tưởng tượng tình cảnh khó xử của Lý Bạch. Ông là một nghệ sĩ thuần túy được cái may mắn sống đầy đủ với chất nghệ sĩ của mình. Tục truyền nhà vua ưu đãi ông bằng cách ban cho nhà thơ lớn một tấm thẻ bài, ông đi đâu chỉ cần đưa tấm "*credit card*" đó ra là các quan địa phương phải cúc cung tận tụy lo đủ rượu thịt cho ông. Tôi tin là ông lạm dụng tấm thẻ bài ấy hơi nhiều, không chút áy náy, cho đến lúc... cho đến lúc chính tấm thẻ bài làm phiền ông. Lúc nào vậy? Sử Trung Hoa ghi lại rằng vì Đường Minh Hoàng mê đắm nhan sắc người quí phi họ Dương, bỏ bê triều chính mà nhân tâm bất mãn, loạn lạc nổi lên khắp chốn, quan trọng hơn hết là loạn An Lộc Sơn. Giả sử hơi men và cảnh đẹp lôi cuốn Lý Bạch đến một miền đất bất mãn với triều đình. Ông sẽ cư xử làm sao, ăn nói làm sao khi có nhà nho lớn tiếng chất vấn ông vì sao đem tài thơ ca tụng nhan sắc Dương quí phi. *Vân tưởng nghê thường hoa tưởng dung*. Ngươi có "nhất điểm lương tâm" hay không, khi hàng vạn nhà đói khát vì triều chính suy đốn, nhân tâm ly tán vì "ác phụ" họ Dương thì ngươi lại viết những lời phù phiếm!

Tôi đoán nếu gặp cảnh huống khó xử như thế, Lý Bạch chỉ biết ngồi thừ một chỗ dùng rượu lộc giải phiền, chứ không biết phải phân giải thế nào.

Lý Bạch và những người chất vấn Lý Bạch (giả sử thế) cùng sống trong một hoàn cảnh nhưng không cùng nói một "ngôn ngữ". Nói cho chính xác hơn, họ không giống nhau trong cách định giá chữ nghĩa, văn chương.

*

Nhà thơ cựu tù nhân cộng sản và nhà văn "Giá Mà" tạm giận nhau cũng vì quan niệm giá trị văn chương khác nhau.

Nhà văn "Giá Mà" nghĩ tới thơ là nghĩ ngay tới công dụng của thơ. Nếu hôm ra mắt tập thơ thì giờ cho phép, ông dã cặn kẽ giải thích những điều ông lấy làm tiếc là bạn ông (người từng ở tù cộng sản mười ba năm, người chiến sĩ chống cộng có thành tích, người có lập trường quốc gia bảo đảm) đã không làm dù đầy đủ điều kiện tốt.

"Giá mà" bìa tập thơ là bức tranh vách tù với những vòng kẽm gai dưới một vòm trời màu sẫm, thay vì tranh tố nữ!

"Giá mà" lời thơ chỉ có những tiếng thét đau đớn vì đòn tra tấn, những đôi mắt hờn căm, những tên vệ binh tàn nhẫn, những lời hịch đanh thép!

"Giá mà" nhà thơ bạn ông cẩn thận chọn lọc hơn, gạt bỏ không thương tiếc những bài thơ tình phù phiếm thiếu lửa, không xứng đáng với mười ba năm tù!

"Giá mà" những điều "giá mà" trên kia đều có, buổi ra mắt thơ hôm nay đã trở thành một cuộc hội thảo đấu tranh sôi nổi với cả nghìn người tham dự, có chào cờ quốc ca và mặc niệm, có tuyên dương thành tích và choàng vòng hoa, có tuyên ngôn tuyên cáo, và ngày hôm sau, ảnh người thi sĩ chiến sĩ đã đăng tải trên hầu hết trang đầu báo Việt ngữ.

Ông thành thật tiếc cho bạn ông, nhà thơ quá đủ điều kiện để vinh thăng thành người chiến sĩ đấu tranh. Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. Từ lâu, lâu lắm rồi, hình ảnh chàng nghệ sĩ mang gươm đi cứu đời cứu nước đã trở thành giấc mơ tuyệt vời. Bạn ông được đời trao cho thanh gươm báu, giá mà bạn ông biết tận dụng thời cơ vâng theo ý trời để múa một đường gươm đẹp!

Nhà thơ có lẽ không hiểu thiện chí của nhà văn "Giá Mà", bực mình, ngẩn ngơ, rồi nổi giận chỉ vì mấy tiếng "chưa có nhiều lửa". Mười bảy năm qua lúc nào ông cũng phải im lặng chịu đựng những lời "tuyên huấn" na ná như vậy. Đi đâu ông cũng nghe tiếng sắt tiếng thép chát chúa. Con ông ê a học bài:

Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.
(Thơ Hồ Chí Minh)

Dở tạp chí văn chương tìm chút gió mây, ông lại nghe quan to văn nghệ phán:

Thơ không chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh
Không phải chỉ ơi hời mà còn đập bàn, quát tháo, lo toan.
(Thơ Chế Lan Viên)

Chạy trời không khỏi nắng. Ông sống giữa những tiếng huyên náo và màu đỏ chói. Ông tìm cách tự vệ. Nàng Thơ (Nàng Thơ đích thực chứ không phải thơ thép) cuối cùng đã đến cứu ông. Sau những ngày tù dằng dặc, sau những giờ phút kiếm sống vã mồ hôi, ban đêm Nàng Thơ se sẽ đến bên ông, an ủi vỗ về ông. Ông hả hê trút hết bao nỗi phiền muộn, những giấc mơ, những kỷ niệm, một tà áo, một ánh mắt, những phẫn nộ, những yếu đuối. Nàng Thơ chăm chú nghe hết những lời ông tâm sự, không hề nhắc nhở ông điều này, cấm đoán ông điều nọ. Ông cảm thấy thoải mái, yêu đời. Từ lâu lắm, ông

không tìm lại được mình. Ông là con số tù, ông là bản lý lịch trích ngang trích dọc, ông là một nhân số tạm trú, ông là người ký tên vào bản tự kiểm. Nhờ Nàng Thơ, bây giờ ông đúng là ông.

Lúc còn ở tù, ông cố nhớ hết những lời Nàng Thơ thì thầm với ông. Vừa được trở về, việc đầu tiên ông làm là ghi lại hết những vần thơ êm ái ấy. Để làm gì? Không làm gì cả! Chưa chắc vợ con ông đã hiểu ông. Bạn bè còn tin được những ai? Ông ghi lại, làm thêm vài bài thơ nữa, chỉ để cho ông mà thôi. Người xưa bảo "thi ngôn chí" để phản bác lại nguyên tắc "văn dĩ tải đạo". Thơ của ông là phần thể hiện trọn vẹn nhất cá nhân ông, những đau đớn và hy vọng, hiện thực và ước mơ của riêng ông trong thời kỳ dông bão. Chính vì thế mà ông tìm hết cách đem bản thảo ra nước ngoài, và, như một cách tự xác định trước vợ con bè bạn, ông tìm cách in thơ. Ông không hề nghĩ đến công dụng xã hội của thơ mình. Qua kinh nghiệm, ông nhận thấy vào những lúc khốn cùng nhất của đời, Nàng Thơ tìm đến ông vì lòng lân cảm chứ chẳng có mục đích nào khác. Nàng Thơ không hề lợi dụng ông, chiêu hồi ông để sai ông điều gì.

Nàng Thơ "đưa ru", "ơi hời" cho ông tai qua nạn khỏi mà lòng không vướng bận những ai oán, chua chát. Nghe bạn ông "tiếc rẻng", ông nhớ ngay đến hai câu thơ của Chế Lan Viên. Nhưng xin tha cho ông: "đập bàn, quát tháo, lo toan", theo ông nghĩ, không phải là việc của Nàng Thơ. Đó là việc của quan tòa, công an, cảnh sát, mật vụ, lính kín, cai ngục. "Đập bàn quát tháo" để "thức tỉnh" đời. Ông không quen làm việc đó. Dĩ nhiên đời nhiều lúc ngủ mê cũng cần đập bàn quát tháo để lay tỉnh thật đấy. Nhưng bá nhân bá tánh, khối người ưa quyền lực đã tự nguyện xung phong làm việc đó. Phần ông, ông không thích. Ông ưa "ơi hời" hơn.

Người nào ưa "đập bàn quát tháo" bằng thơ thì cứ việc. Có những lời quát tháo đã đi vào lịch sử. Thơ tuyên ngôn, hịch tranh đấu, thơ tù... không hề thiếu trong sách sử, đánh dấu một thời kỳ, tô điểm nét trí tuệ cho cuộc đời lãnh tụ. Nói cho công bằng, những nhà hoạt động chính trị, những "chí sĩ" ấy chỉ muốn dùng văn thơ để tuyên truyền cổ động cho xu hướng chính trị của mình, chính trị là chính, thơ chỉ là phụ. Họ là những nhân vật lịch sử lớn, nhưng là những nhà thơ nhỏ. Thơ của họ là "tài liệu sử", chưa phải là "tác phẩm". Khi nắm quyền lực, họ có thể sai một bọn văn nhược tung hô họ thành thi bá, thi hào, một chữ viết sai chính tả, một dấu chấm trật chìa của họ cũng

trở nên siêu đẳng kỳ diệu. Quyền lực hết, xuôi tay nằm xuống, họ vẫn là nhân vật lịch sử, nhưng thời gian vốn công bằng, họ liền trở lại cái vốn họ có: là một nhà thơ tồi.

Cũng có những nhà thơ đích thực bị lịch sử lôi cuốn đến nỗi lớn tiếng phủ nhận những "lời ru" để hăng hái "dập bàn quát tháo". Xuân Diệu là một ví dụ. Chế Lan Viên là một ví dụ khác. Cả hai nhà thơ lớn của thi ca Việt Nam đều đã nằm xuống. Cả hai về già chỉ muốn đời nhớ họ là tác giả của những lời ru. Bạn đọc lỡ yêu mến họ cũng cố quên những lời quát tháo của họ, để khỏi vướng víu mỗi lần ngâm thơ tình của họ. Lỡ dại quát tháo quá nhiều bằng thơ, họ mất cả chì lẫn chài: Nàng Thơ bỏ họ, mà bọn làm chính trị dùng họ như một khí cụ quá bén, sợ đứt tay nên không cho họ nhập bọn.

Nhà văn "Giá Mà" có thể chất vấn bạn: "Vậy thì địa vị xã hội, trách nhiệm xã hội của nhà thơ nằm ở đâu, là gì?" "Anh là một thứ 'siêu-công-dân' ở bên trên xã hội hay sao?" Có thể nhà thơ sẽ phân trần: gia cảnh tôi thế này, hình hài tôi thế này, tiền bạc tôi thế này, đời thương hại là may, còn dám lên mặt với ai. Tôi thua xa mọi người, trừ một niềm kiêu hãnh khuất tịch lặng lẽ: là tôi đau hơn cái đau của thiên hạ, mừng sâu hơn hơn cái mừng của thiên hạ, và nỗi đau nỗi mừng của thiên hạ qua đi theo thời gian, còn tôi, tôi diễn ra được, lưu lại được. Tôi là một thứ "tang vật" của đời sống, bọn cầm quyền tai ngược không thích tôi không phải vì tôi là một đe dọa đối với quyền lực của họ, mà chỉ vì sợ những "tang chứng" xấu xa của đời họ lưu lại đời sau. Còn đối với người đời, tôi chỉ là một người láng giềng vô hại, được cư xử với một chút thương hại, một chút thông cảm, một chút kính nể. Người đời không hề đặt những câu hỏi gay gắt như trên cho nhà thơ. Chỉ có những ông chủ đặt câu hỏi đó để thu dụng thêm đầy tớ, những ông vua thu dụng thêm ca công, những nhà thơ tập tành làm lãnh tụ, những nhà văn đột ngột ưa thích đóng vai cán bộ tuyên huấn mới thích đặt câu hỏi đó.

Nhà thơ khỏi phải trả lời những loại câu hỏi đó, vì họ chỉ nghĩ đến "dụng", trong khi nhà thơ chỉ quan tâm tới "thể". Họ muốn Nàng Thơ phải ăn mặc hợp thời trang, trong khi nhà thơ trong những "phút linh cầu" chỉ biết tới những lời ru êm đềm thân ái của Nàng Thơ. Lời ru kết tụ Tâm Thành và cái Đẹp. Những thứ mong manh huyền ảo ấy nhiều lúc giúp ích cho đời nhiều hơn là thời trang và những tiếng đập bàn, quát tháo.□

PHẠM VIỆT CƯỜNG

tự nhủ lòng, lúc chia tay.

*

nhìn thấy trước những ngày xa vắng nhau
trong cõi đời xám chết
nhìn thấy chính mình bị mắc kẹt giữa đời sống và tình yêu
dãy dụa trong chập chùng hệ lụy
trong sự luỵ diệt êm ái của những giấc mơ
trong sự dánh lừa của những cơn say tưởng vọng
không thể kêu cứu không thể thoát khỏi
những mất mát không thể nhận ra
những ý nghĩ không thể tỏ bày
những cảnh đời không thể nếm trải
như suốt bao nhiêu năm vẫn thế
suốt tám năm lưu lạc
và mười mấy năm quê nhà
bao nhiêu điều không thể

nhìn thấy trước những quãng đời cách biệt nhau
mờ nhòa như những đoạn phim câm nín
nhìn thấy trước sự vỏ xé của kỷ niệm
khóc gọi từ chốn giam cầm lưt nát là ký ức ốm đau
như con thú dữ
trong mọi tiết mùa
ở bất cứ nơi đâu
trong ngày hôn mê trong đêm mất ngủ
trái tim trọng thương vẫn đập nhịp âm u
trong một thế giới ngày càng mênh mông buồn thảm
tối đen như biển đêm nào
với nhau
vĩnh viễn

nhìn thấy trước những buổi chiều còn lại
run rẩy chết ngoài xa xôi
nhìn thấy trước những mùa hè sắp tới
mãi mãi buốt lạnh trong nắng gió đời
cái thời điểm phục sinh khắc nghiệt
cuộc tái ngộ bất ngờ
lần từ biệt hoang mang
với nỗi bàng hoàng trước những gì chưa hiểu hết
những gì chỉ cảm nhận vào lúc lâm chung
chợt lóe sáng trên con đường nối lại thời gian đã mất
nối liền hai trái tim tan nát
chúng ta đã bình thản chuẩn bị tất cả
giọng nói
cái nhìn
những lời nhắn nhủ
như cụ già trăm tuổi ngồi thu xếp cuộc ra đi
bên chiếc áo quan thân thiết

nhìn thấy trước nơi chốn đày ải
mang mang những hình bóng tuyệt mù
vết rẽ trên mặt nước em bỏ lại
bóng chim bay em bỏ lại
cái sát na trong cõi khốc liệt phù du
thứ lương thực quá ngặt nghèo cho lòng khao khát
giữa đời sống bạo tàn và nụ cười em trẻ thơ
chúng ta nhìn nhau qua những điều bất khả
bởi mọi thứ đã trễ muộn ngay tự khởi đầu
sự chia lìa run lạnh trong bàn tay đan nhau lần thứ nhất
giữa chúng ta mãi mãi là biển núi muôn trùng
là những tháng năm xa lạ
là những chuyến tàu rời bỏ
là thứ lưỡi không đan dệt bằng ý chí u sầu
phải lấy hạnh phúc người khác làm nguồn an ủi
để tự dỗ dành mình
mà chẳng nguôi đau đớn

nhìn thấy trước bóng tối ngộp thở của đợi chờ
trong sự thất lạc quen thuộc
chúng ta còn bao nhiêu năm để sống nốt cuộc đời
mà phải ước hẹn nhau từng thập niên khủng khiếp
mà phải thề nguyền trong viễn tượng kiếp sau
phải giấu đi nước mắt
phải bình thản với nỗi đau xé ngực
phải dịu dàng nén đi tiếng thét
chúng ta còn lại những gì để hiến dâng nhau
mà chẳng thể ghì siết tấm thân thể còn ấm nóng/
chiếc phao duy nhất trong cơn hồng thủy
mà chẳng thể vỗ về bằng những tiếng thầm thì/
lời cầu hồn lãng mạn sau cùng
mà chẳng thể yên nghỉ trong mắt nhìn thương cảm/

thấy ở đó những giấc mộng đời quên lãng
nếu chúng ta phải mãi mãi rời bỏ chốn tạm cư hiu hắt này
không có nhau
thì đâu còn bất cứ niềm vui nào
trong cuộc đời này hay một nghìn kiếp khác
đền bù nổi
dù chênh vênh bên vực sâu từ biệt
không một chỗ bám víu
chúng ta không dám nương tựa vào bất cứ điều gì
kể cả lòng hy vọng - thứ niềm tin yếu hèn mong manh nhất
bởi đã nghe ra những lời không thể nói cùng nhau
ngay cả trong những giây phút sau cùng
nên mỗi người phải tự nhủ lòng
hãy cứ cách xa nhau như thế
hãy cứ yêu thương nhau như thế
hãy cứ chết đi như thế
khi quay lưng
nhỏ lệ một mình ...

Tìm đọc:
CÕI SA MÙ
tập I trong trường thiên tiểu thuyết DUNG THÂN
*
NIỀM VUI UNG THƯ
tập truyện
của TRẦN LONG HỒ
Minh Văn xuất bản

TRIỆU CHÂU

vài ý kiến ngoài văn học về sinh hoạt văn học tại hải ngoại *

Nói rằng sinh hoạt văn học của chúng ta ở hải ngoại đang bị "khựng" tất nhiều người sẽ không đồng ý. Ngược lại, bảo rằng sinh hoạt văn học của chúng ta đang có nhiều sắc thái mới, và một số đề tài sáng tác (hay... tranh luận mới) cũng sẽ làm nhiều người nghi ngờ. Hiện tượng trên đây – những cảm nhận trái ngược về sự trì trệ hay sinh động của văn học hải ngoại – chỉ phản ảnh một sự thể khác: bất cứ một vấn đề nào đang làm chúng ta quan tâm, ưu tư, khó chịu, đồng ý hoặc bất bình, đều có một phần sự thật, nhưng dường như chỉ một phần thôi.

Hãy lấy vài thí dụ:

Về phong trào văn chương phản kháng, đề tài từng gây sôi nổi một hai năm về trước, so sánh với trước đây, những người làm văn học nghệ thuật trong chế độ cộng sản ở trong nước đã mở rộng khuynh hướng sáng tác ra khỏi lối mòn văn chương sách động và khẩu hiệu chày cối. Họ quả là có đề cập tới những vấn đề ai cũng biết nhưng trước đây ít dám nói tới, và làm nhà cầm quyền nhức nhối. Tuy nhiên, từ đó bảo rằng chế độ đã thay đổi và những người cầm bút trong nước đang tấn công vào nền móng của chủ nghĩa, vân vân... thì lại là một kết luận lạc quan. Về nhu cầu mở rộng nguồn giao lưu văn hóa giữa trong nước với hải ngoại, một đề tài được coi là "nóng bỏng" hơn đề tài trên, chúng ta hầu như đều đồng ý rằng phải giúp cho người trong nước (ở trong và ngoài đảng) thấy rõ thế giới bên ngoài và ngược lại, người Việt bên ngoài phải hiểu rõ hơn sự thể bên trong. Nhưng, từ đó tiến bình thường hóa việc trao đổi văn học bên trong ra ngoài, bên ngoài vào trong, vẫn là một việc gây dị nghị. Vì những người cầm quyền trong nước chưa từ bỏ chế độ

thấy ở đó những giấc mộng đời quên lãng
nếu chúng ta phải mãi mãi rời bỏ chốn tạm cư hiu hắt này
không có nhau
thì đâu còn bất cứ niềm vui nào
trong cuộc đời này hay một nghìn kiếp khác
đền bù nổi
đứng chênh vênh bên vực sâu từ biệt
không một chỗ bám víu
chúng ta không dám nương tựa vào bất cứ điều gì
kể cả lòng hy vọng - thứ niềm tin yếu hèn mong manh nhất
bởi đã nghe ra những lời không thể nói cùng nhau
ngay cả trong những giây phút sau cùng
nên mỗi người phải tự nhủ lòng
hãy cứ cách xa nhau như thế
hãy cứ yêu thương nhau như thế
hãy cứ chết đi như thế
khi quay lưng
nhỏ lệ một mình ...

Tìm đọc:
CÕI SA MÙ
tập I trong trường thiên tiểu thuyết DUNG THÂN
*
NIỀM VUI UNG THƯ
tập truyện
của TRẦN LONG HỒ
Minh Văn xuất bản

TRIỆU CHÂU

vài ý kiến ngoài văn học về sinh hoạt văn học tại hải ngoại *

Nói rằng sinh hoạt văn học của chúng ta ở hải ngoại đang bị "khựng" tất nhiều người sẽ không đồng ý. Ngược lại, bảo rằng sinh hoạt văn học của chúng ta đang có nhiều sắc thái mới, và một số đề tài sáng tác (hay... tranh luận mới) cũng sẽ làm nhiều người nghi ngờ. Hiện tượng trên đây – những cảm nhận trái ngược về sự trì trệ hay sinh động của văn học hải ngoại – chỉ phản ảnh một sự thể khác: bất cứ một vấn đề nào đang làm chúng ta quan tâm, ưu tư, khó chịu, đồng ý hoặc bất bình, đều có một phần sự thật, nhưng dường như chỉ một phần thôi.

Hãy lấy vài thí dụ:

Về phong trào văn chương phản kháng, đề tài từng gây sôi nổi một hai năm về trước, so sánh với trước đây, những người làm văn học nghệ thuật trong chế độ cộng sản ở trong nước đã mở rộng khuynh hướng sáng tác ra khỏi lối mòn văn chương sách động và khẩu hiệu chày cối. Họ quả là có đề cập tới những vấn đề ai cũng biết nhưng trước đây ít dám nói tới, và làm nhà cầm quyền nhức nhối. Tuy nhiên, từ đó bảo rằng chế độ đã thay đổi và những người cầm bút trong nước đang tấn công vào nền móng của chủ nghĩa, vân vân... thì lại là một kết luận lạc quan. Về nhu cầu mở rộng nguồn giao lưu văn hóa giữa trong nước với hải ngoại, một đề tài được coi là "nóng bỏng" hơn đề tài trên, chúng ta hầu như đều đồng ý rằng phải giúp cho người trong nước (ở trong và ngoài đảng) thấy rõ thế giới bên ngoài và ngược lại, người Việt bên ngoài phải hiểu rõ hơn sự thể bên trong. Nhưng, từ đó tiến bình thường hóa việc trao đổi văn học bên trong ra ngoài, bên ngoài vào trong, vẫn là một việc gây dị nghị. Vì những người cầm quyền trong nước chưa từ bỏ chế độ

độc quyền văn hóa tư tưởng của họ và vì bộ máy cai trị – dù rữa nát và hủ lậu – vẫn còn nhiều quyền hạn thanh lọc những tác phẩm cho in, cho bán.

Nói rộng sang nhiều địa hạt khác, ta cũng thấy tình trạng hắc bạch chưa phân minh:

Sau khi các nước Đông Âu lần lượt từ bỏ chủ nghĩa cộng sản (mà không gặp phản ứng ngăn chặn của Liên Xô) rồi sau khi Liên Xô tan rã, người ta có thể nói không sai rằng chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung. Nhưng, từ đó coi là chế độ cộng sản ở Việt Nam cũng đã hay đang cáo chung, đang biến chất, hoặc sẽ tất yếu tiêu vong, vân vân, lại là một kết luận chưa chính xác.

Sau khi Liên Xô tan rã và Hoa Kỳ trở thành siêu cường kinh tế độc bá thế giới về quân sự, người ta có thể kết luận rằng chủ nghĩa tư bản đã thắng thế, hoặc nền dân chủ theo mô thức Tây phương (mà Hoa Kỳ là đại diện chói lọi) sẽ là mô thức của thời đại. Nhưng, những khó khăn kinh tế xã hội của Hoa Kỳ và nền tảng dân số phức tạp của Âu Châu hay sự bức bí trong đời sống xã hội Nhật Bản cũng có thể khiến chúng ta kết luận ngược lại: chưa bao giờ chủ nghĩa tự do kinh tế (hoặc chủ nghĩa tư bản) lại bị thách đố nặng nề như hiện tại và chưa bao giờ con người ta thấy rõ ràng hơn những yếu kém thuộc về cơ cấu của chế độ dân chủ.

Chúng ta có thể còn tìm thấy rất nhiều dữ kiện cho thấy rằng bất cứ một biến cố nào đó xảy ra trên thế giới (trong đó có cả nước ta) đều có thể diễn dịch hoặc giải thích theo hai hướng khác nhau. Và ngược lại, bất cứ một ý kiến nào được nêu lên về những vấn đề nói trên đều có một phần sự thật. Khi sự thật đã là mười mươi rõ rệt thì chẳng còn ai quan tâm tranh luận. Khi sự thật còn ẩn náu đâu đó trong vùng đất xám, trắng đen lẫn lộn, người ta mới phải tranh luận. Ly nước kia đã vơi một nửa hay đầy được một nữa cũng là một đề tài tranh luận.

Nhưng, quậy sóng gió trong một ly nước chưa chắc đã là việc đáng làm.

Khi nhìn từ thế giới về tới nước nhà, chúng ta thấy sóng gió sẽ còn nhiều, nhiều lắm, mà không chỉ là sóng gió trong ly nước. Trong tinh thần đó, người viết xin nêu lên một số ý kiến về những vấn đề đáng để chúng ta quan tâm tìm hiểu và trao đổi, với ước mong là sẽ mở rộng nền tảng đối thoại và thu hẹp những dị biệt giữa chúng ta với nhau và giữa chúng ta và những người ở trong nước. Y như hiện tượng vừa dẫn vào ở trên, những điều nêu lên có thể có một

phần sự thật, dù rất nhỏ, người viết cũng mong là đáng cho chúng ta cùng để tâm suy nghĩ...

Điều đầu tiên nên đề cập tới là hoàn cảnh của chúng ta ở hải ngoại.

*

Khác với hoàn cảnh của dân chúng trong nước (trong đó có cả hoàn cảnh của những người tương đối "sáng" hơn quần chúng, những người có suy tư và tìm hiểu về vấn đề đất nước ở ngoài khuôn khổ tư duy xã hội chủ nghĩa), ở ngoài này, chúng ta có điều kiện thuận tiện hơn để theo dõi và suy nghĩ về một số biến cố lớn vừa xảy ra cho nhân loại. Khác với hoàn cảnh của những người ngoại quốc (họ kiểm nghiệm ảnh hưởng của những biến cố này đối với bản thân hay xã hội họ đang sống) chúng ta cố gắng suy luận và tìm hiểu về những biến cố này không phải đối với cuộc sống chúng ta ở bên ngoài, mà đối với đất nước chúng ta ở đằng sau.

Vụ bạo động tại Los Angeles là một thí dụ. Khi chứng kiến sự kiện kinh hoàng trên, ta nghĩ ngay đến Việt Nam. Một chuyện như vậy chưa từng xảy ra trong xã hội ta: Hoàng Lê Nhất Thống Chí quá xa quá mờ nên ta không rõ là vụ Nguyễn Huệ giải phóng Phú Xuân (và dân chúng rượt chém binh lính nhà Trịnh) hoặc vụ loạn kiêu binh ngoài Bắc Hà hơn hai trăm năm về trước có giống như vậy chăng. Hoặc, với hiện tượng đô thị hóa và sự phẫn uất trong một xã hội vô trật tự, liệu một vụ như vậy có thể xảy ra tại Việt Nam không? Chúng ta có ngay phản ứng quy chiếu vấn đề vào bối cảnh Việt Nam để so sánh, để suy đoán ra hậu quả và ít nhiều tìm hiểu về những giải pháp ngăn ngừa...

Đặc tính trên đặt chúng ta vào một hoàn cảnh khá bất thường: sống ở xứ người, ta vẫn phản ứng theo cái Việt tính ở trong tâm trí. Trong khi đó, ta không được những người cầm quyền hoặc những người có ảnh hưởng trong dư luận Việt Nam coi là những người Việt Nam trọn vẹn. Chỉ vì một chân lý chính trị vô cùng ngớ ngẩn: yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa.

Những cuộc tranh luận đã xảy ra trong chúng ta, hoặc việc tranh đấu cho những người bên trong có thể thâu tóm vào khía cạnh hoàn cảnh nói trên. Chúng ta có điều kiện thuận tiện hơn để hiểu được lẽ tương đối của mọi loại vấn đề thì nên thận trọng và khéo léo trong cách tranh luận hoặc tranh đấu hầu không gây thêm những rắc rối phụ thuộc vào nội dung vấn đề vốn dĩ đã không đơn giản. Có lẽ chúng ta đã thiếu thận trọng khi tranh đấu cho người

bên trong (vụ Dương Thu Hương nặng lời với Thụy Khuê là một thí dụ) hoặc thiếu khéo léo khi tranh luận với nhau ở bên ngoài (thí dụ như vụ thổi phồng phong trào văn chương phản kháng hoặc mau mắn bắc cầu "giao lưu văn hóa" với bên trong, vô hình chung cắt cầu với đa số bên ngoài và nổi trôi trên một cái bè theo mạch nước do những người lãnh đạo văn nghệ bên trong vẫn nắm quyền dóng mở) nên mất nhiều công sức và bạn bè cho những việc suy cho cùng ai ai cũng đều đồng ý trên căn bản.

Có hai mối nguy có thể xảy ra vì cái hình thức tranh luận hay tranh đấu trên:

Mối nguy bên ngoài là một số người trong chúng ta sẽ coi vấn đề này là chính, và tận tình hơn thua với nhau bằng ngòi bút. Tôi không nói tới đây những hiện tượng làm dáng, đánh bạc giả, mà muốn thu vấn đề trong phạm vi những người có thiện chí và thành tâm."Thị phi thành bại chuyển đầu không", phải chi ta cùng hiểu như vậy...

Mối nguy bên trong là những người có thể là rất gần gũi với chúng ta trong những thao thức về việc dân việc nước sẽ đánh giá sai chúng ta - điều đó chưa quan trọng - và đánh giá sai luôn cả bản thân và môi trường thế giới, đây mới là điều đáng nói, đáng lo.

Thế giới đang bước vào những thay đổi lớn, kể từ hơn nửa thế kỷ vừa qua. Loài người dường như chưa được trang bị hoặc chuẩn bị đầy đủ cho những xoay chuyển này. Đất nước chúng ta lại thuộc loại nghèo khổ và lạc hậu nhất thế giới, vừa muốn mở cửa bước ra, dân ta sẽ gặp nhiều ngạc nhiên bẽ bàng, nhiều thất vọng ê chề. Một nước giàu mạnh có bị va chạm và khủng hoảng họ còn có cái vốn dầy lưng để vượt lên, nước ta không có điều kiện đó. Vì vậy mà chúng ta nên lo ngại.

Ở bên ngoài, mặc dù có "bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh", những người cầm bút vẫn phải cố vượt qua được hoàn cảnh éo le của mình và góng lên những lời báo động về những lo ngại trên. Ta không biết điều mình nói mình viết có kết quả hay không (ai bảo dảm được điều đó?) nhưng vẫn phải nói phải viết. Ta cũng biết là không ai lợi tiên đoán giông bão, nhưng ở vào điều kiện thấp thoáng thấy thế kỷ 21 ló dạng và nhớ đến đất nước nhiều khi vẫn chưa ra khỏi những vấn đề của thế kỷ 19, ta không thể không lên tiếng.

Chúng ta không nên sợ là mình nhầm lẫn hay bi quan thái quá, vì sự thực luôn luôn là sự thực và vì một chân lý có giá trị hơn chân lý hiện hành: sự hiểu biết sẽ giảm thiểu những chọn lựa cực đoan ngu tối.

Vì vậy, vấn đề chính ở đây là chúng ta phải vượt qua những trở ngại về hoàn cảnh, và cố giải tỏa những mâu thuẫn về cách đối phó với hoàn cảnh éo le trên, để đi vào nội dung của những vấn đề dân ta có thể gặp, hoặc sẽ gặp.

*

Một vấn đề thứ hai, dù rất phụ thuộc, cũng cần phải được đề cập tới ở đây. Đó là vai trò của kiến thức và trí thức.

Chúng ta đều đồng ý với nhau rằng một trong những vấn đề nước ta đang gặp là tình trạng lạc hậu về kiến thức hiện đại. Chúng ta cũng nên đồng ý rằng một trong những yếu tố sẽ làm thay đổi xã hội ta, như đang làm thay đổi xã hội loại người, chính là kiến thức. Việc mở mang kiến thức là một vấn đề cấp bách cho đất nước, dù có còn hay không còn chế độ cộng sản chuyên chính. Việc thay thế chế độ hiện nay bằng một chế độ tốt đẹp hơn cũng tùy thuộc một phần không nhỏ vào vấn đề nâng cao tầm hiểu biết của dân chúng.

Trong các thành phần xã hội, thành phần trí thức là những người có tầm hiểu biết cao hơn trung bình và có những nỗ lực quảng bá tư duy để gây ảnh hưởng trong xã hội, giúp cho xã hội nhìn ra vấn đề và, nếu có thể, nhìn thấy trước vấn đề, mà kịp thời đối phó. Tại những xã hội tiến bộ (giàu có hơn, ổn định hơn và dân chủ hơn), người ta chứng kiến sự tách biệt, có khi là mâu thuẫn, giữa hai thành phần chuyên viên và trí thức. Những người có hiểu biết chuyên môn và dùng sự hiểu biết chuyên môn đó giải quyết những vấn đề lớn nhỏ của xã hội thì được coi là chuyên viên. Những người có sự hiểu biết về con người (chuyên môn hay không) và chia xẻ những suy tư của mình với người khác để làm thay đổi xã hội cho tốt hơn (theo suy luận của họ) được coi là trí thức. Những người trí thức thường phê phán chuyên viên (và không sai) rằng chuyên viên biết ngày một sâu về những vấn đề ngày một hẹp hơn. Ngược lại, người chuyên viên thường nghĩ (và cũng không sai) rằng trí thức ưa hoài nghi, ưa đặt vấn đề hơn là giải quyết vấn đề và ưa nêu lên những hướng giải quyết mà bất kể tới phí tổn. Tại những xã hội chưa mở mang như nước ta, người chuyên viên thường phải kiêm nhiệm luôn chức năng của trí thức vì nhu cầu quảng bá kiến thức. Điều đó đưa tới một hậu quả bất ngờ là trí

thức gốc chuyên viên nhìn vấn đề từ khía cạnh chuyên môn ra nên hay đề cao những giải pháp có tính chất cục bộ và thư lại, thiếu một cái nhìn toàn diện. Vì vậy mà có khi tranh luận xảy ra giữa những thành phần trí thức gốc chuyên viên với nhau. Dù sao, loại tranh luận này còn có một cơ sở lý luận và hai viên kỹ sư có quan điểm dị biệt, về việc nên xây cầu hay bắc phà qua sông để phát triển một vùng đất châu thổ chẳng hạn, cũng khó chụp mũ nhau là có âm mưu làm học phiệt, hoặc đòi lãnh đạo khoa học kỹ thuật. Họ có nền tảng hiểu biết để cảm được chuyện "thày bói sờ voi", về giá trị tương đối của những giải pháp kỹ thuật hay xã hội mà họ chủ trương.

Vì bản chất của công việc, chưa hẳn là nghề nghiệp, giới văn nghệ sĩ cầm bút dễ thấy hoạt động của mình đưa mình vào thành phần trí thức. So với thành phần trí thức gốc chuyên viên nói trên, người trí thức trong văn học thường có cái nhìn tổng quát hơn (mà người ác ý thì gọi là mơ hồ hay hão huyền hơn), thiên về trực giác hơn suy luận. Nhưng cũng vì vậy mà cuộc tranh luận dễ tràn ra khỏi nội dung vấn đề và xoay vào hình thức hoặc tư cách của những người trong cuộc. Chưa kể là với sức mạnh của ngòi bút (được đánh giá bằng... đơn vị võ trang, cả một sư đoàn chẳng hạn), người ta có thể giết nhau bằng giấy mực, đó là trò chơi *character assassination*, khiến nhiều khi giới cầm bút Việt Nam phải gọi tới trọng tài Mỹ khu xử.

Vấn đề ở đây là cách xử thế giữa những người trí thức với nhau.

Một người chuyên viên hoặc cả một người cầm bút cũng có thể in nghề nghiệp của mình trên danh thiếp, "bác sĩ y khoa", "tiến sĩ kỹ sư", "nhà báo" hoặc nhà văn (nếu là nhà văn nhà báo chưa nổi danh). Nhưng, không ai in trên danh thiếp của mình cái nghề hay cái thiên chức "trí thức" cả. Khác với những thành phần xã hội còn lại, người trí thức không thể tự phong mà chỉ được quần chúng coi là trí thức hay không, căn cứ trên những điều họ đã phổ biến. Giống như ngôi nhà văn nghệ không có cửa ai vào cũng được, ngôi nhà trí thức cũng là căn nhà trống, ai cũng có thể bước vào và tự nghĩ mình là trí thức. Giống với giới cầm bút, họ được công nhận khi có người theo dõi, có bạn đọc. Nhưng, chỉ có sự việc được quần chúng đón nhận tác phẩm của mình mới khiến một người cầm bút được coi là nhà văn nhà thơ hay không, và chỉ có sự việc được quần chúng quan tâm tới vấn đề họ nêu lên mới khiến một người ưa lên tiếng đáng được coi là trí thức hay không. Mà sự phán đoán của quần chúng là cái gì đó rất mơ hồ bấp bênh, có khi tùy thuộc nhưng không

nhất thiết tùy thuộc vào trình độ dân trí hoặc trình độ thưởng ngoạn của quần chúng.

Chúng ta đang đi vào một địa hạt hết sức tế nhị khi tất cả mọi chuyện trên lại bị hòa lẫn cùng nhau: bất cứ ai cũng có quyền tự xưng mình là văn nghệ sĩ, tự nghĩ mình là trí thức, và một số người muốn đi đường tắt, muốn có quần chúng đông và nhanh, với một vài thủ thuật về truyền thông. Một tác giả Tây phương có nói ra điều đó khá phũ phàng: "Dân chủ là chấm dứt văn chương, người nào cũng được tự do viết dở đến mấy cũng được, nhưng không ai được quyền viết hay hơn". Khi sinh hoạt trao đổi ý kiến và tư tưởng diễn ra trong môi trường hỗn tạp như vậy, những người hoài nghi, tự trọng hoặc thiếu khả năng tự bêu riếu bèn ngần ngại, rút lui và dần dần giữ thái độ lặng im. Song song, khi chính trị vẫn còn là một tấc nghẽn cho việc nước hiện nay và là một vấn đề không đề cập tới không được, chính trị trở thành tiêu chuẩn phán xét cả sinh hoạt văn học lẫn tư tưởng.

Với hậu quả là hải ngoại là nơi sản xuất ra nhiều nón cối nhất! Không cần biết nếp tẻ gì, nhiều khi cũng chưa đọc tác phẩm, người ta đã quy cho tác giả những tội tày trời, hoặc nhân danh quyền tự do ngôn luận, người ta kéo nhau ra chợ đốt sách...

Vô hình chung, sự sôi nổi trong sinh hoạt văn học có khi chỉ phản ảnh những tranh luận thiếu nghiêm túc thiết thực, và vô hình chung, chúng ta đã lướt qua rất nhanh những vấn đề nghiêm trọng và giành quá nhiều thời giờ cho những vấn đề có thể chỉ thuộc về hình thức, về hoàn cảnh của người cầm bút bên ngoài, như đã nói ở trên.

Tôi thiển nghĩ rằng chúng ta nên tự nhắc nhau về kích thước rất tương đối của các khía cạnh trên và cố gìn giữ sự tự chế trong cách đối xử với nhau. May ra ta có nhìn ra một chút ánh sáng le lói nào đó trong căn hầm tối của dân tộc chăng. Và cũng vì mức độ trầm trọng của các vấn đề làm những người cầm bút thao thức mà người viết xin đề cập tới những vấn đề này trên một diễn đàn văn học.

*

Vì giác độ mở rộng của các loại vấn đề dân ta sẽ gặp - mà vấn đề nào chẳng có ảnh hưởng tới sinh hoạt văn học của chúng ta - tôi xin chọn lựa một hướng trình bày có thể là chủ quan, đi từ việc "phi văn học" vào tới lãnh vực văn học,

với một xu hướng cũng chủ quan không kém là sát nhập sinh hoạt văn học vào sinh hoạt của thành phần trí thức.

Trước tiên, về tình trạng lạc hậu của đất nước.

Chiến thắng Đống Đa là trận chiến cuối cùng của nước ta theo hình thái quân sự cổ điển, tạm gọi là hình thái "tiền công nghiệp", trước khi có cuộc cách mạng kỹ nghệ xuất phát từ Tây phương. Dân tộc ta chưa có điều kiện tiến hành cuộc cách mạng đó nên vẫn là những người Việt Nam thông minh sắc xảo, cần cù và hy sinh vì lý tưởng, ta đã bị thảm bại khi tàu chiến Tây phương nã đại bác vào nước ta.

Chúng ta bị vượt qua và thất bại vì áp dụng những hiểu biết cũ đối phó với những vấn đề mới. Dân ta mất chủ quyền và cũng mất luôn cơ hội chủ động canh tân đất nước. Vì vậy mà trong một thế kỷ vừa qua, ta phải giải quyết hai việc một lúc: giành lại chủ quyền dân tộc và canh tân đất nước.

Chủ nghĩa quốc gia dân tộc được hình thành trong giai đoạn này, như sức mạnh động viên để giải quyết vấn đề chủ quyền. Trong sự hình thành của chủ nghĩa quốc gia và nhất là trong hoàn cảnh đấu tranh chống ngoại nhân, sự khác biệt giữa "ta" và "người" dĩ nhiên là được nhấn mạnh, cùng với tính ưu việt của "ta" trên "người". Trên nguyên tắc lý tưởng, một điểm tới của chủ nghĩa quốc gia sẽ phải là tinh thần dân chủ, áp dụng cho mọi người dân trong phạm vi một quốc gia độc lập, khuôn khổ sinh hoạt chính trị giữa "ta" với "ta".

Song song, nhu cầu canh tân đất nước cũng đòi hỏi chúng ta du nhập những ý niệm mới, những hiểu biết mới ("*Theo mới, triệt để theo mới*" từng là điều tâm niệm hàng đầu của một thời!). Nỗi khổ tâm và cũng là điều mâu thuẫn xảy ra cho chúng ta là ý niệm "mới" đã đi đôi cùng "người". Chúng ta cố bảo nhau sống theo nếp sống văn minh mới và hình như còn đặt ra những nấc thang giá trị theo tiêu chuẩn của "người". Lần đầu tiên sau nhiều thế kỷ dựa trên những thang giá trị của Đông phương (của tập quán dân tộc và của Khổng giáo Trung Hoa đã Việt hóa), chúng ta bắt đầu có một loại thang giá trị mới, *nằm ở ngoài xã hội*.

Chúng ta thấy Chu Văn An và các bậc Thánh hiền của cụ đã trở thành xa lạ, lạc lõng; Nguyễn Khuyến thì kèm nhèm đôi mắt, lủi thủi đáng thương với một chiếc thuyền câu bé tẻo teo trong một ao thu lạnh lẽo. Thánh hiền thời nay là những nhà tiên tri mắt xanh tóc xoắn, những triết gia nói về sức vạn

năng của loài người khi Thượng Đế đã chết, những sử gia báo trước sự vận hành tất yếu của lịch sử, giải phóng loài người qua một cuộc cách mạng long trời lở đất. Trong cuộc đua theo đuổi cái "mới", người ta đi từ cải lương qua cách mạng, và cái được coi là "mới" nhất chính là chủ nghĩa cách mạng "khoa học", có tham vọng đánh cả Tây ("người", đối thủ tiêu biểu nhất) lẫn xây dựng một xã hội vô sản, từ xưa tới nay chưa từng có.

Không đi theo cái "mới" khủng khiếp trên thì người ta tìm cái "mới" trên hình thức. Thời trang không còn là cái áo tứ thân và hàm răng hạt huyền và đàn ông tóc dài còn bị cắt ngắn như một biểu hiện của tinh thần duy tân, cách mạng. Chúng ta chuộng vành mũ *Mossant* hay một điệu vũ tân thời như say mê phim ảnh hoặc văn chương ngoại quốc...

Một hậu quả đáng lo là những người làm việc phiên dịch hay diễn dịch đã được coi là trí thức mà mấy mươi năm sau, nhiều người trí thức vẫn chưa vượt lên giá trị của một người làm công việc thông ngôn. Nếu sòng phẳng nhìn vào vấn đề như vậy, có lẽ chúng ta đã tránh được nhiều trận bão trong ly nước nửa vơi nửa đầy của sự thật.

Khi hai vấn đề canh tân và độc lập nói trên bị lồng vào nhau, chúng ta gặp rối loạn.

Chẳng hạn, những người muốn canh tân đất nước nhưng không chấp nhận chủ trương cách mạng vô sản có thể bị coi là phản quốc, bị đẩy vào hàng ngũ bên kia, vào phe "người", không phải phe "ta", chỉ vì những điều kiện vật chất và tinh thần giúp ta canh tân quốc gia lại thuộc về "người", về Pháp, về Tây phương. Những người đòi hỏi dân chủ cũng có thể được nghe thấy một định nghĩa khác về dân chủ: nền dân chủ bạn nói đó là dân chủ của Tây của Mỹ, tức là của địch, của người, còn nền chuyên chính của ta nó dân chủ gấp triệu lần nền dân chủ tư sản Tây phương... Chúng ta du nhập những tư tưởng mới của thiên hạ và du nhập luôn cả những mâu thuẫn trong hệ thống lý luận của Tây phương. Rồi đánh nhau rất thật trên những vấn đề rất giả.

Trong quá khứ, ta học theo Tây phương lý luận chính trị phân biệt cánh hữu và cánh tả. Hữu là những người bi quan, bảo thủ, e ngại đổi mới, muốn bảo vệ trật tự cố hữu, muốn phát huy tự do cá nhân, vân vân... Tả là những người lạc quan, muốn có những thay đổi tiến bộ và muốn phát huy công bằng xã hội... Mở rộng ra, cũng vẫn trong tinh thần du nhập những ý niệm của thiên hạ, hữu là những người chủ trương chủ nghĩa quốc gia cực đoan, chống

cộng quá khích, đề cao những giá trị tinh thần của văn minh văn hóa Việt Nam, truy tìm trong lịch sử và văn học những yếu tố bảo vệ bản sắc dân tộc. Ngược lại, tả là những người muốn canh tân, muốn xây dựng những điều kiện phát triển như Tây phương, nhưng chống Mỹ, muốn tiến hành cuộc "cách mạng xã hội không cộng sản"... Tiến xa hơn nữa, những người muốn làm cuộc cách mạng đưa nước ta vượt qua cả Tây phương, theo khuôn mẫu Liên Xô, về tới quê hương Mao Trạch Đông, là những người cực tả...

Sau 1975, tình hình nước ta đã đổi thay đột ngột: Người ta chợt thấy ước mơ "cách mạng xã hội không cộng sản" đã bị cách mạng vô sản cưỡng đoạt và cách mạng vô sản thì làm đất nước thành bần cùng. Những người quốc gia thì thành lưu vong, vọng ngoại, kẻ theo quốc tế vô sản thì thành vô địch về tinh thần bảo vệ quyền lợi quốc gia dân tộc, chống cả Tầu lẫn Mỹ. Nhưng, trên căn bản, chúng ta chưa thấy sự va chạm khốc liệt của cái "mới".

Phải đợi tới ngày hôm nay, khi bức tường Bá Linh đã đổ, ranh giới tả/hữu, mới/cũ, ta/người... đã bị xoá sạch cùng với sự sụp đổ của đế quốc Liên Xô, người ta mới thấy những người cách mạng nhất vài chục năm trước lại là những người lạc hậu nhất. Những người tự xưng là yêu nước nhất lại cũng là những người mong muốn bang giao, mong Mỹ chóng qua, kinh tế chóng mở để khỏi chết đói. Ngược lại, những người bị miệt thị là theo Mỹ, vong bản, tỵ nạn phản động, vân vân.... lại là những người lo âu cho những vấn đề mới, mà nước ta sẽ gặp.

Chúng ta sẽ còn ở trong tình trạng lạc hậu khá lâu khi chưa phá vỡ cái mâu thuẫn giả tạo trên đây và tìm ra một cách xử thế tử tế hơn giữa "ta" với "ta", và thông minh hơn giữa "ta" với "người". Đây là một vấn đề không nhỏ, đáng để chúng ta quan tâm suy nghĩ và thảo luận với nhau.

Nếu chỉ chú tâm đến địa hạt văn chương không thôi chẳng hạn, ta vẫn nên suy nghĩ về vấn đề khi muốn đề cập tới nhu cầu "làm mới văn chương" cho kịp trào lưu sáng tác "mới" của thiên hạ. Khi thấy có thị trường do một số Việt kiều về nước buôn bán hoặc khi thấy một số nhà văn nữ tại Pháp ào ào bước vào địa hạt văn chương dục tính (mà những người bảo thủ, hoặc những ai chẳng thấy giá trị văn chương trong những sáng tác mới này, gọi nôm na là khiêu dâm), ta cũng có thể làm mới văn chương "tự do" với những sáng tác nhầy nhụa. Dường như cuộc đua lại được mở ra và những cây bút viết bạo nhất thời xưa chợt thành hiền như "ma sơ", rồi những nhà văn thuộc lớp tuổi

thành danh trước 1975 đã được hăm he báo trước là sẽ bị đào thải. Y như bản thân họ có khi cũng đã đòi đào thải thế hệ cầm bút thời Tự Lực Văn Đoàn... Nhưng có lẽ ngoài một chút doanh thu nho nhỏ, hay một chút danh rất dị, ta chẳng nên trông đợi là trào lưu sáng tác mới này sẽ làm người trong nước khâm phục vì tính chất tiền phong hay cứu rỗi của nó, khi họ đang xoay trở với những vấn đề khác, trên một thực tế khác của đời sống.

Cách đây mấy chục năm, các cụ của chúng ta cũng từng gây nhiều sóng gió trong cuộc bút chiến về Truyện Kiều, có phải là dâm thư hay không. Những sóng gió đó đã bị sóng gió thật của thời sự cuốn trôi và ngày nay, không biết còn ai nhớ tới nữa không. Suy rộng sang nhiều địa hạt khác, ta sẽ thấy nhiều sự hụt hẫng của trí tuệ trước những thay đổi lớn lao của thế giới.

Chúng ta muốn dong buồm ra khơi nhưng tấm hải đồ và cái hải bàn cũ dường như đã thành vô dụng. Ta có thể quậy lên những con sóng nhỏ trong cõi văn chương riêng, hoặc say sóng với nhau trong chén rượu, mà chắc gì đã tránh được những giông bão sẽ xảy ra cho đất nước.

* Tại sao người viết lại bi quan như vậy khi chủ nghĩa cộng sản đã phá sản và trước sau gì những ràng buộc cưỡng bách của chủ nghĩa này cũng sẽ lần lượt tan rã? Tại sao ta lại nghĩ rằng dân tộc đang rong buồm ra khơi trong một chuyến hành hài không bản đồ khi sự thắng thế của nguyên tắc dân chủ chính trị và tự do kinh tế đã được đương nhiên chấp nhận vì kẻ thù của dân chủ và tự do kinh tế đã bị thảm bại?

Người viết thiển nghĩ là sau hơn nửa thế kỷ đặt để ra luật chơi trong mối tương quan thế giới lẫn trong chánh sách cai trị của từng nước, chủ nghĩa cộng sản đã tháo rút như con triều đen và đang cho chúng ta thấy một thực tế khác nằm sâu bên dưới. Thực tế đó không đương nhiên tốt đẹp hơn mà còn là những nan đề chưa có giải đáp của thế giới.

Trước hết, sự sụp đổ của đế quốc Liên Xô và sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản là sự phá sản của một hệ tư tưởng từng có khả năng vận động gần một phần ba nhân loại. Nhưng biến cố trên không phải là sự thắng thế của Hoa Kỳ hay của ý niệm dân chủ kiểu Mỹ. Ngược lại, khi đã thấy những bộ kaki một năm trước đây mới làm nức lòng dân Mỹ trong cuộc chiến vùng Vịnh lại xuất hiện trên đường phố Los Angeles, bảo vệ trật tự ở một tiểu bang nổi tiếng có tinh thần bao dung và mở ngỏ nhất, người ta hiểu là có cái gì đó không ổn trong nền dân chủ Hoa Kỳ.

Khi còn phải đối đầu với chủ nghĩa cộng sản, ta có khuynh hướng rộng lượng với những chế độ không cộng sản, nhiều khi lạc quan gọi đó là dân chủ. Chẳng hạn như đối chiếu với chế độ hiện hành, nhiều người lại tiếc thời Việt Nam Cộng Hòa dù thời đó ta chưa có dân chủ như vẫn mong muốn ngày nay. Và rất nhiều người cũng đồng ý rằng nếu những người lãnh đạo thời đó sẽ lãnh đạo nước ta ngày nay (giả thuyết thuần túy giả định) thì chắc là vận nước vẫn còn điêu linh. Đối với Hoa Kỳ cũng vậy, ta không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản nên coi nền dân chủ của Mỹ như một phản diện lý tưởng. Thực ra, nếu phân tách kỹ lưỡng tinh thần công dân trong xã hội Hoa Kỳ (tỷ lệ đi bầu thấp, những vấn đề dân sinh trong xã hội được giải quyết bởi từng nhóm áp lực cục bộ, tinh thần *ghetto* và phân liệt của từng nhóm thiểu số trong huyền thoại *melting pot*, nền công dân giáo dục gần như không có trong các lớp trung tiểu học công lập...), chúng ta thấy rằng nền dân chủ này có những nhược điểm khá nghiêm trọng.

Lúc đó, ta mới nhớ tới lời phán xét của Churchill, đại loại "Dân chủ là chế độ tệ nhất con người ta tìm ra, sau khi đã trắc nghiệm những giải pháp còn tệ hơn". Chúng ta sẽ rất dại dột nếu muốn đem nền dân chủ đó áp dụng vào nước ta. Có lẽ chẳng ai muốn như vậy, vì biết rằng mỗi quốc gia có thể có một số hình thái sinh hoạt dân chủ thích hợp với dân tộc mình, với xã hội mình, chứ không có một mô thức dân chủ nào đó có giá trị toàn cầu cho mọi quốc gia. Nhưng, ta chưa biết là Việt Nam sẽ cần một nền dân chủ như thế nào và nên bình tâm suy nghĩ để cùng thảo luận về vấn nạn này.

Thứ hai, sự chuyển hướng của các nước Đông Âu lẫn nước Nga sang hệ thống kinh tế tự do không có nghĩa là kinh tế thị trường sẽ lập tức giải quyết các vấn đề khan hiếm của xã hội. Ngược lại, sự phát triển thất quân bình của các nền kinh tế tự do sẽ gây những phí tổn xã hội và đưa đến những khủng hoảng lớn lao khác. Một trong những nguyên nhân của tình trạng suy thoái kinh tế kéo dài quá lâu tại Hoa Kỳ hay vụ nổi loạn tại Los Angeles chính là chánh sách xã hội thiếu quân bình, nên chỉ cần một biến cố tâm lý châm ngòi là nổ tung thành một vụ thổ phỉ, cướp cho bõ ghét, đánh cho sướng tay. Khi so sánh kinh tế Hoa Kỳ với các nền kinh tế tự do khác người ta cũng thấy một vấn đề trước đây ít ai quan tâm vì bị dìm sâu trong tương quan chiến lược giữa hai khối (và bị khỏa lấp bởi nhu cầu an ninh chiến lược): kinh tế tư bản không chỉ có một mẫu mực do Hoa Kỳ là tiêu biểu mà còn có nhiều mô thức

phát triển khác nhau. Sau khi tương quan Đông/Tây được giải toả, với sự tàn lụi của khối Xô Viết và sự thắng thế của Tây phương, tương quan kinh tế giữa các nước công nghiệp Tây phương sẽ trở thành đa cực với những mâu thuẫn, cạnh tranh và tranh đấu ngày càng gay gắt hơn, xảy ra giữa Nhật Bản (và các nước Đông Á), Hoa Kỳ (và các nước Bắc Mỹ) và Đức (cường quốc kinh tế trong Cộng Đồng Âu Châu). Trong điều kiện đó, đâu là giải pháp kinh tế tự do thích hợp nhất cho Việt Nam (cụ thể là ta nên chọn mô thức tư bản nào, với chánh sách xã hội tiến hành cùng phát triển kinh tế ra sao)?

Trong hoàn cảnh đấu tranh kinh tế giữa các nước cùng theo kinh tế tự do, Việt Nam sẽ là một thị trường và cũng là một chiến trường. Liệu ta có lại tiếp tục để tái diễn hiện tượng đất nước là chiến trường cho mâu thuẫn Đông/Tây từng làm nước ta điêu linh trong nửa thế kỷ qua hay không?

Câu trả lời sẽ không đến từ Milton Friedman hay những kinh tế gia kiểu "Chicago Boys" tại Nam Mỹ, cũng như đã không đến từ những viện hàn lâm kinh tế của Liên Xô và Đông Âu. Khi đề cập tới vấn đề này, ta cần nhìn lại vị trí Việt Nam trong cái gọi là "Thế Giới Thứ Ba", và nhìn vào xã hội Việt Nam với mâu thuẫn lưỡng cực hiện vẫn chưa giải quyết.

Thế giới thứ ba là một ý niệm chỉ có giá trị nếu còn hai thế giới kia (cộng sản và tư bản). Khi thế giới cộng sản tan rã, ý niệm thế giới thứ ba đang tiêu vong và thay vào đó, càng ngày ta càng thấy mối tương quan Nam/Bắc sẽ là cái trục chi phối quan hệ quốc tế. Nam là các nước kém mở mang, đa số thuộc về Nam bán cầu, và Bắc là các nước công nghiệp, đa số nằm ở Bắc bán cầu. Ngày xưa, các nước trong thế giới thứ ba còn có thể đứng ở vị trí "bắt chẹt" cả hai khối để được viện trợ (và bị lệ thuộc!): dọa theo khối kia nếu không được khối này viện trợ hay hậu thuẫn. Ngày nay, khối cộng sản thì đã kiệt quệ và khối tư bản thì cũng chưa ra khỏi chu kỳ suy thoái, ta không bị nạn trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết nhưng cũng sẽ khó tiếp tục sách lược làm ngư ông đói rách dợi thủ lợi nhờ tranh chấp trai cò.

Đồng thời, chúng ta cũng sẽ không biết là phải chọn lựa sách lược nào trong một thế giới đã đảo lộn. Mà không chỉ riêng chúng ta, hầu hết các nước thuộc Đệ Tam Thế Giới đều gặp sự hụt hẫng trước những biến chuyển mới.

Vấn đề thứ tư là cách xử trí của chúng ta với nhau: Sau khi đế quốc Liên Xô sụp đổ, vành đai chuyên chính bị đánh bung, người ta thấy nổ ra biết bao hiềm khích giữa các sắc dân từ mấy chục năm nay vẫn bị dồn nén hoặc bị chế

độ cộng sản cũ sàng xẩy bắt sống chung với nhau sau những cuộc cưỡng bách di dân. Tình hình Nam Tư và Trung Á cho thấy là loài người không biết điều và quyền tự do tìm thấy có thể dẫn chúng ta đến cả quyền tự do làm loạn. Suy rộng hơn và về đến việc riêng của nước ta, sẽ có ngày người ta xé cờ đảng và phá vỡ cùm gông như Nguyễn Chí Thiện từng tiên đoán, nhưng liệu đến lúc đó, "ta" với "ta" đã biết xử thế với nhau tử tế hơn không? Nhưng uẩn ức dồn nén bao lâu nay sẽ được giải tỏa như thế nào, với những tổn thất ra sao?

Nói như vậy không có nghĩa là ta nên tiếp tục dánh vòng đai chuyên chính cho chặt, với lý do là "không có đảng sẽ có loạn". Thực sự loạn đã có, đang có và sẽ còn kéo dài ngày nào đảng còn nắm quyền chuyên chính. Nhưng, với những phong ba sẽ xảy ra vào buổi giao thời, có giá trị tinh thần nào giúp ta chung sống một cách thanh bình và êm ả vượt qua bão tố với tối thiểu tổn thất, trong thời hạn ngắn nhất không?

Nói tới những giá trị tinh thần, ta bước qua vấn đề thứ năm, về sự cáo chung của những tư tưởng đã một thời nuôi nấng những ảo giác của nhân loại:

Tư tưởng Mao Trạch Đông, mà một kinh tế gia Hoa Kỳ (Paul Sweezy) năm 1975 từng dõng dạc coi là "tương lai của nhân loại", hiện chỉ còn là "con đường sáng" cho một nhóm võ trang luẩy quẩy trong rừng già Nam Mỹ. Cuộc tranh luận về ý thức hệ cộng sản cũng đi vào tàn lụi sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ và nước Nga đi bán võ khí lấy tiền dong gạo. Thế đối thoại Nam - Bắc ta vừa nói tới ở trên đang chuyển thành một sự xâm nhập của di dân miền Nam lên miền Bắc (qua Địa Trung Hải tại Âu Châu, qua biên giới Mễ Tây Cơ và vịnh Florida tại Bắc Mỹ) với những ảnh hưởng văn hóa xã hội người ta chưa lường trước được. Vụ nổi loạn tại Los Angeles hay nạn ma túy tại Hoa Kỳ là những triệu chứng trông thấy của hiện tượng trên. Bên kia Đại Tây Dương, những rối loạn xã hội và sự bành trướng của khuynh hướng cực hữu, của tinh thần bài ngoại và óc kỳ thị, cũng là những triệu chứng trông thấy. Khi thế đối thoại Nam - Bắc nói trên lại bị sang đoạt bởi sự bành trướng của chủ nghĩa Hồi giáo trọng căn, cực đoan, bài Tây phương, nổi lên từ Trung Đông và Bắc Phi, người ta thấy là những nhà lý luận Tây phương, thuộc phe tả, ưa dạy thiên hạ về cách xử thế với các nước Đệ Tam Thế Giới, đều bị giải giới. Điển hình là thái độ lúng túng của họ khi quân đội Algérie cướp chính quyền và hủy bỏ kết quả bầu cử để ngăn cản không cho phe Hồi giáo cực

đoan lên cầm quyền. Nhóm quân phiệt Algérie dã dẹp dân chủ để không bị rơi vào hoàn cảnh của Iran Hồi giáo, nơi mà tư tưởng dân chủ của Tây phương còn bị coi là tà giáo. Vì vậy mà những nhà trí thức tranh đấu cho dân chủ đã phải lặng thinh khi chiến xa lăn vào Alger bắn vỡ tung thùng phiếu!

Trong ba chục năm vừa qua, ở các nước chậm tiến, người ta dã thấy trắc nghiệm tất cả các loại cách mạng xanh đỏ, các loại độc tài và chuyên chính tả hữu, và đều lần lượt đi vào bế tắc. Liên Xô nay đã thoát xác, Trung Quốc đã tắt ngọn hải đăng định soi sáng các nước Đệ Tam về lo lấy nồi cơm trong nhà, độc bá quần hào là Hoa Kỳ thì kéo quân về dẹp nội loạn và cằn nhằn đồng minh Nhật Bản là buôn bán không sòng phẳng, Âu Châu thì vừa phải tiếp thu phân nửa miền Đông đói rách vừa phân vân không biết sẽ thống nhất kinh tế tới mức nào và đối phó với làn sóng Bắc Phi ra sao. Các nước Á Phi hay Trung Nam Mỹ đã được giải phóng, được thả nổi để mạnh ai người ấy lo cho bản thân, trên những thất quân bình xã hội khủng khiếp không kém gì những khoản nợ Tây phương...

Chỉ trong một giai đoạn ngắn của nhân loại, những tư tưởng huy động xuất phát từ Tây phương đã bị sụp đổ hàng loạt và ta hoàn toàn không có một mẫu mực thay thế có sẵn. Chưa bao giờ ta thấy thiếu cái nhìn khải thị của các "bậc tiên tri" như hiện nay. Vì vậy mà người viết mới bi quan nói về một chuyến hải hành không hải bàn, và nói về nhu cầu thảo luận giữa chúng ta với nhau, để nếu chưa biết về những gì nên làm thì ít nhất cũng biết về những gì nên tránh.

*

Hãy đi xa hơn, vào một số biểu hiện của sự tiến bộ ta chưa có và mong sẽ sớm có, những biểu hiện vốn lại khá gần gũi với những người cầm bút trong chúng ta...

Ngày xưa, nắng chang chang trên hè phố Sàigòn, ta chống dù đen bước vào La Pagode luận bàn về sức khoẻ của Sartre, về một câu thơ của René Char hay một phim mới Joseph Losey... coi đó là thời thượng là trí thức. Sau này, thế nào là nếp văn minh mới của nước ta?

Khi đi vào kinh tế tự do, ta sẽ thấy các tiệm *hamburger* của Mỹ ngự trị ngay trên những khu phố sang trọng nhất của đất nước, và trai thanh gái lịch mặc áo thun *I Love New York*, làm tại Phi, tấp nập rủ nhau ra đó nói chuyện nhân thế, ta sẽ nghĩ sao? Từ Hoa Kỳ nhìn về (nơi mà đi ăn McDonald's chỉ

được coi là bình dân đại chúng), nhiều người tất phải nhột nhạt. Từ trong nước nhìn ra, những người từng ôm bom ba càng đòi đánh Mỹ cứu nước tất cũng thấy khó chịu, mà không hiểu vì sao. Ta có lý do văn hóa hay bảo tồn di tích lịch sử gì mà ngăn cản việc đầu tư trên không nhỉ? Tự do kinh doanh mà, vả, mình đang cần ngoại quốc đầu tư... Nếu dân chúng chảy hội đền Hùng thay thăm chùa Hương Tích và ghé ăn McDonald's dưới chân núi trong tiếng nhạc Rock om xòm thì đã sao? Thanh niên Nhật Bản chẳng như vậy khi đi thăm Đế Đô của họ sao! Nói cứng như vậy, chứ ta vẫn thấy có gì đó không ổn.

Chúng ta chắc chắn sẽ có phản ứng với vài ba hiện tượng văn hóa đồng dạng nói trên, ngày càng phổ biến ở nước ta. Thời xưa, miền Nam ta từng say mê *Mission Impossible* thì thời sau ta cũng sẽ không thể tránh cho con trẻ đối thoại với như như trong *Miami Vice*. Nhất là khi ma túy đã sẵn có và trẻ em thì vẫn chưa được chăm sóc tới nơi tới chốn.

Bỏ qua vài biểu hiện phù phiếm trên đây, ta thử đi sâu vào những khía cạnh khác của loài người tiên tiến mà xem, ta sẽ không thiếu gì đề tài sôi nổi.

Quốc gia dân chủ và giàu mạnh nhất thế giới là Hoa Kỳ không có khả năng giải quyết các vấn đề như tài trợ chi phí y tế xã hội, như nạn ma túy, bệnh "liệt kháng" (bệnh AIDS, hay SIDA), nạn băng đảng thiếu niên giết nhau bằng súng tự động, như nạn con nít dưới hai mươi tuổi không gia đình đã đẻ và đòi nhà nước trợ cấp nuôi con, như việc học sinh được phát túi ngừa tinh miễn phí nhưng người lớn lại cấm không được bắt chúng đọc kinh trong trường (vì sợ xâm phạm vào quyền tự do tư tưởng của chúng)... Trước những vấn nạn này, ta không trông đợi gì được ở lời dạy dỗ về dưỡng nhi của Benjamim Spock, những kêu gọi khai phóng của Herbert Marcuse, hay những tư tưởng về cấu trúc của Louis Althusser...

Cụ thể hơn, khi thấy dân chúng Âu, Mỹ và Nhật chiếu cố Thái Lan như một trung tâm mãi dâm quốc tế và thấy sự hồ hởi của nhà cầm quyền hiện nay với quốc sách cung cấp dịch vụ "du lịch và giải trí quốc tế" ở giữa nền vô giáo dục phổ biến của thiếu nhi trong nước, làm sao chúng ta không lo ngại? Một vài người làm việc trong lãnh vực kinh tế hoặc có sự giám cách rất vệ sinh của môn xã hội học đối chiếu đã phải thở hắt: "Dân ta cũng khó thoát khỏi giai đoạn... 'làm điếm nuôi con', như Nhật Bản sau Thế Chiến, như Đại Hàn hay Đài Loan ba mươi năm về trước, như Thái Lan ngày nay"... Đề cập tới

vấn đề này không phải chỉ là trách nhiệm của các bậc mô phạm mà là một ưu tư chung cho tất cả chúng ta. Và đặt vấn đề "làm mới văn chương" trong bối cảnh trên, nếu ta có đè dặt với những biểu hiện của tiến bộ theo kiểu văn chương thiên về dục tính thì cũng là điều dễ hiểu.

Chúng ta bắt đầu trở về lãnh vực văn hóa và văn học với những ưu tư trên...

*

Sau giai đoạn kinh hoàng tháo thân thời 1975, chúng ta ở hải ngoại người trước người sau bắt đầu bước vào cuộc phấn đấu mới trên vùng đất mới. Đây là lúc tinh thần dân tộc được khơi dậy mạnh nhất vì những va chạm vào cuộc sống mới. Dăm ba năm sau, ta đã thành công và ổn định cuộc sống, nên bắt đầu thấy sự nhàm chán của xứ người.

Đặc tính chung của tất cả các xã hội dân chủ trong các nước theo công nghiệp chính là sự nhàm chán trong một hình thức văn hóa đồng dạng nói trên, chẳng phải vì ta là người lưu vong mới thấy như vậy. Càng quên cảnh lưu vong, nghĩa là càng sống hội nhập cùng dân địa phương ta càng thấy nhàm chán nặng.

Vì vậy mà chúng ta hay có khuynh hướng khuấy động, nhiều khi cũng chỉ là cho đỡ buồn, như trường phái Chu Tử thời xưa. Chúng ta nghịch ngợm và thủ vai *cynique* trong khuynh hướng văn chương đểu cáng và tự coi như đã vượt lên trên sự trống vắng của xã hội vật chất. Ta chẳng có điều gì phàn nàn về lối thoát đó, nhưng cũng không thể coi thái độ trên là của bậc thất hiền trong một vườn Trúc Lâm hiện đại hóa. Và cũng không thể mong là sẽ cảm hóa những cây bút trong nước về giá trị của văn học tự do ở hải ngoại.

Một yếu tố đáng quan tâm khác là sự thoái lui của nghệ thuật và truyền thông ấn loát trước truyền thông điện ảnh. Sự thoái lui đó đã đáng cho ta ưu tư. Nhưng ưu thế và ảnh hưởng của truyền thông điện ảnh trên truyền thông ấn loát, cụ thể là trên ngòi bút của chúng ta, cũng là một mối quan tâm chính đáng khác.

Đứng đầu thế giới về phim ảnh và truyền hình (những phương tiện truyền thông đại chúng đang có ảnh hưởng nhất hiện nay) Hoa Kỳ không giải quyết được một vấn đề nằm trong thuộc tính của loại truyền thông này: hình ảnh truyền đi dễ chuyên chở những dữ kiện cụ thể (chưa chắc đã là xác thực) nhưng không trình bày được những ý niệm trừu tượng bằng truyền thông ấn loát. Người ta có khuynh hướng xem truyền hình hơn là đọc sách, nhất là khi

hình ảnh được truyền đi mau lẹ hơn là bài viết. Với sự phổ biến ngày càng rộng lớn của truyền hình ta nên lo ngại là con người sẽ thích biết nhiều, nhưng hiểu ít, thích hành động nhưng kém suy tư, thích vật chất và xa rời những vấn đề tinh thần. Phim ảnh Hoa Kỳ được phổ biến rộng rãi hơn phim ảnh Âu Châu là vì vậy (coi phim Mỹ giải trí thoải mái, coi phim Tây, Ý, Anh thì dễ chán... "họ nói nhiều quá!"), nhưng quần chúng Mỹ xa dần những vấn đề lớn của nhân loại và có khả năng tập trung tư tưởng ngày một kém cũng vì vậy. Những xã hội được coi là tiến bộ nhất là những xã hội có nhiều tự vựng và ý niệm trừu tượng, sự tiến bộ của truyền thông điện ảnh làm con người sẽ xa dần những ý niệm trên, quên dần những ngôn ngữ trên.

Chúng ta biết là Đông Âu đã được giải phóng một phần nhờ truyền thông và sự hiểu biết về thế giới bên ngoài, nên nếu ta có chuẩn bị những phương tiện vật chất và kỹ thuật để làm một cuộc đổ bộ truyền thông trên đất nước cũng là điều phải. Nhưng, từ bên ngoài, ta cũng cần thấy rõ hơn mặt trái của vấn đề hầu liều thuốc truyền thông của chúng ta không thành liều thuốc đổ bệnh sau này. Nói vậy không có nghĩa là ta lại bưng một bà Phối Hợp Nghệ Thuật ra làm công tác kiểm duyệt. Với bà Phối Hợp Nghệ Thuật hiện nay mang bệnh cận thị và thô bỉ trong tấm áo đỏ, ta đã thấy là không được rồi.

*

Để kết luận, người viết xin trở lại với diễn đàn Văn Học chúng ta đang cầm trong tay.

Những người Pháp định cư từ mấy thế hệ tại Louisiana có thể tự hào là họ nói tiếng Pháp... đúng nhất. Đúng như thời vua Lộ Y Thập Bát nào đó. Nhưng, dân chúng Pháp không ai nói hoặc viết như họ nữa. Chúng ta chắc chắn không muốn như vậy. Chúng ta không muốn là giòng văn học Việt Nam khi phải tạm thời lưu vong ra hải ngoại sẽ chảy vào một vùng nước tù, ngày một bé lại, đặc quánh những tiêu biểu của một thời đã qua. Chúng ta không muốn vậy nên phải tìm sự nối kết với giòng sinh mệnh văn hóa của đất nước.

Ai cũng biết rằng văn học là phản ảnh của đời sống, đời sống nào, thuộc quốc tịch nào cũng vậy mà thôi, và trong khía cạnh đó ta không thể sắp xếp một loại giá trị cao thấp nào cả. Nhưng, khi ý thức được cái Việt tính trong mình, và không muốn thành một nhánh văn chương ao tù - với người đọc ngày một ít, và người viết ngày một lạc lõng - chúng ta phải cố phóng mình ra khỏi

trạng thái "đặc khu tỵ nạn" và cảm được sự sống của đất nước như sự sống của chính mình.

Khi đó, ta sẽ thấy những mây đen vần vũ trên tương lai đất nước.

Vì hoàn cảnh của đất nước trong hai thế kỷ vừa qua, những người làm văn học và nói rộng ra, những người suy tư nhiều về nhân thế, về xã hội, đã cố mở ra những chân trời mới và nhiều khi phải làm cả việc chuyển ngữ như một sinh hoạt văn chương mới. Tự thân, điều đó chỉ là tự nhiên và bình thường. Nhưng, khi ra tới nước ngoài, với dân số ngày một đông những người đọc ngoại ngữ, ta bắt đầu thấy cái "mới" đó chỉ là chuyện thường nhật. Sau giai đoạn hồi tưởng bằng ngòi bút (truyện dài "cách mạng", vượt biên, cải tạo, định cư, vân vân...) người ta thấy như mọi việc đều bé đi, đều cạn cụt.

Cùng lúc đó, những biến chuyển trong nước đã đặt ra một số vấn đề mới, mỗi người xét theo một cách và phản ứng theo một lối. Nhưng, những vấn đề mới đó lập tức bị phủ lấp bởi những biến động còn lớn lao hơn của tình hình thế giới. Việt Nam sẽ khó tránh khỏi những chấn động xuất phát từ tình hình trên. Chúng ta không còn thấy cảm giác bế tắc cạn cụt, nhưng thấy hụt hẫng vì quy mô của vấn đề. Những giải pháp ngoại nhập từng được trắc nghiệm hoặc từng ảnh hưởng tới tư duy hay bút pháp của ta đều trở thành bất cập.

Chúng ta sẽ phải tìm lấy đường mà đi. Chúng ta phải suy nghĩ độc lập. Cho chính mình ở bên ngoài, và cho cả đất nước ở bên sau.

Trong thập niên sắp tới, người ta sẽ nghe các chuyên viên chuyên gia, các doanh nhân lớn nhỏ lên tiếng. Thời của họ đã tới vì kinh tế và kỹ thuật đang là những vấn đề cấp bách, không chỉ cho riêng nước ta. Nhưng, chỉ dăm ba năm nữa thôi, người ta cũng sẽ thấy những giới hạn và bế tắc và khủng hoảng của hệ thống tổ chức cũ, của trật tự cũ. Lúc đó, người ta mới thấy cần tới những nhà tư tưởng, những người có thể không biết gì về kế toán, về kỹ thuật, nhưng lại cảm nhận được con người ta chính xác hơn một máy điện toán siêu đẳng.

Đây không phải là một bài toán trí thức, một loại phương trình tư tưởng giải quyết trong phòng thí nghiệm cho mục tiêu tự hiện. Đây là bài toán về đời sống, và cụ thể là đời sống của người Việt Nam, ở trong nước. Chúng ta cần thấy trước những sự việc đó bằng cảm quan của tâm hồn và cần phản ảnh sự thể đó bằng ngòi bút của chúng ta.

Vẫn biết rằng khi đất nước chuyển mình, không ai ưa loài chim báo bão cả, và chúng ta chỉ mong rằng mình dự đoán sai khi báo trước những gian nan dân ta sẽ gặp. Nhưng, khi thấy binh lính Liên Xô quăng súng ra chợ kiếm ăn trước khi nhổ trại từ Đông Âu về cầy ruộng tại Nga, khi thấy chủ nghĩa tư bản tự nhiên thắng thế trong khi kinh tế tư bản lại liên miên khủng hoảng, khi thấy sự trỗi dậy của những tư tưởng cực đoan, những lời kêu gọi chém giết nhân danh bộ tộc, dân tộc, đấng tiên tri, vân vân... chúng ta không thể không bi quan về con người và đất nước.

Đặt vấn đề trong bối cảnh đó, ta sẽ thấy vai trò nhỏ bé của người làm văn học, và cũng là cái trách nhiệm lớn lao của văn học khi muốn thực sự gắn liền với đời sống.

PHAN NI TẤN (N.D.)

thơ quỳnh

*

cái hồi tết tiết năm nào
lần đầu gặp gỡ mình chào chiết nhau
hồi đó hồn còn xanh màu
bây giờ hai đứa bạc đầu thấy ghê

dấu huệ hồng

*

dạ thì mình vẫn bạn nhau
nhưng vai anh lớn xin hầu về trên
khi vui nhớ nhắc tôi lên
hồn đời tôi cũng lênh đênh lắm rồi

THƯỜNG QUÁN

lá

(tặng Nguyễn Mộng Giác)

*

Rơi trận mưa phùn lá những con đường sáng nằm tản mộng
Dâng dậy máu hình hài cây già cổ đầu dốc nặng
Gánh chân trời cong oằn. Rễ. Đá. Quay lưng, những con đường thất tán.
Khuôn mặt xanh, rời. Những nhánh gân rừng.
Mưa như da thịt ta từng sống yêu niềm sợ hãi
Nỗi chết chuyến đi xa những căn nhà bấu chặt
Hốc cửa đèn vàng, cồn mây đêm nổi trận
Lét leo những vệt sao đơn, những ngọn đèn trên tay người tiền trạm
Chuyến áp tải qua những rừng những lán
Điệu kèn gió Hung Nô
Những khuôn mặt Tuồng chảy sáp
Đỏ miệng vôi. Vuông pháp trường. Cánh đồng lạnh.
Lửa đuốc bần thần bó cuộn
Hất lên những mắt gỗ đoanh vân
Nhựa bồi chảy ròng dọc thân ruỗng cạn
Mưa loang loáng trong hóc tối chờ giọt buông
Một kẻ nào ngửa mặt hét lên. Mưa!
Mảnh như hoa ốm sương run niềm sợ hãi
Phù sinh - chiều nát cánh hôm qua sập mái
Tro tàn dưới chân thân nhân làng mạc
Vòng khói cột phướng trắng chịu ngang thân
Rễ đá ngược đầu thớt vuông ngay ngắn
Mưa mắt tươi manh thân chẳng còn lành lặn
Vạt nâu trên đất gối
Lại khua từng trưa nắng hanh khô.

VÕ ĐÌNH

Anne

*

Anne là một bà lão người Pháp, ngụ ở Paris, nhưng quê ở miền Aquitaine, gần biên giới Tây-nam với Tây-ban-nha. Đã 66, bà đã yếu đi nhiều tuy mỗi ngày bà vẫn thường đi bộ vài ba cây số. Đó là một người đàn bà thông minh, yêu đọc sách, nghe nhạc cổ điển, trồng hoa, trồng rau.

Gần hai mươi năm về trước, Marcel, chồng Anne, qua đời và bà ở vậy nuôi bốn đứa con khôn lớn. Người thân thích còn lại của Anne là cha già, mà mọi người đều gọi là Grandpère, và bà em gái, Arlette. Cha Anne đã 94, lưng còng nặng, nhưng trí óc minh mẫn, ăn được ngủ kỹ, làm việc nhà việc vườn như thường. Anne nhắc cha hoài là phải cố hết sức thẳng lưng lên: ông già sún mất mấy cái răng cửa chỉ "phì" một tiếng lớn, văng cả nước miếng, ý bảo rằng "kệ tao".

Mỗi lần ông cụ "phì" một tiếng như vậy, Arlette lại rú lên cười, ra cái điều hưởng ứng. Arlette là em ruột của Anne, nhỏ thua hai mươi tuổi. Sanh ra, Arlette đã là một đứa trẻ oặt èo. Lớn lên, càng ngày càng dị dạng. Tệ hại hơn nữa, cô gái ngớ ngẩn nặng. Bà mẹ mất, Arlette đã 30, cô còn thảm thương hơn. Ở cái tuổi con gái đàn bà nẩy nẩy chín muồi như đoá hoa mãn khai, Arlette chỉ là một "con bé" già cỗi. Thấp lùn, gầy gò, mắt lé, miệng hô. Người có từ tâm cách mấy cũng phải nghĩ rằng cô cực kỳ xấu xí đần độn.

Bây giờ đây, đã là một bà già trên 60, suốt ngày Arlette lệt bệt đi theo cha như một con chó què. Những lúc bận rộn thì thôi chứ có khi rỗi tay nhìn cha

lủi thủi đâu đó, và cô em bám theo sau, lưng cũng đã gù gù như thể bắt chước cho giống cha, lòng Anne tê điếng.

Mùa đông này, sức khoẻ Anne xuống dốc trông thấy. Cảm cúm liên miên. Đau nhức các khớp xương. Trúng một luồng courant d'air là rùng mình, nổi da gà, bịnh dăm bữa! Anne chán nản hết sức. Những lúc buồn bã nhất bà trốn vào âm nhạc. Bà chất thêm củi vô cheminné, đốt lửa cháy thật lớn, khoác thêm chiếc áo len dày, rồi ngồi ngả lưng xuống cái ghế dài bọc da đen, gác chân lên một chiếc ghế đẩu cũng bọc da đen, để mặc cho tiếng nhạc đưa mình đi thật xa, thật xa... Những chiều đông u ám lạnh lẽo, Anne thường ngồi một mình như vậy, lắng nghe tiếng vĩ cầm vừa thôi thúc quấn quýt, vừa quằn quại nức nở của bản Đại-hoà-tấu số một của Brahms. Trong nỗi quạnh hiu, có khi bà bồi hồi xúc cảm đến độ nước mắt ứa ra. Nét mặt Anne bình thản, nhưng nước mắt cứ im lìm ứa ra, ứ ra, lăn xuống má, thấm vào môi.

Gần hai mươi năm về trước, Marcel "bỏ" bà ra đi khi đứa con gái đầu mới có 15 và thằng út mới có 9 tuổi. Ở Paris, được tin dữ, Anne xách một vali nhỏ, nhảy lên chuyến xe lửa tốc hành sớm nhất. Đến Lyon, bà đổi tàu, đi Chambéry, thủ phủ xứ Savoie băng tuyết. Catherine, bạn thân từ hồi còn con gái, đón Anne ở nhà ga, đi thẳng đến bệnh viện. Thi hài Marcel đã được chở về nhà xác từ trung tâm thể thao mùa đông Chamonix ở chân núi Alpes.

Khi người ta vén tấm "ra" phủ mặt Marcel cho Anne nhận diện, bà cúi đầu lặng lẽ một hồi lâu, rồi khom lưng xuống hôn lên môi chồng. Bà nghe trong lòng một tiếng kêu thất thanh: Oh! Marcel! Catherine ôm lấy bạn. Hai người đứng yên, rồi cùng bước ra khỏi căn phòng lạnh. Marcel, Marcel, mới 49, đầy can đảm, đầy sức sống. Marcel đã chết, Marcel không còn nữa.

Catherine nói, may là bà không đi đó. Anne ngước nhìn bạn. Catherine vội vã chống chế, ý tôi muốn nói may là bà không đi vì lũ nhóc còn có bà, thế là may. Anne gật đầu. Mùa giáng sinh, xuống vùng núi Alpes đi tuyết, leo núi, là nỗi đam mê lớn nhất của Marcel. Bà vẫn thường đi cùng chồng và các con. Năm đó, bà thoái thác. Marcel, anh đi đi. Đi chơi cho khuây khỏa, anh làm việc cực nhọc suốt năm. Em ở nhà với mấy con. Tụi nó bây giờ bạn bè đùm đề, đâu có muốn đi chơi với cha mẹ nữa. Anh yên tâm, cứ đi đi.

Đến Chamonix, Marcel có gọi điện thoại về Paris. Chỉ ba ngày sau, Anne lạnh cả người khi nghe tin có avalanche khủng khiếp ở vùng Marcel đi leo núi. Rồi chính vợ chồng Catherine đã gọi điện thoại cho bà biết là giới chức

trách đã liên lạc được với họ. Các bác sĩ đảm trách việc khám nghiệm đã phát giác cho rằng Marcel không chết vì ngập tuyết, đuối sức, ngạt thở như hai bạn đồng hành. Marcel chết vì bị đứng tim. Họ đồng ý với nhau và cả quyết rằng Marcel đã qua một cơn nhồi máu cơ tim kịch liệt trước khi bị chôn vùi dưới mấy tấn tuyết băng.

Anne ở lại Chambéry một đêm với Catherine. Hôm sau, hai người bạn gái lái xe riêng đi theo xe nhà táng chở linh cửu về tận Auch, quê hương Marcel. Họ ở lại mấy hôm lo mọi việc. Rồi Catherine trở lại Chambéry, và Anne lấy xe lửa quay về Paris. Khi bà bước ra khỏi nhà ga Montparnasse ở thủ đô thì cả một bầu trời tuyết đổ xuống tơi bời. Đứng đợi tắc-xi, Anne lại nghe tiếng kêu thất thanh vang lên từ một nơi mịt mù: Marcel! Oh! Marcel! Cái cảm giác tê cứng lạnh ngắt của môi người chết vẫn còn y nguyên trên môi bà.

Cái cảm giác ấy còn y nguyên cho đến bây giờ. Hôm nay là ngày kỷ niệm mười tám năm Marcel qua đời. Bốn đứa con tản mạn khắp nơi: đứa đã chồng con, đứa mới có vợ, thằng út Philippe qua đâu tận bên Việt-nam quay cái phim gì đó. Chúng nó có đời sống riêng. Chúng thương yêu ông ngoại và mẹ đó, nhưng cuộc sống này, có gần thì có xa, không thể khác được. Và tôi ngồi đây một mình.

Không, không hẳn một mình. Sáng nay tôi ăn sáng với Grandpère. Arlette đã dậy sớm, lang thang đâu đó trong khu đất nhà mênh mông. Ông cụ chín mươi mấy tuổi mà còn bon appétit dữ. Sáng bảnh mắt, cụ làm một mạch hết cả ổ bánh mì baquette, ăn với jambon du pays, bơ và mứt mận. Uống hết hai tô cà-phê sữa. Rồi quày quả rời bàn ăn, chụp cái mũ dạ rách lên đầu, bước ra sân, đi về phía nhà kho. Lui cui suốt ngày ở đó.Cho đến khi năm lần bảy lượt tôi ra năn nỉ, cụ mới chịu ngưng tay vô ăn trưa. Ăn trưa xong chẳng nghỉ ngơi gì cả lại ra nhà kho. Lúc nào cũng có việc. Ở đó, cụ có đủ cả kềm búa đinh ốc và vạn thứ gì khác mà tôi không biết tên.

Ngày xưa, Thế Chiến Thứ Nhất, cha tôi bị động viên, đánh nhau với Đức bị bắt làm tù binh. Hết chiến tranh được về quê, giải ngũ, đi học ra làm giáo viên trường làng. Lấy vợ, bỏ dạy học, xoay ra trồng nho làm rượu, rượu vang, rượu Armagnac. Đến tuổi bát tuần, con cháu nài nỉ van xin lắm mới chịu bước chân lần đầu tiên và lần duy nhất lên máy bay đến xem cái thủ đô Paris "kinh thành ánh sáng của chúng mày" là cái quái gì. Một bộ complet duy nhất trong tủ, màu xám đậm, gris de charbon, cưới, hỏi, ma, nhà thờ, rửa tội, quanh năm

vẫn một bộ ấy. Coi như Grandpère rất bằng lòng về mình. Bằng lòng về cái cà vạt xanh nhạt con Antoinette, cháu ngoại lớn nhất, tặng cụ một Giáng sinh xa xưa. Bằng lòng về cái tánh thích ăn chắc mặc bền của mình. Bằng lòng với cái kềm, cái búa, cái rìu, con dao bỏ túi của mình. Chính thức đến tuổi "hưu trí" mấy chục năm rồi mà ông cụ sáng sáng vẫn dậy thật sớm, để suốt ngày làm việc. Mùa ấm thì ra đồng nho tỉa cành, bứt lá, cắt rễ thừa, vun gốc. Mùa lạnh thì lục đục ở nhà kho, đóng cái này, sửa cái kia. Grandpère trên 90 rồi mà làm cái gì, nhỏ nhặt bao nhiêu, cũng làm một cách thấu đáo, điệu nghệ. Cụ thường chê bọn trẻ bây giờ "vặn" mỗi con ốc mà vặn cũng không ra hồn. Cụ bị trách là khó tính, lẩm cẩm, khắc nghiệt. Cụ chỉ cười. Cụ chỉ dễ dãi với một người: Arlette. Suốt ngày Grandpère ở đâu là có Arlette lệt bệt, lủi thủi bám theo. Có khi Arlette ngồi yên nhìn cha làm việc. Có khi ông cụ sai bảo đi lấy cái này cái kia, và Arlette làm đúng theo lời cha. Hai cụ con hiểu nhau. Họ có một thứ ngôn ngữ riêng. Chỉ ậm ừ, ậm à, oh, ah, mà hiểu nhau ra phết. Bao nhiêu năm trời tôi nhìn cha tôi lầm lũi đi, đầu cúi xuống đất, lưng còng chín chục độ, hai chân kéo lê những bước nhỏ sát đất, với bà em xấu xí ngớ ngẩn bám theo sau như một bóng đen kì quái, mà vừa xót thương vừa khâm phục. Thêm vài ba năm nữa là đúng một thế kỷ tuổi đời, Grandpère là một cây cổ thụ trăm năm mưa nắng bão bùng, gốc rễ đã lung lay, thân cành đã khô khốc. Nhưng cânchênc già vẫn điềm nhiên trơ gan cùng đất trời.

Từ ngày Marcel mất, ngoài chuyện về quê hằng năm vào mùa hè, tôi còn rời Paris xuôi Nam với cha tôi và Arlette vào những ngày cuối năm, cận lễ Giáng sinh và năm mới. Làng tôi, Courrensan, gần thị trấn nhỏ Gondrin, chỉ cách Auch, quê Marcel, chừng 30 cây số. Nội ngoại bên Marcel chẳng còn ai. Có mấy anh chị em, ruột có, họ có, người chết, kẻ đi xa. Ngôi nhà cha mẹ Marcel để lại không ai ở, đóng cửa suốt năm. Tôi vẫn mướn người trong vùng thỉnh thoảng đến coi chừng, cắt bớt cây cỏ khi cần. Ngôi nhà thơ ấu nơi Marcel sanh ra và lớn lên. Nơi Marcel đã cầm tay tôi lần đầu tiên. Nơi chúng tôi đã cho nhau nụ hôn đầu. Trời ơi, đã chín rưỡi rồi sao! Tôi phải đi nhà ga ngay. Đi đón Pierre. Ôi, Pierre! Pierre T. mà tôi đã yêu mê yêu mệt trước khi về làm vợ Marcel.

Bốn mươi năm về trước, có người mách tôi, tôi nạp đơn xin một chân dạy Vạn Vật ở trường trung học của thành phố nhỏ Chantilly, thủ đô công nghệ làm đồ ren lừng danh thế giới. Được nhận, tôi rời quê Nam, ngược Paris đi

thêm chừng năm mươi cây số nữa đến Chantilly ở hướng Bắc. Tôi tàn nhẫn bỏ lại Marcel.

Suốt thời gian thơ ấu, rồi trung học ở Auch, đại học ở Toulouse, rồi kẻ đi làm người đi dạy, Marcel và tôi vẫn gần gũi nhau. Năm tôi 16 tuổi, chính trong ngôi nhà thơ ấu đó, Marcel đã nắm tay tôi, và tôi để yên thật lâu. Nhưng khi Marcel ghé sát vào mặt tôi, tôi nghe cả hơi thở của anh, thì tôi vùng bỏ chạy ra khỏi nhà. Tuy nhiên, một lần khác, tôi hăm mốt hăm hai gì đó, Marcel ôm tôi, hôn tôi mà tôi lại để yên. Marcel luồn tay vào dưới váy, vuốt ve tôi, tôi vẫn để yên. Rồi một hôm mẹ tôi cho biết bên cha mẹ Marcel có ý muốn hỏi tôi cho anh. Tôi không trả lời dứt khoát. Tôi chỉ khóc. Sau đó, tôi kiếm mọi cách xa lánh anh, lạnh nhạt với anh, và làm anh, tôi biết thế, khổ sở vô cùng. Rồi khi kiếm được một chân dạy học ở Chantilly, tôi bỏ quê hương ra đi. Tôi chỉ biết rằng tôi không thể lấy Marcel làm chồng.

Và chính ở Chantilly, tôi đã gặp Pierre T. Trường trung học tỉnh lẻ có tiếng xuất sắc. Mà xuất sắc nhất là ngôi sao sáng bên "les littéraires". Chúng tôi bên "Les Scientifiques", những giáo sư trẻ các môn Toán, Lý, Hoá, Vạn Vật biết thân phận của mình lắm! Kẻ đồng nghiệp dàn anh trí thức, giáo sư Pháp văn Pierre T. là vị prince charmant của trường, của cả tỉnh! Người cao, mảnh, phong thái ung dung, cao điệu. Mái tóc hoàng kim bồng bềnh quanh đầu như một hào quang. Đôi mắt xanh lơ, vừa mộng mơ vừa nghiêm nghị, vừa đam mê vừa khắc nghiệt. Môi cười một bên, cười không hở răng. Hai bàn tay thanh tú, uyển chuyển. Và chiếc áo vét giết người! Áo velours nhung đen, mịn mướt, nút xà cừ lóng lánh. Áo tweed lấm tấm ngũ sắc, nút da, thô sơ một cách cầu kỳ. Những chiếc áo sơ mi màu ngà, màu xám ngọc trai. Những chiếc cà-vạt lụa. Vàng, dốm polka đen. Tím, sọc chéo xanh chai. Và cái giọng tenor, đọc thơ, bình văn, cái giọng của một déclamateur thứ thiệt. Văn Flaubert hơi dài mà chữ gọn. Thơ Baudelaire ác liệt, điên rồ. Tôi mê Pierre quên trời quên đất.

Tôi yêu, tôi mê, tôi say đắm Pierre, và tôi quên Marcel. Marcel người thấp, có bề ngang, tóc húi "cua". Marcel thông minh, tháo vát, chu đáo, bao dung. Marcel đóng bộ chủ nhật, endimanché, serge bleu marine cố hữu. Marcel đỗ đầu kỹ sư đại học Toulouse mà vẫn còn y nguyên cái bản chất "nhà quê" của mình. Con gái tỉnh lẻ như tôi mà cũng thấy vậy. Có lần chơi trò "điểm danh",

tôi vọt miệng kêu lên: "Marcel, Le paysan!" mà Marcel không giận, chỉ nhìn tôi cười hiền lành.

Hôm đó, tôi ghét tôi quá trời. Và sau đó, ở Chantilly, thì tôi yêu Pierre quá trời.

Pierre dắt tôi đi chơi khắp nơi. Lâu đài cổ kính ở tỉnh Loire. Rừng thu rực rỡ ở Compiègne lịch sử. Các quán "nghệ sĩ" ở khu Montmartre, các quán "hiện sinh" ở khu Montparnasse ở Paris. Những hầm có nhạc jazz ở xóm Saint-Germain-des-Prés. Pierre đem tôi đến cả hộp đêm La Rose Noire ở đại lộ Saint-Germain để gặp Juliette Gréco, tiếng ca đang lên, trước cả Brassens, trước cả Brel. Với Pierre, đời không có chuyện thắc mắc áo mặc cơm ăn nhà ở. Đời chỉ có thơ, có nhạc, có hoạ...Thơ Baudelaire, Rimbaud, Mallarmé... Nhạc Mozart, Bach, Brahms... Họa Delacroix, Manet, Cézanne... Điêu khắc Rodin, Despiau, Maillol... Còn văn, "nghề" của chàng , môn chàng vẫn dạy, vẫn Flaubert! Cực đoan như vậy mà có lần Pierre bắt tôi đọc cuốn Sparkenbroke của ông nhà văn Ăng-lê Charles Morgan. Rồi nói cho tôi nghe chân lý của Sparkenbroke (tức chân lý của Pierre): L'ART, L'AMOUR, LA MORT! Nghệ Thuật, Tình Yêu, Cái Chết! Nghệ Thuật? Pierre là gì nếu không phải là Nghệ Thuật, viết với chữ hoa. Pierre là Nghệ Thuật hiện thân. Tình Yêu? Pierre là Tình Yêu biết đi, biết đứng, biết ngồi, và nhất là biết nằm. Trong khách sạn. Trong chung cư. Trong công viên. Trên bãi biển. Pierre đoan chắc với tôi, nhắc nhở tôi: "Chỉ còn cái chết thôi, em biết không?" Tôi không biết, nhưng tôi vẫn gật đầu: " Đúng vậy, anh yêu, đúng vậy, tuyệt đối đúng, chỉ còn Cái Chết mà thôi, anh ơi!" Cứ như thế, Pierre dìu tôi, kéo tôi , đẩy tôi bay lên thiên đàng.

Rồi đùng một cái, Pierre nhận tôi chìm xuống địa ngục. Chỉ còn Cái Chết, đúng thế. Khi tôi phát giác ra sự thật. Sự thật trần trụi, nham nhở. Pierre đâu có yêu tôi. Sự thật là Pierre yêu con Helga. Cái con thư ký lai Thụy-điển trên văn phòng cụ hiệu trưởng.

Tôi có chứng cớ. Tôi hỏi. Và Pierre thú nhận. Và Pierre cùng tôi đoạn tuyệt. Trong dạ lòng, tôi đứt từng khúc ruột. Tôi hờn giận đến mức tưởng như có thể giết người được. Nhưng dù sao, tôi vẫn là một thứ Femme de tête. Tôi dậy môn khoa học. Trong thâm tâm tôi nghĩ: Tôi mà là đàn ông, chưa chắc tôi đã không mê Helga! Con nhỏ mới 18,19 mà đẹp lộng lẫyquá trời. Tóc vàng óng, dài phủ lưng. Mắt lớn, xếch, xanh biếc màu bích ngọc, mi dài đen

ướt. Gò má cao, môi dày, hơ hớ. Thân hình thanh thoát con gái mới lớn, mà ngực bự, thật bự. Hông cao, và vun lên, làm cho chiếc eo nhỏ càng nhỏ, và đôi chân dài càng dài, càng thon, càng mướt. Những chiếc áo ngắn cụt tay, đôi bờ vai thon tròn nà nuột, albâtre cổ điển, người đẹp Viking, ẩn hiện thịt da tươi nõn no đầy giữa nách và ngực. Những chiếc jupe bó mông, lắm khi lấp ló dưới lai tí xíu đường ren của váy lót. Những đôi talons nhọn hoắt, và những bước chân đong đưa, bờ mông đong đưa, đong đưa chết người. Chết từ mấy nam giáo sư, mấy ông giám thị, lao công, chết cho đến mấy chú học sinh đệ tam, đệ tứ. Và chết Pierre yêu dấu của tôi. Pierre của Nghệ Thuật và Tình yêu.

Từ ngày tôi bắt được bộ bikini trong cặp da của Pierre, thứ bikini đồ lót đàn bà mỏng dính chứ không phải thứ để mặc tắm, với cái xú-chiêng thật lớn (ai vào đây nữa!?) và chiếc xì-líp nhỏ xíu, bộ bikini rõ ràng là đã được bận mà chưa giặt còn nồng nàn mùi da thịt lẫn với nước hoa, từ ngày tôi bắt được nó trong cặp da của Pierre cho đến ngày tôi rời bỏ Chantilly, không đầy hai tam cá nguyệt.

Pierre hỏi tôi: Anne về quê làm gì dưới đó? Tôi nói: Về lấy chồng. Pierre cười: Lấy ai? Tôi nghiêm mặt: Lấy Marcel. Pierre nói, lần này nghiêm trang: Em quyết định phải lắm. Đến lượt tôi cười: Femme de tête mà! Và tôi về quê thật. Và khi Marcel cầu hôn, tôi nhận lời.

Nhiều năm sau, tôi có nghe tin là Helga, chung sống với Pierre một thời gian, đã bỏ đi lấy một anh thương gia giàu sụ. Còn Pierre thì nghe đâu chán sự đời, chán Chantilly, chán cả Paris, qua Nam Mỹ dạy Pháp văn ở Argentine hay Chilie gì đó. Còn tôi, tôi sống an bình với Marcel trong mười sáu năm trời. Marcel yêu tôi với một tình yêu mộc mạc, chân thành, bao dung. Tôi không yêu, không mê Marcel, nhưng tôi đã làm một người vợ tốt, một người mẹ hiền. Và tôi tin rằng Marcel cũng biết như vậy. Cho đến ngày anh nằm chết dưới mấy tấn tuyết băng ở chân núi Alpes.

Ngôi nhà đá ong mái âm dương, ngôi nhà thơ ấu của Marcel, tọa lạc lưng chừng sườn đồi nhiều tùng và phong. Tường đá bồi vôi nhiều chỗ lở lói; nắng mưa, rêu mốc, cây lao cùng nhau vẽ nên những hình thù quái dị. Chiếc xe du lịch cũ kỹ màu xanh nước biển chậm chạp leo lên đồi. Bánh xe tung đá vụn rào rào. Bụi trắng bốc lên như khói. Xe chạy đến cây mận già cạnh nhà thì dừng lại. Hai người mở cửa bước ra. Một người là Anne. Người kia, gầy, cao,

tóc bạc phơ. Người đàn ông tóc trắng bồng bềnh nắm lấy cánh tay Anne, gần ở cùi chỏ, và hai người bước dọc theo dãy tường đá thấp dẫn đến cửa chính. Anne cúi xuống tìm tòi trong xắc tay. Bà lôi ra một chiếc chìa lớn và tra vào ổ khóa, vặn qua vặn lại một cách khó khăn. Người đàn ông tóc bạc định giúp một tay thì cánh cửa được mở ra. Hai người bước vô nhà.

Không ngờ gặp lại Pierre, Anne đã bình tĩnh đến như vậy. Được thư Pierre sau mấy chục năm, bà ngẩn ngơ bấn loạn nhiều ngày. Pierre viết, tình cờ được biết Anne đã về hưu, và vẫn về thăm quê Nam, ông xin phép được ghé qua trên đường từ Marseille lên Paris. Anne đã định lờ đi, không hồi âm. Nhưng khi Pierre điện thoại được cho bà, thì đứa con gái tỉnh lẻ xứ Aquitaine trong Anne vùng dậy. Đến thì đến, sợ gì!

Đoàn tàu hụ còi rồi chạy chậm dần. Anne ngây ngất bàng hoàng tưởng chừng không đứng vững. Vậy mà khi Pierre hiện ra ở khung cửa toa xe lửa, tim bà bỗng đập chậm lại. Anne bắt được sự ngạc nhiên trước lòng bình thản của mình. Và khi Pierre bước xuống mấy cấp sắt, đảo mắt nhìn quanh, tìm được Anne trong đám đông, tiến nhanh đến bà, một tay xách xắc, một tay dáng cao, thì bà hoàn toàn lấy lại được quân bình. Pierre! Ông già 70! Vẫn đôi mắt đam mê và cương quyết ấy, vẫn nụ cười nửa miệng chế riễu mà âu yếm ấy, đôi mắt nụ cười một thời đã mê hoặc Anne không thôi. Nhưng bà chỉ thấy trong lòng dâng lên một niềm thương cảm ngỡ ngàng. Thương cảm ngỡ ngàng vì ngoài những nét cá biệt cố hữu, Anne thấy được ngay ở người đàn ông tóc bạc phất phơ một cái dáng tiều tụy, một cái vẻ đơn chiếc tuyệt nhiên không có trước kia. Anne gặp lại Pierre như đứa em gái gặp lại người anh bỏ nhà đi hoang lâu ngày, bây giờ mới lần mò trở về, thương tích đầy mình, sau bao tháng năm biệt vô âm tín.

Anne và Pierre bước những bước chậm rãi, nhẹ nhàng trong căn nhà không người ở. Tất cả cửa lớn cửa nhỏ đều đóng kín. Đến mỗi phòng, Anne đều bật đèn lên. Những căn phòng rộng, trần nhà cao, cùng một màu vàng quá khứ. Bàn ghế toàn bằng gỗ quí, sồi, mận nặng nề, xưa cũ. Trên tường la liệt ảnh lớn, ảnh nhỏ, tổ tiên nội ngoại, ông bà, cô chú, trong những chiếc khung chạm trổ vòng vo, thếp vàng úa mờ.

Hai người dừng lại thật lâu ở phòng ăn. Bàn lớn, dài, trải khăn trắng; trên bàn mười sáu bộ đĩa lớn, đĩa nhỏ, muỗng, nĩa, dao, ly, tách, khăn tay. Cũng bởi vì cái bàn ăn bày biện đầy đủ, trang trọng như vậy mà không khí càng

thêm im lìm, u uất. Chỉ có một vùng màu sắc sáng mắt: bức tranh treo bên trên cheminées. Pierre nói khẽ, như một khẳng định hơn là một thắc mắc: Matisse? Anne gật đầu: Matisse. Chiếc áo Lỗ-ma-ni.

Hai người đứng yên lặng hồi lâu, nhìn bức tranh. Rồi Anne tắt đèn. Nhưng họ không quay lưng đi ngay. Họ vẫn đứng yên nhìn bức tranh. Đứng yên ở ngưỡng cửa căn phòng rộng lớn nhưng tối tăm, lạnh lẽo. Bàn ăn dọn đủ cho mười sáu thực khách, nhưng năm này qua năm khác chẳng có ai đến ngồi ở những chiếc ghế bọc gấm này, chẳng có ai đến dọn thức ăn nóng cho vào những đĩa sứ Limoges cổ kính này. Ánh chiều lãng đãng trôi qua khung cửa sổ cao mờ đục không còn đủ để thấy rõ gì nữa.Chỉ có người đàn bà mặc chiếc sơ-mi trắng tay phồng trên tường là sáng lên như một bông hoa vĩ đại. Sáng rực lên như một ngọn lửa trong chốn thâm u.

Bức tranh đó, là bản in phóng ảnh của họa phẩm nguyên bản, Anne đã mua có mấy chục quan ở Paris trong một chuyến du ngoạn trên bờ sông Seine mấy chục năm về trước. Giáng sinh năm đó, Anne về quê, đem theo để làm quà Noel. Thời gian đó Anne yêu Pierre đắm say ở miền Paris "Văn Vật". Còn Marcel an phận ở lại miền Nam quê mùa, sớm đi chiều về, cuộc đời anh kỹ sư độc thân tỉnh lẻ. Cố gắng lắm mà Marcel vẫn không tỏ được vẻ hân hoan có món quà ưng ý. Anne hỏi: Thích không, Marcel? Marcel nói: Thích chứ, nhưng... Anne: Nhưng sao, Marcel? Và Marcel cười giả lả: Không nhưng sao cả, Anne. Matisse mà không thích sao được!

Anne đứng dậy, đến tựa ở cửa sổ, nhìn ra ngoài. Không thích sao được! Đúng thế, Matisse mà không thích sao được! Anne nhớ lại hôm mua xong bức tranh in lại, hai người đã đi một lèo từ gần Notre Dame lên tận cầu Pont des Arts. Vừa đi, Pierre vừa kể chuyện.Kể rằng có một người hỏi Matisse về lý tưởng nghệ thuật của ông. Và Matisse, có một thời đã là một trong những con "cọp" của nhóm "Dã Thú", Matisse, danh họa duy nhất đương thời bản lãnh ngang ngửa với Picasso, đã nói rằng tôi ước ao tác phẩm của tôi là một chiếc ghế bành êm ái, cho người ngồi nghỉ thoải mái hết mình... Câu nói đó, đã có không biết bao nhiêu nhà mỹ học, lý thuyết gia đem ra xài xể. Họa phẩm là một chiếc ghế bành êm ái! Nhưng Anne biết không, Pierre nói, đó là một câu nói vô cùng thâm thúy, một tư tưởng nghệ thuật cực kỳ táo bạo. Siêu thoát! Chỉ một đại-tác-gia, một đại nghệ-sĩ mới có thể nói được như vậy. Với Matisse, hội họa cố nhiên không phải để mua vui, để vuốt ve, để nói, và nghe,

những lời điêu ngoa, nịnh bợ. Chiếc ghế bành của Matisse, đừng hiểu đó là một sự hưởng thụ dễ dãi, lười biếng, ù lì. Đó là một liều thuốc có công dụng khai thị và trị liệu. Đó là con đường tìm về tịnh nhiên. Tìm về một sự an lạc toàn diện cho thân tâm. Đứng dựa lưng vào thành cầu Pont des Arts ở Paris, Pierre đã nói như vậy, trong khi tay Anne còn cầm bức tranh in lại cuốn tròn trong một tay, tay kia vân vê cái ru-băng cột tranh. Noel năm đó, về thăm nhà, Anne đem bức tranh làm quà cho người bạn tuổi nhỏ. Nhưng Marcel chỉ biết nói: "Matisse mà không thích được sao!" Làm Anne giận cành hông. Bây giờ đây, Marcel đã chết. Và Pierre là một ông lão đi lẻ về loi một mình. Còn Anne là một quả phụ tuổi cao sức yếu, càng ngày càng thấy bơ vơ. Chỉ còn bức tranh Matisse, chiếc áo Lỗ-ma-ni, dù chỉ là một bản in lại, sáng rực lên như một bông hoa vĩ đại. Như một ngọn lửa cháy đêm cháy ngày, năm này qua năm khác, trong căn nhà cổ kính thâm u, không người ở. Chính tay Anne đã cho bức tranh ấy vào khung, và treo lên tường sau khi chồng qua đời.

Khi tôi về đến làng nhà Courrensan, quẹo xe vào con đường rải sỏi thì trời đã chạng vạng. Từ Auch, rời căn nhà thơ ấu của Marcel, tôi đã lái xe đưa Pierre thẳng đến nhà ga Gondrin để lấy tàu đi Bordeaux và từ đó lấy TGV về Paris. Từ Auch đến Gondrin, dễ đến 45 cây số mà chúng tôi không nói một lời. Tôi biết rằng, cũng như tôi, Pierre đang còn quẩn quanh trong vòng vây bủa của họa phẩm Matisse sáng lên như một phép lạ trong căn phòng vắng lạnh. Mấy chục năm qua, câu nói lúng túng giả lả của Marcel vậy mà chí lý: "Matisse mà không thích sao được!"

Đi rồi, ngồi trong xe lửa ngược Bắc với tốc độ mấy trăm cây số một giờ, có thể Pierre sẽ thấm thía hơn nỗi le loi của mình, có thể Pierre sẽ thèm thuồng nhớ Helga, nhớ lại cái thời trẻ trung anh yêu đọc lớn thơ Baudelaire và mê điên mê dại cô nàng lai Thụy-điển nõn nà quyến rũ không kém Brigitte Bardot cũng cùng một thời. Biết đâu, nếu không có Helga, anh đã lấy vợ sanh con, viết dăm ba cuốn sách, làm chủ nhân ông một ngôi nhà có mái ngói đỏ, và bông tường vi hồng vươn cao sau cổng gạch ra vào! Biết đâu, biết đâu. Thay vì bỏ đi Nam Mỹ mấy chục năm trời để ngày nay trở về quê hương, vợ con chẳng có mà tài sản cũng không. Ôi, Pierre! Rồi ta sẽ ngụp mình trong đêm lạnh. Vĩnh biệt rồi nắng hạ sớm phôi pha...

Dù, sao, tôi cũng biết ơn và kính trọng, Pierre, sau khi rời ngôi nhà thơ ấu của Marcel, đã giữ yên lặng cùng tôi. Tôi biết ơn Pierre vì nếu không có Pierre đã đến, và đã ra đi. Tự nhiên, êm ái, nghiêm túc. Biết ơn Pierre vì nếu không có Pierre hôm đó, trên bờ sông Seine, tôi đã lỡ dịp mua tấm tranh in lại họa phẩm Matisse. Tấm tranh sáng lên như một đoá hoa lớn. Như một ngọn lửa hồng.

Xe lên hết dốc, tới vuông sân nhỏ trước ga-ra, tôi tắt máy, tắt đèn. Định mở cửa bước ra, nhưng tôi ngừng xe lại vì thấy bóng cha tôi. Trong ánh hoàng hôn sắp tắt, Grandpère nhỏ choắt lại, lưng còng gập đôi, tay thòng xuống quá gối. Người lạ đến đây lần đầu trong lúc tối tăm thế này có thể tưởng đó là một thứ dã nhân. Tôi đưa tay mở cửa xe, rồi cũng lại thôi. Đang lủi thủi đi ông cụ bỗng dừng lại, chờ đợi. Và tôi thấy từ bóng tối Arlette lết thết tiến lên, một con dã nhân thứ hai, nhỏ bé hơn. Khi Arlette đến gần, cha tôi đưa một tay ra đặt lên vai con gái. Rồi hai cha con lủi thủi lệt bệt đi về phía nhà bếp.
Trời sập tối. Nhưng phía sau mái nhà đen ngòm, trời còn vương vất một màu chì thê thiết. Trời ơi! Hai mắt tôi nóng hổi. Chỉ ông cụ 94 tuổi này mới thật tình biết nghệ thuật là cái gì, và tình yêu là cái gì. Và chỉ có cô em bất hạnh của tôi, bà già què quặt ngớ ngẩn xấu xí kia, mới thật là kẻ vô tội trên đời này.

Lời người viết chuyện "Anna"

Tạp chí Văn Học số 26 tháng 3 năm 1988, có bài *Đọc Xử Sấm Sét của Võ Đình* của Thụy Khuê. Bài có đoạn:"*Đôi khi ông (chỉ V.Đ.) quên dịch những câu chữ Hán, nhưng ông có công dịch những lời đối thoại từ Anh ngữ sang tiếng Việt. Đây là một mẫu mực nên theo.Đọc những tác phẩm của một số nhà văn ở Mỹ hiện thời, nhiều khi thấy xổ từng tràng đối thoại tiếng Anh mà chẳng dịch gì cả. Chúng ta viết văn cho người Việt đọc hay cho ai đọc? Mà người đọc ở Hòa Lan, Bỉ, Đức, Pháp... có cần phải biết tiếng Anh không? Giả sử các tác giả ở Âu Châu cứ mạnh đâu xổ tiếng nước đó thì còn ai hiểu nữa?*"

Nên, hay không nên, dịch những lời đối thoại là một vấn đề cần phải xét kỹ.Từng hoàn cảnh, từng trường hợp, từng tác giả. Những lý do bà Thụy Khuê đưa ra rất phải lúc, đáng được lưu ý và phân tích, bàn cãi.Tuy nhiên, những "bị chú" sau đây không nhất thiết có nghĩa là người viết đồng ý hoàn toàn với Thụy Khuê.Trong truyện "Anne" này không có đối thoại bằng tiếng Pháp,

mặc dù những nhân vật là người Pháp. Nhưng lại có những từ ngữ, những tập tục, những sự kiện và sự vật có thể xa lạ đối với một số cư ngụ ngoài nước Pháp. Những "bị chú" sau đây, chỉ vì lý do duy nhất: giúp cho người đọc đọc truyện một cách... thích thú hơn. Vì cảm thấy quen thuộc hơn.

TVG: Trainsde Grande Vitesse - Như ở Nhật, tại Pháp hiện nay có thứ xe lửa nối liền các thành phố lớn nhấtnước với tốc độ trên hai trăm cây số một giờ.

Henri Matisse: Đại danh họa Pháp (1869-1954)

Chiếc áo Lỗ-mã-ni: "La Chemise Roumaine", một hoạ phẩm của Matisse (thập niên 40?) Nguyên bản ở Bảo-tàng-viện Quốc-gia Tân Hội Họa, Paris.

femme de tête: nghĩa đen là "đàn bà có đầu óc", ý chỉ người đàn bà thông minh, có khả năng suy luận và quyết định.

albâtre: đá vôi trắng mịn, văn chương cổ điển Tây phương thường ví da thịt người đàn bà đẹp với thứ đá này.

talons: 1/ ngón và móng sắc các loại chim ưng. 2/ gót giày. Thường dùng chỉ giày cao gót đàn bà.

enddimanché: theo phong tục Anh-Mỹ, weekend ở nhà, người ta ăn mặc xuề xoà thoải mái. Ngược lại dân Nam Âu (Pháp, Ý, Tây-ban-nha...) ngày chủ nhật (dimanche) ưa chưng diện đàng hoàng, mặc "đồ lớn". Thời nay, tục này bị coi là "xưa", là "quê".

chêne: cây sồi, gỗ cứng nhất trong các loài cây ở Âu châu.

avalanche: thiên tai xứ lạnh, vùng núi non, tuyết băng có thể đổ xuống như thác chôn vùi nhà cửa, người vật.

cheminée: xây bằng đá hay gạch trong nhà để đốt củi. Tiếng Anh là fireplace. Không phải woodstove (lò đốt củi), hay chimney (ống khói).

courant d'air: gió lò.

tweed: hàng len Tô-cách-lan rất được giới sành ăn mặc có "nghệ sĩ tính" yêu chuộng. Tweed là tên con sông chảy qua vùng đất sản xuất thứ lencừu thô sơ sần sùi nhưng tuyệt đẹp này.

serge bleu marine: hàng len thông dụng, bình dân, mà xanh nước biển.

declamateur: Tây phương cũng có truyền thống đọc văn lớn tiếng và "ngâm" thơ. Người có giọng tốt, hùng hồn, tha thiết. Những diễn viên kịch cổ điển (Racine, Shakespear) thường là "grand déclamateurs"

Rồi ta sẽ ngụp chìm trong đêm lạnh...: Thơ Baudelaire. Bài Chant d'Automne trong Les Fleurs du Mal. VĐM dịch.

Phụ bản Ngọc Dũng

PHẠM CHI LAN

dấu tích

*

1.

Không còn ai ra đứng nhìn mặt trời
Những mặt trời thức giấc
mở vầng đông

2.

Không còn ai dón sao trời
rơi trên mặt biển
Linh hồn chết đuối
buổi hoàng hôn

3.

Không còn ai đợi trăng đầy
giấc mơ gần sáng
u hoài trăng tản mênh mông

4.

Không còn chi vui
Không còn gì buồn
Còn bơ vơ giữa lòng chiều
đã tắt

5.

Không còn đau thương
Không còn yêu thương
Không còn gì
Chẳng còn gì
Còn tiếng thở dài
Sót lại trong tim.

KHÊ-IÊM

xẩm ca

*

Qua mái hiên chiều, khói tranh tối
Quên, bãi dâu
Chèo, lênh đênh trôi
Ta áo manh hè phố giá buốt

Trọ đãi bôi hồ nghi trên môi
Ta cải trang về cõi lá úa
Run mãi run thầm, trăng sông xanh
Nghe thản nhiên bờ bến khốn nỗi
Trông dõi khêu
Lửa mùa
Cũng dành

Ai hát ru rừng mắt đã thú
Ngây ngất mưa lời như chôn sâu
Tiếng chim khóc, ẩn lánh biệt xứ
Đã tím hơi chờ bao thiên thâu

Trong giấc ma muội gió bất ổn
Đang réo tên ngàn sao ban sơ
Ta thổi tắt tàn bấc lưt hoặc
Nghe xẩm ca ngoài thinh không, mơ.

HUỲNH LIỄU NGẠN

như trăm năm một sát na này

*

em đi về rồi chiều nghiêng xuống
nắng ở ngoài sân sót một vùng
vườn cải lâu rồi người vắng tưới
ai còn gánh nước đã qua sông

em đi về rồi trăng có sáng
trời có sương mù che liếp phên
giàn bí muộn màng khô lá rụng
còn dâu mùa cũ ai gọi tên

tháng này lúa mới gặt ven đê
cơn gió nồm xa thổi ngọn về
nhà em gạo mới thơm hương dậy
bay bốn phương trời tám hướng quê

nhớ quá ngày đi ngày xa lắm
đã xa như vạn thuở xa rồi
tôi muốn về quê - quê khuất lấp
thương em khổ quá một dòng đời

em đi về rồi như mây bay
như trăm năm một sát na này
tôi ngồi tịnh độ cho qua kiếp
sao vướng chút buồn nơi tầm tay.

ROSE SOLOMON

THẾ UYÊN dịch

anh làm vườn của tôi

*

Tôi đọc thấy mục rao vặt kiếm việc làm của hắn trong tờ Tribune tháng chín. Tôi viết thư mời và hắn đã đến trình diện tôi trong chiếc Volkswagen móp méo và con chó Rolf lai hai giống collie và chăn cừu chưa chi đã vẫy đuôi mừng, làm như tôi đã là bạn quen lâu đời. Không cần một lời giới thiệu nào khác tốt hơn, tôi yêu cầu hắn đi thăm cùng tôi ngay lập tức những gì còn sống sót trong khu vườn đã hai năm không ai tưới bón. Hắn tỏ ra rất quan tâm và thông cảm với cuộc chiến đấu thầm lặng để tồn tại của những cỏ cây hoa lá trong vườn. Hắn kế cận tôi trong khi hai đứa cùng bước qua những luống hoa héo tàn , những cây rhododendron rủ đầu và đi dọc theo những bờ cỏ chết khô. Chúng tôi nghiên cứu những chỗ cháy xém của cây birch cổ thụ đã rụng hết lá vào tháng năm vừa qua. Hắn dùng đốt tay gõ nhẹ vào thân cây — những ngón tay thật là cứng và xỉn— rồi cúi người lật những lớp đất nơi gốc. Tôi có thể nhìn thấy những bắp thịt lưng hắn nổi rõ qua làn vải mỏng bạc màu của chiếc áo mặc để lao động.

"Chúng ta cần dọn quang chỗ này," hắn nói, "rồi thử tưới sâu xuống. Tôi nghĩ là có thể cứu được cây này."

Tôi chỉ hắn xuống vài bậc đá đến một khoảng phẳng bao quanh bằng một hàng rào cây thủy lạp cao ngất đang chết dần.

Hắn hỏi: " Bà có nghĩ đến truyện bứng những cây này đi không?"

"Có chứ, nếu tôi đủ sức nhổ chúng đi."

Hắn bước tới và chỉ một cái nhổ mạnh đã bứng luôn đi được một cây.

Tôi kêu lên: "Đẹp quá ta!" Qua khoảng trống của cây bị nhổ tôi nhìn thấy vũng biển lấp lánh và thành phố nằm phía bên kia. Mặt trời về chiều chiếu qua cầu Golden Gate rọi thẳng vào mặt chúng tôi. Sự xúc động do nguồn ánh sáng đột ngột tới này đã làm tôi sửng sốt y hệt như cái nhìn chăm chú xuất phát từ cặp mắt xanh nhạt của hắn, nhạt đến độ tôi có cảm tưởng tự chúng phát ra ánh sáng riêng. Hắn cao hơn tôi một cái đầu và khi hắn cúi xuống cười, tôi tưởng chừng như đang được hắn ôm vào vòng tay. Hắn có một chú tâm mãnh liệt nhu thế vào mọi sự, chắc chắn có cây hoa lá của tôi được cứu sống rồi! Tôi quyết định mướn hắn.

Tuần nào hắn cũng tới. Đôi khi tôi ở nhà có một mình, tôi làm việc với hắn trong bụi đất. Hắn làm việc khéo léo dịu dàng đến độ vực dậy nổi cả những cây con ngoan cố nhất. Cánh tay khoẻ mạnh của hắn rám nắng và phủ đầy lông bạc trắng vì ánh sáng mặt trời. Được ở gần hắn như thế dưới ánh nắng làm tôi hài lòng đến độ khi ý thức được tình trạng này, tôi vội lập tức mời ngay hắn một ly trà đá.

Nếu tôi đang ở trong nhà, hắn thường bấm chuông để hỏi tôi muốn làm gì kế tiếp. Nhiều lần khác hắn lớn tiếng gọi tôi ra khỏi nhà để chỉ cho tôi thấy một điều mới khám phá đầy kỳ thú. Như tuần vừa rồi chẳng hạn hắn đã dẫn tôi đi băng qua những bụi gai đến một khoảng trống, chỉ cho tôi thấy một cây tú cầu đang ấp ủ một cây dương xỉ. Tôi ngó hắn quì xuống tỉa bớt cành lá xum xuê của cây tú cầu, để lộ những lá lóng lánh răng cưa của cây dương xỉ. Rồi hắn ngả người ra phía sau, ngồi xổm và nói: "Tôi thích. Tôi thích nó vô cùng. Nó làm tôi vui dễ sợ." Điều duy nhất tôi có thể làm lúc dó là hạ tay xuống ôm lấy cổ hắn và vùi đầu tôi vào mái tóc bù rối của hắn.

Nhưng tôi đã trở vào nhà chứ không làm như thế. Nhà là nơi rút quân, nơi trú ẩn hoàn toàn— nơi dứt khoát không phải là chỗ hắn được bước tới. Cuộc sống trong nhà là để phục vụ chồng và con. Mọi sự như vậy là hợp lý rồi. Hắn

cũng cẩn thận không bao giờ vào nhà, ngoại trừ khi để sử dụng phòng tắm ở tầng hầm.

Thường thường hắn đến gặp tôi để chào trước khi ra về và nói cho tôi biết hắn định làm gì. Hai đứa tôi thảo luận trên bậc thềm nhà. Đề tài hoàn toàn hướng vào truyện vườn tược - màu hoa, cách phân phối cây cỏ và những cách thế tự nhiên có thể dùng để chống lại sâu bọ đủ loại. Cả hai đứa đều chống lại việc dùng thuốc xịt, thuốc sát trùng, dù rằng đôi khi tôi cũng phải sử dụng đến thuốc diệt sên. Hắn tin chắc là mùa sắp đến nên hắn muốn dọn quang vườn và trồng xong đợt hoa cho mùa thu càng sớm càng tốt. Hắn cứ nấn ná một cách lễ độ trên bậc thềm như chàng hiệp sĩ đang tán tỉnh một công nương, cứ sợ mình quấy rầy nàng, nhưng lại chẳng thể bỏ đi khi nàng chưa tỏ ra ý muốn giã từ.

Tôi đứng như bị chôn chân ở bậc thềm mà hưởng sự quan tâm tuyệt đối của hắn. Hắn đứng gần tôi đến độ tôi có thể cảm thấy hơi ấm tỏa ra từ thân thể hắn và ngửi thấy mùi thơm ngọt ngào của sà-bông castile. Hắn cạo râu nhẵn nhụi đến độ không ngờ, dù lúc đó trời đã xế chiều. Chắc hắn phải dùng một con dao cạo thẳng và tôi tưởng tượng đến cảnh hắn...cạo râu cẩn thận tỉ mỉ y như hắn săn sóc đến cỏ hoa của tôi trong vườn. Khi hai đứa bàn luận về cách thế ủ phân bón hay nhất, tôi như nhìn thấy hắn, sau khi tắm xong, không mặc bất cứ một cái gì trên người ngoại trừ lớp bọt sà-bông cạo râu. Tôi tưởng tượng đến lưỡi dao cạo đi từng nhát rộng quanh đôi môi mềm của hắn, nhưng tôi lại không chịu nổi hình ảnh những vạt cắt chót trên cái cổ cong phập phồng của hắn.

Đến những ngày cuối cùng của tháng chín, hắn đến làm việc mỗi lúc một nhiều hơn. Tôi thường ngạc nhiên khi thấy hắn xuất hiện vào những lúc bất ngờ nhất - thí dụ lúc tôi phóng ra dẫn đứa con út đến lớp mẫu giáo hay khi tôi tập chạy vài vòng trở về, người dỏ bừng và đầy mồ hôi. Nhiều khi trời đã gần tối, khi tôi có mặt ở nhà khoảng khắc giữa những chuyến xe đi về, hắn trở lại, xếp đầy cành lá rác rưởi vào chiếc xe Volkswagon mang đi đến chỗ đổ rác. Con chó của hắn quẩn quanh đợi trên driveway, chặn tôi lại, ngoạm cổ tay tôi dẫn đến phía ông chủ kính mến của nó, làm như tôi là một phần thưởng không bằng.

Khi vườn đã được dọn quang và tỉa xén lại xong xuôi, anh làm vườn yêu cầu tôi tới gặp hắn ở tiệm bán cây ươm gần nhà để lựa hoa cho mùa thu. Tôi

nhận lời hẹn, và ba ngày sau khi tới đó đúng giờ, tôi đã thấy hắn đang đợi sẵn. Hắn chiếu cái nhìn vào tôivới một vẻ ngạc nhiên cười cợt.

"Trời ơi! Một cái váy!" hắn kêu lên. "Tôi chưa bao giờ trông thấy bà mặc váy cả!"

"Thật vậy hả?" tôi đỏ mặt, thật vui là đã mặc bộ áo mới và lại có thể đi giày cao gót mà không cà nhắc trên những lối đi trải sỏi nhỏ này. Tôi thích lại được đàn ông "nhìn thấy" mình!

"Bà biết bà đang cần gì chứ?" hắn nói với một giọng trầm trầm.

"Cái gì cơ?" tôi hỏi hắn trong mong chờ một điều gì đó.

"Hoa lilac."

"Ồ, tưởng chi, ừ đúng đấy. Anh có lý. Chúng ta chưa có loại hoa này, phải không anh?" Tôi hi vọng là giọng tôi không để lộ niềm thất vọng của tôi.

"Mọi sự chắc hẳn tuyệt vời khi những cây hồng của bà nở vào mùa xuân tới," hắn vừa nói vừa đặt tay lên vai tôi, đẩy tôi một cách nhẹ nhàng về khu bán cây non.

Hai đứa tôi đi lang thang tới lui dọc những dẫy dài cây non ẩm ướt. Hắn giúp tôi bước qua những chỗ lội, làm tôi có cảm tưởng hoàn toàn được che chở bảo vệ. Hắn kể tôi nghe những bí kíp về hoa cỏ cùng những loại hoa có thể thích ứng với thứ khí hậu của vùng vịnh. Tôi thích nghe cái giọng trầm trầm của hắn quá.

Rồi bọn tôi đến chỗ bán hoa lilac.

"Những cây này có vẻ khoẻ và được trồng đúng cách đấy," hắn nhận xét. Hắn nghiêng người trên một chậu dung tích năm gallon, tay chọc chọc cho sạch bụi đất phía dưới.

"Chậu này có vẻ tươi tốt và đẹp đấy,' tôi nói khi lững thững đi xuống cuối dãy.

Hắn ngắm nghía chậu tôi đã chọn rồi cầm tay tôi dẫn trở lại chậu hắn đã lựa. Bàn tay tôi thật lạnh và nhỏ bé trong tay hắn.

"Chậu của bà đẹp đấy nhưng có vẻ bị gò ép quá. Tôi thích hệ thống rễ của chậu này hơn.. Năm nay chúng ta cần những cây tốt rễ." Hắn cầm tay tôi lâu hơn nữa, và tôi vui sướng nghe theo ý hắn.

Khi tháng mười trở lại, những tiên đoán thời tiết của anh làm vườn của tôi đều đúng: mưa đến sớm. Rồi kế đó là bão từ Thái bình dương quét tới quét lui. Đất khô cứng trở thành ướt sũng, những vùng nước đọng biến thành hồ

nhỏ. Cây dại và forget-me-not mọc tưng bừng bừa bãi. Ivy đe dọa bóp nghẹt tất cả loài hoa khác và sên bò lổm ngổm khắp nơi.

Một ngày mưa tầm tã tôi trở về nhà sau khi tham dự một buổi hội thảo, tinh thần đầy tư tưởng mới và quyết định mới, tôi thấy anh làm vườn đang cột lại những cây rhododendron. Tôi vừa nhô đầu khỏi xe tyhì hắn đã gọi: "Tôi không thể làm việc với một thời tiết như thế này. Tôi vội lập tức mời hắn vào nhà làm một ly cà-phê mà không có một ẩn ý nào. Vả lại tôi đang an toàn tối đa - đứa con nhỏ và cô babysitter đang ở trên lầu.

Hai đứa phóng chạy trên lối đi lát đá vào hiên nhà.Hắn cởi đôi ủng xếp cẩn thận gọn ghẽ cạnh tấm thảm khi tôi mở khoá và dẫn hắn vào nhà. Hắn bước vào một cách thận trọng, quan sát kỹ lưỡng mọi thứ. Hắn lang thang trong phòng khách, tuyên bố lý do là tại hắn rất thích màu sắc tấm thảm ma-rốc của tôi. Tôi đang tính xin lỗi về truyện đồ đạc bừa bãi thì hắn lại tuyên bố hắn thích vô cùng bộ sưu tập tạp đa của gia đình tôi, đủ loại từ vỏ sò vỏ ốc, đá và nhiều kho tàng linh tinh khác nữa. Hắn dừng lại trước mộ dãy búp bê Barbie ăn mặc đủ kiểu, từ nhiều đến ít áo quần bày ở giữa phòng. Một chàng Ken và một nàng Barbie trần truồng đang ôm cứng lấy nhau hôn một cách vụng về. Ngay gần cặp này là một đối thủ tóc bạch kim mặc một bộ tutu đang úp sấp mặt trên một chiếc gương cầm tay, và một cái đầu nghiêm túc của một ông triệu phú đang nằm ngửa nhìn lên trần nhà với cặp mắt vô hồn.

Hắn hỏi: "Đây là trò gì vậy bà?"

Tôi cắt nghĩa: "Đó là một trò chơi dang dở. Tôi chắc là cô con gái tôi cùng con bạn định viết một bản tuyên ngôn nhan đề kiểu "Những búp bê Barbie và chúng tôi."

Hắn cười và đi theo tôi vào bếp - sau cùng cũng đến thâm cung chót của tôi! Hắn leo lên ghế cạnh quầy nhìn tôi pha cà-phê. Hắn phê bình: "Tôi chưa bao giờ thấy bà tươi như hôm nay."

Tôi kể cho hắn nghe niềm phấn khởi của tôi sáng nay - bây giờ thì tôi bắt đầu hiểu sau khi nghỉ học thì cuộc đời ra sao.

Hắn khoanh tay lại, nghiêng người hỏi: "Bà định nói chi vậy?"

Tôi mang cà-phê lại trên một cái khay bằng liễu gai và leo lên ghế ngồi đối diện với hắn. Tóc hắn dính bết từng khoảng ướt át trên mặt. Tôi hít mùi tóc ướt của hắn trộn lẫn với mùi cà-phê mới pha.

Tôi tâm sự với hắn: "Tôi làm sinh viên quá lâu. Tôi cứ bám lấy học đường hoài. Tôi không chịu nổi cảnh tốt nghiệp đi làm như mọi người nên tôi xin đi học cao học rồi đi dậy học. Tôi cứ đi từ lò luyện người này đến nơi thụ nhân khác."

Hắn gật đầu cảm tình: "Tôi hiểu bà muốn nói gì. Tôi cũng vậy. Tôi cũng ở lì trong trường lâu lắm."

"Thật vậy hả? Anh học chi vậy?"

"À, tôi học ở một trường dòng trong tám năm."

Tôi chưng hửng. Hắn có vẻ trần tục kinh khủng, thuộc cuộc đời thế tục này, đâu có gì là một tu xuất đâu.

"Bởi thế bà thấy," hắn tiếp tục nói, nhúc nhích trên chiếc ghế cao, "Tôi phải rượt kiếm lại những gì đã bỏ qua trong khoảng thời gian ấy."

"Khó đấy nghe," tôi trả lời. Hắn đột nhiên có vẻ cô đơn và vô phương tự vệ làm bản năng của tôi thúc đẩy tôi cầm lấy tay hắn.

Đúng lúc ấy bọn tôi nghe thấy có tiếng chân bước trên thang lầu. Hắn đột ngột rút tay lại khi trông thấy đứa con tôi cùng cô babysitter xuất hiện.

"Con đói rồi mẹ," Đứa con trai tôi tuyên bố như vậy, không ngừng quan sát quang cảnh với đôi mắt to đen, cương quyết. Nó leo lên lòng tôi như để chứng tỏ tôi thuộc về nó chứ không phải ai khác. "Đến giờ ăn trưa chưa mẹ?"

"Gần đến rồi. Con chào khách đi chứ con?"

Cô giữ trẻ nói: "Đã đến giờ em phải về rồi."

"Tôi cũng vậy", anh làm vườn của tôi nói. "Tôi sẽ trở lại làm việc tiếp khi thời tiết khá hơn."

Tôi tiễn cả hai người ra cửa, trả tiền cô giữ trẻ rồi trở vào bếp. Ông vệ sĩ tí hon của tôi đang đứng cạnh quầy và nhìn tôi như kết án.

"Anh làm vườn vào đây làm gì hả mẹ?"

"Trời mưa quá nên mẹ mẹ mời anh ấy vô uống một ly cà-phê."

"Nhưng tại sao anh ấy lại nhìn mẹ kiểu như vậy?"

"Kiểu gì mới được, chứ con?"

"Con không biết... nhưng mắt anh ấy cứ..."

"Thế con muốn anh ấy dùng mũi mà nhìn mẹ hay sao?"

"Ohhhh, mẹ! Đồ ăn trưa đâu mẹ?"

Chuông điện thoại reo khi hai mẹ con đang dùng bữa. Anh làm vườn gọi tôi khẩn cấp, nói rằng anh cần nói chuyện với tôi gấp. Đến ngay lúc này có

tiện không? Tôi liếc nhìn ông con đang cảnh giác canh chừng bên kia quầy và bảo hắn một tiếng nữa hãy gọi lại.

Ông con hỏi: "Ai vậy mẹ?"

"Anh làm vườn."

"Anh ấy muốn chi vậy?"

"Mẹ đâu biết."

"Nhưng tại sao mẹ lại bảo anh ấy gọi lại?"

"Có lẽ anh ấy muốn xin tăng lương," tôi buột miệng , đột nhiên hoảng sợ vì lý lẽ của mình.

Tôi xét lại vụ tôi mời hắn vào nhà uống cà-phê buổi sáng và tự hỏi không biết mình có sai trái gì không khi làm như vậy. Có phải sự quyến rũ của thân xác nhau đã tăng lên tới mức độ hắn không còn chịu nổi nữa? Có thể hắn phải chọn giải pháp đi làm nơi khác. Hắn gặp tôi để bày tỏ một điều gì ghê gớm chăng? Tôi liếc nhìn đồng hồ và chờ đợi.

Đúng hai giờ thì chuông cửa reo. Tôi giật mình vì cứ tưởng hắn sẽ điện thoại. Tôi mở cửa. Hắn vẫn cứ lêu nghêu và lùng bùng trong chiếc áo mưa, tay khoanh trước ngực. Hắn nhìn xuống chân và lắc lư thân hình, hết nghiêng trên chân này lại nghiêng trên chân kia.

"Tôi phải nói với bà..." Hắn bắt đầu. "Tôi mới nghĩ tới điều đó mới đây thôi, và thấy không thoải mái gì với ý nghĩ ấy."

Tôi gồng mình lên nói: "Vâng, anh cứ nói đi."

Hắn lắc mái tóc bù xù và thở dài. Rồi hắn nhìn thẳng vào mắt tôi một cách buồn rầu và nói: "Thuốc diệt sên... Tôi... Tôi không thể dùng thuốc diệt sên... Không thể dùng nhiều được... Một khi có đầy các cháu và chó mèo của bà. Tôi không thể dùng được."

"Ồ, được lắm được lắm," tôi nhẹ nhõm, hầu như không thể tin ở tai mình nữa. "Anh đừng lo. Anh không muốn sát sinh trong vườn tôi thì thôi, tôi không có ép!"

"Ồ, mừng quá!" hắn cười. "Tôi đã chỉ mong bà nói như thế."

Tôi vừa cười cái thái độ rộng rãi của mình vừa nhìn hắn bước nhanh trên con đường lát đá về phía chiếc Volkswagon. Các con sên có thể đến rồi đi , đi rồi lại đến, nhưng một anh làm vườn giỏi thì khó kiếm ra lắm.

TRẦN MỘNG TÚ

dốc thanh xuân

*

Em yêu anh như người câm nằm mộng
Giấu giấc mơ mình không kể cho ai
Giữ tiếng động yêu đương trong lồng ngực
Lời dối dan không biết thốt trên môi

Như người điếc chạm tay trên cung phím
Nhạc hòa âm trong máu vỡ nôn nao
Em nghe được từ bên kia trùng núi
Tình yêu reo tiếng hạc gọi trên cao

Như người mù sống gần bờ đê vỡ
Đứng thản nhiên mở cửa đón sông vào
Trái tim nhỏ đặt giữa cơn hồng thủy
Định mệnh đùa trên bọt nước hư hao

Ôi! Môi đã vì Tình không lên tiếng
Mắt nhắm ngoan tai chỉ nhận vọng âm
Em đến trễ nên vầng trăng cũng khuyết
Chiếc lá buồn nằm cuối dốc thanh xuân

HOÀNG LIÊN

giã từ

*

Theo một thói quen đã có từ mấy năm nay, Phan ngồi vào bàn viết từ 7 giờ sáng. Trên khung cửa sổ của những căn nhà trước mặt, những tấm màn màu hoàng yến còn buông kín và mấy ngọn đèn đêm ở cửa ra vào lạnh lùng hắt những mảng ánh sáng héo úa trên những bức tường vàng nhạt. Trong màn sương dày đặc, khu chung cư đang chìm sâu vào giấc ngủ dài lười biếng của một ngày thứ bảy.

Những con đường vắng hoe, không khí mờ ảo và yên tĩnh của cư xá nhắc Phan nhận ra rằng trong lúc này, khác với những ngày nghỉ trước đây, Phan không phải bận rộn, lo lắng vì có việc viết lách. Lúc nãy, trong phòng tắm và trong bữa ăn sáng, Phan cũng không phải suy nghĩ về những gì sẽ phải viết ra một khi đã ngồi vào bàn. Anh cũng không cần hồi tưởng lại những nét mặt, giáng điệu, cảm xúc và suy tư của những nhân vật hoạt động trong khung cảnh của Sàigòn năm xưa. Bởi vì cách đây bốn ngày, Phan đã ký tên dưới

những dòng chữ cuối cùng của cuốn tiểu thuyết và đã gửi bản thảo cho một nhà xuất bản ở miền đông Hoa Kỳ.

Từ chi nhánh bưu điện trở về nhà, lòng Phan nhẹ nhõm như tâm trạng của một thí sinh vừa vượt qua kỳ thi chót. Trong tiếng gió lao xao reo vui giữa đám lá phong ven đường, anh chậm rãi đặt những bước chân giòn giã trên mặt đường nhựa. Cùng với niềm hoan lạc của một người vừa hoàn tất một công tác khó khăn và dài hạn, anh có cảm tưởng rõ rệt là mình vừa được giải thoát khỏi những ràng buộc dai dẳng, chặt chẽ và đôi khi khắc nghiệt. Lòng thảnh thơi, không bận bịu, anh nhớ lại rằng từ năm năm nay, anh ít khi dành cho mình những giờ phút thật rỗi rãi vì lúc nào cũng lo âu, thắc mắc về cuốn sách chưa viết xong. Cả những lúc họp mặt với bạn bè, đi mua sắm những vật dụng cần thiết cho cuộc sống vật chất thường nhật, anh vẫn không yên tâm và bực bội nghĩ rằng đáng ra, anh phải ngồi ở nhà để chăm chỉ cúi mình trên trang giấy trắng. Thành thử, lắm lúc anh không hoàn toàn hòa mình vào cuộc sống chung với những người thân, không chú tâm vào những công việc khác mà anh đang làm. Môi trường và nhân vật của tác phẩm đang hình thành luôn luôn ám ảnh anh, hiện diện thường xuyên trong người anh. Vì mưu sinh, anh phải làm việc ban ngày và chỉ viết vào ban đêm hay những ngày nghỉ, nhưng trong thực tế, không có một sự phân biệt rạch ròi như thế, cả trong những lúc bận rộn với khách hàng, soạn thảo các văn kiện hay trong những buổi họp của cơ quan, anh vẫn không quên được cuốn sách đang viết nửa chừng.

Có thể nói rằng cuộc sống của anh hầu như không ngừng bị căng ra trong suốt năm năm qua. Công việc trước tác không buông tha anh và buộc anh phải gác bỏ ra ngoài hoặc đình hoãn những hoạt động khác: một cuốn sách hay chưa đọc, một người bạn ngã bệnh cần đến thăm, một lá thư chưa được hồi âm hay một chuyến đi xa... Rồi vì không mấy khi thực hiện được những điều dự định, anh dần ra cáu kỉnh với chính mình và cái cảm giác bực dọc ấy cứ tồn tại mãi và đè nặng lên tâm trí anh mỗi khi anh tự hẹn với mình: hãy chờ viết xong đã! Mà biết đến bao giờ anh mới viết xong? Hơn thế nữa, trong những năm tháng ấy, anh phải sống với những nhân vật do anh cấu tạo ra. Chìm đắm trong không khí của Sàigòn cũ, chia sẻ những nỗi khó khăn của những con người bị cơn lốc chiến tranh lôi cuốn đi, anh đã có một cuộc sống khác song hành với cuộc sống hằng ngày của anh. Nó thu hút anh, buộc anh

phải tìm hiểu nó, chú ý đến nó, nâng niu nó và anh đã xao lãng cuộc sống thực. Cho nên vô tình anh đã kéo dài nếp sống ngày trước thêm năm năm nữa.

Mà cuộc sống trước mắt, với những hấp lực của nó, cũng đáng cho anh bận tâm đến trong lúc nhu cầu sáng tác đòi hỏi anh phải quay về với quá khứ, sống với quá khứ, tận tụy hết mình với nó. Bị giằng co giữa hai quãng thời gian ấy, anh tự an ủi mình bằng cách lẩn thẩn nghĩ rằng đến một thời điểm nào đó, khi hiện tại đã trở thành quá khứ, anh sẽ quay lại với nó, sẽ sum họp với nó. Và như vậy, anh không sống trước hay đồng thời mà sống sau thời gian thực, và anh sẽ mãi mãi đuổi bắt thời gian. Cho đến khi anh tìm lại thời gian đã mất, thì cái khoảng thời gian tìm lại được, "le temps retrouvé" tất nhiên, đã thuộc về dĩ vãng. Mà có lẽ đối với đa số người viết văn, cuộc sống phải nên để cho qua đi, lắng đọng xuống trong khi người viết báo phải nắm bắt ngay tức khắc cái hiện tại nóng hổi.

*

Nền trời sáng dần rồi ánh nắng bừng lên, xua tan làn sương lãng đãng trôi. Ngôi nhà trước mặt hiện ra rõ nét và một vài tấm màn cửa đã được cuốn lên. Lòng Phan nao nức chờ đón một ngày xuân trong sáng nhưng đầu óc anh bỗng trở nên trống rỗng hoang vắng như một hội trường sau khi buổi họp chấm dứt và mọi người đã ra về hết. Đã tan biến rồi cái cảm giác thoải mái, nỗi vui dạt dào sau khi cuốn sách được viết xong. Anh bắt gặp mình lúng túng, không biết khởi đầu một ngày hoạt động như thế nào. Xấp giấy trắng như ngỡ ngàng không muốn đón nhận những hàng chữ mới. Cây bút bi ngoan cố nằm cứng đờ trong lòng bàn tay. Làm sao có được thái độ hăm hở hăng say của George Sand, sau khi gửi bản thảo của một cuốn tiểu thuyết cho nhà xuất bản, đã vội vàng ngồi vào bàn và sáng tác ngay một cuốn khác? Suy nghĩ một lúc, Phan tự nhủ:

– Phải cố gắng lấp cái khoảng trống trong đầu.

Thực ra, trong mấy năm qua, trong lúc miệt mài với cuốn sách viết dở dang, không phải Phan đã hoàn toàn hờ hững với cuộc sống đang cuồn cuộn dâng lên và tác động vào tâm trí anh. Theo thói quen, anh đã vắn tắt ghi lại một số cảm nghĩ do cuộc sống thực ấy gợi lên. Ngồi ngay ngắn, lấy cuốn sổ tay ra, anh buộc mình phải tĩnh tâm đọc lại những dòng ký chú vội vàng để tìm lại những cảm xúc của những ngày đã qua. Cảm giác lâng lâng thích thú, một buổi sáng đầu thu ở Maryland, khi từng đám lá phong màu nâu nhạt rơi

mãi không ngừng, lượn hoài trong gió sớm và ánh nắng vàng tươi. Gió nâng lá lên, không cho lá rơi xuống ngay và quạt lá bay bay trong không gian như một đàn bướm... Ý thức sâu xa về tính cách vô thường của kiếp người một hôm đưa một người bạn đến nơi an nghỉ cuối cùng: người bạn bất hạnh ấy, sau nhiều năm chăm chỉ học hành, vừa được phép hành nghề luật sư, chưa kịp mở văn phòng thì đã đột ngột từ trần vì một tai nạn xe hơi... Một ánh mắt, một giáng điệu của một người qua đường, một cánh chim chao dảo liệng trong ánh nắng chiều bên ngoài cửa sổ phòng anh làm việc... Năm tháng cũ có trở về với anh, nhưng tâm trạng anh đã khác trước rồi. Anh giật mình, chua xót và thấm thía nhận thấy rằng nhà thơ A. de Noailles nói đúng: chúng ta sẽ không bao giờ tìm lại được tâm trạng chiều nay của chúng ta nữa.

Hoang mang, Phan không tập trung được suy tư vào một đề tài nào nhất định. Đầu óc anh đã được khởi động, không còn hoang vắng như ban nãy, nhưng anh bất lực không điều khiển được nó và anh chợt phát hiện ra rằng bầu không khí của cuốn sách vừa hoàn thành vẫn còn bao trùm lấy anh, chiếm đoạt và chế ngự tâm trí anh. Anh vẫn còn sống giữa quê hương quen thuộc, giữa những nhân vật mà anh đã mô tả với một mối cảm tình sâu đậm. Những con đường hẹp quanh co trong một khu vực của quận Phú Nhuận chạy dọc theo những mảnh vườn xanh mát với những cành xoài, vú sữa ngả lấn ra trên mặt lộ, không khí hiu hắt của những buổi sáng mùa đông, hồi chuông leng keng của một em bé bán kem, tiếng gà gáy nửa trưa trong xóm, những con người bình thường vất vả mưu sinh với những ước mơ đơn giản và những tấn bi kịch giấu kín tận đáy lòng... Tất cả đều còn tồn tại trong người anh. Con người và cảnh vật, từ lâu, đã trở nên thân thuộc, đã trở thành máu thịt của chính anh và không thể phút chốc rứt khỏi tâm hồn anh và cất bước ra đi. Anh nhớ lại và hiểu được tâm sự của một người bạn văn vừa mới xuất bản một bộ tiểu thuyết trường thiên:

– Trong lúc này, tôi không viết lách gì được. Phải nghỉ ngơi một thời gian để quên cái không khí của cuốn sách mới in xong.

Ngồi lì ở bàn viết, Phan tự buộc mình phải làm việc: xây dựng cốt truyện, hình dung nhân vật và môi trường của một truyện ngắn căn cứ trên mấy hàng ghi chép cũ. Nhưng những nhân vật mới chỉ thấp thoáng ẩn hiện qua những đường nét mờ nhạt, thiếu hẳn sinh khí và hình như muốn lẩn tránh anh. Trong nỗ lực níu kéo chúng lại, Phan bỗng ngạc nhiên nhận ra, sau những khuôn

mặt mới được phác họa, những con người quen thuộc, thân yêu trong cuốn tiểu thuyết vừa hoàn tất. Đôi mắt u buồn, họ vừa quyến luyến vừa trách móc Phan. Và đột nhiên, anh ý thức rằng anh đang phụ bạc họ. Anh không cùng chung sống với họ nữa sao? Đối với họ, dù thành công hay thất bại, anh đã làm tròn nhiệm vụ. Nhưng như thế có phải là đoạn tuyệt hẳn rồi, là chia lìa không một lời từ biệt hay sao? George Sand đã nhẹ nhõm chia tay với những nhân vật cũ của mình một cách dễ dàng, lạnh lùng như thế sao? Không, anh không thể quyết liệt dứt tình như nhà nữ văn sĩ ấy. Và rồi trong lúc những người bạn mới chưa kịp thành hình, chưa cứng cáp xương thịt, chưa có linh hồn thì những người bạn cũ đã trở lại trên sân khấu của tâm trí anh.

Phan nhớ lại: không phải nhà văn nào cũng hành động dứt khoát, như người bạn đời thoáng qua của A. de Musset. Trong cuốn tiểu thuyết *Les Roses de Septembre*, André Maurois kể lại rằng, khi nghe một người bạn trẻ tuổi của chồng – là nhà văn Guillaume Fontane – lo âu về tâm trạng buồn nản của nhà văn, bà Fontane giải thích:

– Giữa hai tác phẩm, anh ấy bao giờ cũng vậy. Trong lúc sáng tác, anh có những giờ phút hoan lạc. Nhưng khi đã viết xong một tác phẩm, anh khó khăn đau khổ bước sang thời kỳ thai nghén tác phẩm mới. Nhiều lần, tôi nghe anh phàn nàn rằng mình đã già và mệt mỏi quá rồi, không muốn viết lách gì nữa, không còn gì để nói nữa, hoặc đề tài anh chọn lựa không có giá trị gì hết... Tôi lắng nghe và chờ đợi... Rồi một ngày kia, công việc được xúc tiến khả quan, tinh thần sảng khoái hơn, anh không bi quan nữa mà phấn chấn lên: cơn khủng hoảng đã chấm dứt.

*

Sống với những nhân vật cũ đang lũ lượt kéo về trong tâm tư, Phan tự hỏi: những con người thực được ít nhiều dùng làm mẫu cho những nhân vật tưởng tượng ấy bây giờ ra sao? Ý nghĩ về sự liên hệ giữa những con người bằng xương bằng thịt và những nhân vật hư cấu bỗng làm sáng trong ký ức anh một gương mặt tưởng như đã bị chôn vùi trong quá khứ: một khuôn mặt tròn bầu bĩnh với đôi mắt to đen dưới cặp lông mày dài, thật dài.

... Tiệm giải khát không đông khách. Bốn cái quạt điện quay vù vù trên trần nhà không làm dịu bớt không khí oi bức của căn phòng đang trực tiếp hứng chịu ánh nắng trưa hè gay gắt. Ở bàn bên cạnh Phan, hai người thanh niên mặc sơ mi chim cò, quần xám nhạt đang hào hứng kể lại những ngày

hành quân sôi động trên cao nguyên Trung phần. Chắc hẳn họ là những quân nhân được nghỉ phép về Sàigòn chơi. Vừa lơ đãng nghe, Phan vừa nhìn ra ngoài. Bỗng một người đàn ông đứng tuổi, dong dỏng cao, khuôn mặt dài, đang cùng một cô gái bước vào. Người con gái còn rất trẻ, mặc vay ngắn, áo hở cổ, dáng đi nhanh nhẹn. Đầu tóc cô uốn thành hai mái cong ra đằng trước như hai cái móc câu ôm lấy khuôn mặt tròn. Phan ngờ ngợ, nét mặt cô ta trông quen quá. Trong lúc hai người ngồi vào cái bàn ở góc ngoài – người đàn ông quay mặt ra đường và người bạn đồng hành của ông ta hướng vào phía trong – Phan kín đáo quan sát người thiếu nữ. Đôi mắt to đen nhánh dưới đôi lông mày nhỏ và dài gần như giao nhau trên sống mũi ngắn, chắc chắn là anh đã thấy ở đâu rồi. Người đàn ông gọi một chai la-de 33 và người con gái một ly nước dừa. Đặt cái xắc bằng da cá sấu trên mép bàn, cô ta ngồi thẳng người, chống hai tay lên mặt bàn. Với vẻ mặt tự tín, cô đảo mắt nhìn quanh phòng. Khi chợt thấy Phan, cô ta lộ vẻ ngạc nhiên, nhưng trấn tĩnh ngay lại, quay mặt đi và tiếp tục nói chuyện với người đàn ông. Phan nhìn kỹ cô ta: son phấn không đến nỗi lòe loẹt, nhưng lối ăn mặc hở hang cùng cử chỉ đùa cợt với người bạn trai tố cáo một phong cách không mấy đoan trang. Phan bỗng nhớ ra. Đúng là Hoa rồi!

Hồi đó Phan ở trong chung cư Nguyễn Thiện Thuật và phòng anh gần phòng của chú thím Hoa. Chú của Hoa, Tiến, là bạn đồng nghiệp của Phan tại trường Hưng Đạo. Mồ côi cha rất sớm, Hoa không ở với người mẹ đã tái giá. Được chú ruột đem về nuôi, Hoa đang học lớp đệ lục ở một trường trung học gần nhà. Chiều tối và vào những ngày nghỉ, Hoa phải giúp đỡ thím nấu ăn, giặt giũ và trông nom hai đứa con nhỏ của vợ chồng Tiến. Phan đoán Hoa không đủ thì giờ học bài, làm bài, nhưng không bao giờ anh nghe Hoa lên tiếng phàn nàn. Hoa nhẫn nại chịu đựng cả trong những lần bị chị Tiến la rầy một cách bất công. Đặc ân duy nhất mà Hoa được hưởng là thỉnh thoảng vào những ngày chủ nhật, Hoa được phép đi thăm mẹ hoặc đến chùa sinh hoạt với các chị em trong Gia đình Phật tử.

Chỉ sau một thời gian ngắn, thái độ của chị Tiến đối với Hoa trở nên gay gắt hầu như thường xuyên: từ châm biếm, chế giễu hay nặng lời đay nghiến đến đánh đập một cách vô lý. Tiến nhiều lần khuyên can vợ, nhưng chị Tiến chỉ tự kiềm chế mình được trong ít hôm. Hoa vẫn âm thầm kéo dài cuộc sống tối tăm và cố gắng học hành. Đôi lúc, Phan thoáng thấy trong ánh mắt Hoa

một tia phản ứng ngấm ngầm và một ý chí cương nghị. Phải chăng Hoa đã sớm tìm được trong giáo lý một nguồn an ủi có khả năng giúp đỡ nó sống qua những ngày khó khăn? Tập tễnh viết văn, Phan đã dựa vào hoàn cảnh của Hoa để xây dựng một truyện ngắn kể lại cuộc sống cơ cực của một em bé bất hạnh, và để kết thúc, căn cứ vào tín ngưỡng và lòng mộ đạo của Hoa, anh đã đưa nhân vật vào dưới mái nhà chùa, sau khi thi rớt bằng trung học đệ nhất cấp. Anh nghĩ rằng đó là một phản ứng, một lối thoát tiêu cực nhưng hợp tình hợp cảnh.

Giờ đây con người mẫu đó đã lớn lên và đang ngồi trước mặt Phan để chứng tỏ rằng cuộc sống không biến chuyển theo chiều hướng anh đã tưởng tượng. Anh không dự đoán được những xáo trộn do cuộc chiến tranh dai dẳng tạo ra trong xã hội miền Nam. Những biến cố nào đã thay đổi cuộc đời của Hoa từ ngày anh rời khỏi cư xá ấy và di chuyển đến một tỉnh khác? Có lẽ Hoa không tiếp tục cuộc sống lầm than ở nhà chú thím nên đã ra đi. Thủ đô Sàigòn, với nếp sống buông tuồng trong những năm chiến tranh khốc liệt là một môi trường thuận tiện cho mọi cám dỗ và sa ngã, nhất là đối với một người con gái mới lớn lên mà không có ai dìu dắt... Phan liếc nhìn Hoa: Hoa đang rú lên cười và đánh mạnh vào cánh tay người bạn trai. Hình như ông ta vừa kể một câu chuyện tếu. Phan bỗng tự thẹn với chính mình như hồi còn đi học, làm sai một bài toán, bị thầy giáo khiển trách và vội vàng nhận lỗi. Anh ngồi thừ, ngẩn ngơ tiếc rẻ hình ảnh người sư nữ đang dùi mài kinh kệ trong một tu viện xa xôi, cách biệt hẳn với thế giới trần tục. Tất nhiên, anh có thể hư cấu, thêm bớt hoặc thay đổi hẳn thực tế, miễn là câu chuyện vẫn hợp lý và không có tính cách không tưởng. Nhưng hụt hẫng, anh cảm thấy sự liên hệ ruột thịt giữa anh và nhân vật của tác phẩm không còn thắm thiết nữa. Hoa đã rẽ qua một con đường khác và cuộc sống hiện tại của Hoa và cuộc sống trong câu chuyện tưởng tượng khác biệt nhau quá. Phan nâng cốc nước dừa lên, uống rất thong thả và tìm cách tự an ủi mình: ít ra, trong thiên truyện ngắn, Hoa đã "trưởng thành" và chọn lấy một giải pháp để kết thúc một giai đoạn của cuộc đời mình. Anh đã thổi được đôi chút sinh khí vào tâm hồn của nhân vật. Bởi vì ngoài Hoa ra, Phan còn có khá nhiều nhân vật không thành hình nổi, đã chết yểu khi còn trứng nước. Những cuốn sổ tay phác họa những hình ảnh thiếu sót và không rõ nét, những bản thảo viết nửa chừng với những cốt truyện không khai triển và kết thúc dược là chứng tích của những ngày vất vả, bất

lực và đau đớn trong quá trình sáng tạo. Những nhân vật không sắc cạnh và thiếu hẳn chiều sâu ấy đã có những hành động phi lý và một tâm lý không sống động. Cốt truyện nhạt nhẽo không làm nổi bật lên những suy tư mà anh vụng về gửi gấm vào những dòng chữ lộn xộn; có khi nó cứng đờ như một khúc gỗ nhiều mắt, không thể nào đẽo gọt thành hình dáng mà anh mơ ước. Anh nhớ lại những ngày hè oi bức giữa hai niên khóa tại chung cư Nguyễn Thiện Thuật, khi anh được nghỉ dạy và giam mình trong căn phòng hẹp với những tờ giấy trắng, trắng một cách ngao ngán. Đầu óc anh rối loạn lên vì những cảm nghĩ bề bộn và không định hướng. Anh không thể xếp đặt chúng lại theo một trình tự nhất định và rõ ràng; chúng bò tràn lan không chủ đích như những giây leo chằng chịt và hỗn độn trong một khu rừng hoang. Bên kia cửa sổ, Hoa vẫn siêng năng gập mình xuống chậu nước, hai cánh tay không ngừng xát xà phòng, đập vỗ, vò, vắt những chiếc quần áo của chú thím và các em. Trên con đường dẫn vào cư xá, những đóa hoa phượng đã hầu tàn, và những ngọn lá phượng xanh non, mong manh như những lá mimosa đang nhẹ nhàng run rẩy trong gió sớm. Suốt mấy tuần liền, Phan chỉ nguệch ngoạc viết được năm ba trang giấy lèo tèo mà về sau anh phải vứt bỏ đi.

Người đàn ông đứng lên, đến gần cô thâu ngân để trả tiền và Hoa cầm cái xắc da cá sấu, cố ý nhìn vào bức tranh vẽ phong cảnh treo trên bức tường bên phải để khỏi thấy Phan rồi rảo bước ra ngoài. Phan nhìn theo thân hình rắn chắc của Hoa và đôi cánh tay trần hồng hào mà tưởng nhớ đến người ni cô mảnh dẻ trong chiếc áo nâu đang lần tràng hạt trong câu chuyện giả tưởng của anh năm nào.

*

Từ mấy hôm nay, Phan không ngừng thắc mắc. Cuốn sách nhỏ của anh đã được phát hành; có lẽ nó đã đến tay một vài độc giả. Nó đã giã từ anh để ra đi. Khung cảnh, nhân vật – với những hành động và suy tư được cụ thể hóa trên vài trăm trang giấy – sẽ dần dần xa anh và không còn là của riêng anh nữa. Các nhà nghiên cứu văn học nhận định rằng một cuốn sách, sau khi được phổ biến, sẽ có đời sống riêng của nó. Thế nghĩa là thế nào? Anh lo ngại quá. Người ta có hiểu nó như anh từng quan niệm nó không? Không chừng nó sẽ phản lại anh và gây ra nhiều ngộ nhận như đã từng xảy đến cho một vài tác giả. Hay tệ hơn, nó sẽ chìm sâu vào sự thờ ơ lạnh nhạt và quên lãng. Rồi nó sẽ nhập bọn với đống sách cũ bán giá rẻ nằm lăn lóc trên vỉa hè như trước

đây ở bên nhà hay như hiện nay ở nước Mỹ này... Anh rùng mình nghĩ đến những thư quán lớn nhỏ với những kệ sách cao, đầy ắp những ấn phẩm dày mỏng, từ những cuốn "không còn in lại nữa" đến những cuốn vừa xuất bản, giấy mới tinh, màu mực tươi rói, từ những cuốn có bìa màu rực rỡ đến những cuốn được trình bày đơn giản và nghiêm trang. Cuốn sách khiêm tốn của anh sẽ lạc loài trong rừng giấy rậm rạp ấy và không chắc sẽ gợi được sự chú ý của một ai trong cái xã hội luôn luôn bận rộn, vội vàng, hấp tấp này. Rồi những cố gắng liên tục của anh trong bao nhiêu ngày tháng sẽ thành ra công dã tràng. Từ khi con người biết dùng những ký hiệu để ghi lại những kinh nghiệm, hành động, tình cảm và suy tư của mình lên đá, tre, gỗ và giấy, biết bao nhiêu tác phẩm đã mai một với thời gian! Phan vừa ném một hạt cát vào sa mạc, hắt một giọt nước vào đại dương. Ngay trong giai đoạn lịch sử mà viết văn đã trở thành một nghề, có những nhà văn phương Tây, khi về già, chỉ muốn viết những tác phẩm ngắn và súc tích, thích làm một bài thơ hơn là sáng tác một cuốn tiểu thuyết, vì cho rằng hiện nay chúng ta viết nhiều quá. Có phải ngày nay, với những phương tiện truyền thông phong phú, chúng ta viết và nói quá nhiều, và lạm phát đã hoành hành trên thị trường chữ nghĩa và trên làn sóng điện? Trong những điều kiện ấy, người viết và người nói chắc phải cống hiến những món ăn tinh thần độc đáo thì mới thu hút được sự chú ý của độc giả hay thính giả: những cảm xúc hay tư tưởng tân kỳ, một văn phong hay ngôn phong chưa được ai sử dụng... Công việc trứ thư, lập ngôn đã trở thành khó khăn hơn trước chăng?

Như một sư phụ tiễn đưa một đệ tử hạ sơn, Phan đang tiễn đưa đứa con tinh thần xuống núi. Anh bùi ngùi nghĩ đến những bước chân non dại của nó trên con đường chông gai và đến trách nhiệm của mình: ít nhiều, nó đã mang đi theo những gì thân yêu nhất của anh. Và anh lại nhớ đến Guillaume Fontane. Khi tâm sự với một người bạn văn vong niên trung thành, Fontane cho hay rằng tác giả mà anh bạn ngưỡng mộ, con người đó, sau một thời gian, đối với ông, đã trở nên xa lạ. Ông ta trở nên xa lạ với chính mình, với cái tôi ngày trước. Cho nên Fontane có một thái độ lãnh đạm lạ lùng đối với tác phẩm cũ của mình, và chán ngấy không muốn đọc lại những trang mình đã viết ra. Có thể như thế được chăng? Bởi vì, có người, như Balzac, cứ muốn nói nhiều về những nhân vật do mình sáng tạo. Có lẽ sự liên hệ giữa tác giả và nhân vật hay tác phẩm của chính mình không phải lúc nào cũng đơn giản.

Dưới một khía cạnh nào đó, viết không những có mục đích tái tạo cuộc sống, hồi tưởng cuộc sống đã qua và đưa ra một viễn ảnh về tương lai, mà còn là một phương thức của tác giả để thực hiện mình. Trong quá nhiều trường hợp, trong tác phẩm, con người của nhà văn hiện ra rõ nét hơn, đầy đủ hơn trong cuộc sống thực. Nếu không viết ra, ta có cảm tưởng chưa sống được sâu sắc, toàn diện. Hành động thuần túy chưa đủ để thực hiện cá tính; cần phải thêm vào đó cảm xúc và suy tư. Có người tự thực hiện bằng hành động; nghệ sĩ tự thực hiện bằng nghệ phẩm, cả trong trường hợp nghệ sĩ không nói về mình.

Trong xã hội, chúng ta ít ưa những kẻ hay nói về cái tôi, nhưng trong phạm vi văn học, hình như chúng ta có thái độ "khoan hồng" hơn đối với người viết văn, làm thơ. Có lẽ không phải vì cá tính của tác giả có những điểm đặc thù mà chính vì độc giả có thể tìm thấy mình, nhận ra mình trong tác giả. Hơn thế nữa, có những nhà phê bình văn học khuyên nhà thơ nên nói về cá nhân mình. Tùy Viên, một danh sĩ đời Thanh, tác giả *Tùy Viên thi thoại* viết: "Khi làm người mà nói đến cái ta, ắt khó tránh được lòng tự thị. Nhưng khi làm thơ, cái ta lại rất nên nói đến". Tuy nhiên, tưởng cũng không nên lạm dụng cái đặc ân ấy, bởi vì nói về mình, không những "đáng ghét" mà còn khó khăn nữa. Vả lại, đối với một nhà văn, nói mãi về mình có thể hạn chế tầm vóc của sáng tác. Khi ta chỉ chú trọng đào sâu vào tâm tư mình, trí tưởng tượng của ta ít hoạt động hơn, lòng ta cũng ít mở rộng ra để đón nhận những tâm hồn khác. Ta sẽ có ít cơ hội đưa ra những viễn tượng, sáng tạo ra những nhân vật khác thường, tìm hiểu những mảnh đời khác nhau của từng mẫu người khác nhau và tác phẩm sẽ thiếu phần đa dạng.

*

Con đường nhựa trước mặt nhà sẫm màu xuống. Những đám mây xám dàn mỏng ra, biến thành một tấm màn vĩ đại, lọc bớt và làm dịu ánh nắng đã giảm phần chói chang. Chiều đã xuống rồi, nhưng hoàng hôn sẽ còn kéo dài, như hoàng hôn của những ngày chia ly. Trong không gian xa vắng, có một cái gì sắp chấm dứt, có một cái gì sắp ra đi. Vừa lắng nghe một tiếng chim vỗ cánh, Phan vừa nghiêng người với tay lấy cuốn truyện dài của anh vừa phát hành được hai tuần nay. Cuốn sách chỉ dày hơn 200 trang, không có vẻ bề thế như mấy cuốn trường thiên tiểu thuyết. Anh nâng niu nó, lật qua lật lại và xem kỹ mặt trước. Anh mến cái bìa trang nhã trắng tinh khiết với cái khung

giản dị màu xám nhạt và bức tranh minh họa đầy ý nghĩa của một họa sĩ nổi danh. Mở sách ra, anh tìm đọc một vài đoạn mà trước đây anh ưa thích. Nhưng chỉ một lát sau, anh để lộ vẻ bất mãn:

– Mình viết lách như thế này ư?

"Văn mình, vợ người", nhận xét ấy không phải bao giờ cũng đúng. Và anh nhớ đến Balzac, nhà văn hào đã không mệt mỏi sửa đi sửa lại văn mình trên những bản in thử.

Trong lúc này, có lẽ một vài người đang đọc anh, nhưng anh chưa biết phản ứng của họ đối với những dòng chữ mà anh đã dày công viết ra. Những thắc mắc cũ lại hiện về và làm lung lay niềm tin tưởng mà anh hằng nuôi dưỡng trong những ngày đêm cần cù cố gắng chuyển đạt đến độc giả những cảm nghĩ của mình. Anh chợt nhớ đến một người chị họ. Mê tiểu thuyết Việt và Tàu, mỗi lần đọc xong một tác phẩm có giá trị, chị cảm động sâu sắc với tâm trạng của các nhân vật và dưới tác động của tác giả, chị cầm bút viết tiếp câu chuyện mà chị nghĩ rằng có thể kéo dài thêm nữa, như những người viết Hậu Tây Du, Hậu Tam Quốc. Cuốn sách của anh có gây được một tiếng vang nhỏ nào trong lòng người đọc không, và ước gì anh có một độc giả nhạy cảm như người chị họ! Anh mong rằng người bạn đọc ư đúng là một người bạn – đang cầm trên tay cuốn tiểu thuyết của anh sẽ thông cảm với những nỗi thống khổ và những niềm phấn khởi của những nhân vật trong truyện, với thân phận con người và yêu mến cuộc sống hơn.

Rồi đây, trong hoàn cảnh lưu vong, sau những biến cố bi đát đã xảy đến cho chúng ta hồi cuối tháng Tư năm ấy và còn tiếp diễn cho đến ngày hôm nay, giữa những tấn bi hài kịch của cuộc đời, biết đâu, một ngày nào đó, tại một tiệm phở trong khu Tenderloin ở đô thị Cựu Kim Sơn này, Phan sẽ gặp lại một cô Hoa khác, một cô Hoa trầm tĩnh hơn, già dặn hơn, đẹp não nùng với những nét khắc khổ mà thời gian và đau thương thích ghi lại trên gương mặt của chúng ta. Và chắc hẳn hai người sẽ dễ dàng nhận ra nhau. □

Tìm Đọc
BÊN LỞ BÊN BỒI
tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc
An Tiêm xuất bản

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

pg-13

*

Hai đứa ra khỏi rạp Ngọc Lan lúc chín giờ.

Cuốn phim thật nhạt nhẽo. Chẳng có hình ảnh nào in vào trí Quyền, ngoài khuôn mặt luôn thay đổi độ sáng tối của Như. Đầu tóc hớt ngắn, kính cận thị và sự chăm chú theo dõi lên màn ảnh của cái đầu nhìn nghiêng đó, đã khiến Quyền thấy ở Như có chút lạ lùng nào thật mới, thật khó hiểu. Đi ciné. Chẳng rõ đứa nào đề nghị? Mà cũng phải, biết làm gì cho hết một đêm? Quán cà phê ở gần khu Hòa Bình đã ngồi với tiêu hao cả bao thuốc Bastos. Quán chè ở dốc Minh Mạng ăn không nổi qua chén thứ hai và buổi chiều đã rớt xuống bên ngoài những cọng nắng tàn phai trên hè phố. Lững thững bước vào rạp chiếu bóng âu là một địa chỉ cuối cùng.

Chín giờ. Còn sớm quá. Quyền than thầm trong đầu, dầu thời khắc lúc này đang như có vẻ gian dối với anh, muốn chạy nước rút về hướng bình minh. Mặt trời sẽ mọc và rồi Quyền sẽ đi khỏi những vũng sương mù, những cơ ro giá lạnh quen thuộc, như giờ này đang vây lấy anh. Quyền nắm tay Như. Hơi ấm thật mong manh và khó giữ được lâu. Một tay thọc sâu vào túi, những tờ bạc sần sùi chất giấy có khi không mua được cho mình một niềm vui. Anh

đan vào năm ngón tay Như, mân mê sờ soạng như da thịt chúng nó muốn nói với nhau những tiếng giã từ thầm lặng.

– Đi kiếm cái gì ăn nhé?

– Thôi, để Như về. Đã khuya rồi. Ba sẽ nóng lòng...

Như rút tay lại. Nàng cột sửa cái khăn quàng và kéo cổ áo khoác lên cao. Quyền đá một cái lon sữa bò lăn đổ xuống triền cỏ ẩm thấp. Biết bao giờ mình sẽ lập gia đình? Sẽ làm một ông già oai phong và sẽ tập nhăn nhó với đứa con gái đi chơi về khuya. Thật là xa vời ảo tưởng. Hình ảnh đó làm Quyền thấy buồn cười. Quyền có người anh, Trung úy Bộ binh. Mặc đồ hồ tươm tất cứng đờ, bốt đờ sô láng bóng, tới nhà cô bạn gái ngỏ lời cưới xin. "Cậu suy nghĩ chín chắn chưa? Hãy nhìn lại cậu trước đi đã. Bộ muốn làm khổ con gái tôi à?" Ông anh của Quyền chẳng biết nói gì với "thẩm quyền", sững người nhìn xuống hai bông mai vàng gắn nơi cổ áo. Thời chiến thường làm người ta lộng ngôn hoặc ngược lại, gây ra những thứ vô ngôn tắt tiếng như vậy. Sau đó, trò chơi nghiệt ngã kia biến anh ấy thành ông cố Đại úy khi ngã xuống mặt đất chẳng có được một giọt nước mắt ướt át của người tình xót thương. Sạn đạo. Ngày mai Quyền cũng bắt đầu dọ dẫm vào con đường ấy rồi. Con đường duy nhất phải bước tới sau khi thi hỏng tú tài phần hai. Quyền không thích ngụy biện, nhưng việc anh chẳng có tên trên bảng vàng, hơn ai hết Như là người hiểu rõ lý do. Như đã cấy vào người anh chất đam mê khác thường mà cái tương lai bác sĩ kỹ sư sẽ chờ đón, không bao giờ mang tới cho anh sự hứng khởi nào khả dĩ lớn lao để phải dằn lòng chúi đầu chúi mũi vào những trang sách nhàm chán thô thiển. Và Như có khóc không, giả dụ anh làm một thằng cố Thiếu úy? Mặt trận càng lúc càng nổ lớn ở mọi nơi. Nó truyền nhiễm lần hồi vào người ta sự dửng dưng và điều này khiến cho tất cả những lìa xa đều trở nên quen mặt. Trơ lì ra, không còn phải phàn nàn, nguyền rủa. Thật lạ lùng nếu chúng ta xem được một cuốn phim mà trong đó người dạo diễn khai thác kỹ cảnh chia tay của những gia đình tiễn người thân ra mặt trận. Bịn rịn, nước mắt, vòng tay ôm bạch tuộc, môi hôn và thậm chí có kẻ ngất xỉu trước một bức rời đã có được sự chuẩn bị. Xuất phim hôm nay không có những hoạt cảnh đó. Một phim giễu dông người coi, nhiều tiếng cười. Và Quyền, trước sau anh vẫn chẳng có một niềm vui nhỏ.

Khi lấy được chiếc Honda dame từ chỗ gửi xe ra, Quyền cố tìm kiếm một nơi chốn để kéo dài sự gần gũi với Như.

– Chạy một vòng để nhìn mặt những con đường về đêm nghe?

– Thôi, lạnh lắm... Mà cũng chẳng có gì để coi.

Quyền thử đề nghị nhưng bị từ chối. Tiếng máy xe nổ hục hặc, thất thường tựa cô chủ nhân. Đà Lạt, đêm xuống nhiều sương. Như sẽ chẳng bao giờ hiểu được thế nào là lãng mạn nếu giờ này tắt máy, dắt chiếc xe đi vào cổng gỗ có một đoạn sân trải sỏi kêu xào xạc. Và sau cùng chui vào mền nằm đếm một hai ba đợi chờ giấc ngủ sẽ tới không mộng mị. Chẳng hối hận những gì mình đã xử sự. Không bận lòng ghét, thương, xa, gần, oán, nhớ.

Cả hai không nói gì. Đúng ra là Như cứ mãi im tiếng. Còn Quyền, anh có nhiều lý do để ôm giữ sự buồn lòng đến thinh lặng. Có đôi tình nhân đi bộ dừng chân bên hàng bán bắp nướng. Những hòn than đỏ rực từ bực thềm ủ nhiều bóng tối bắn ra ngàn chấm nhỏ trông như một cái pháo bông thu bé được thắp lên ở một bầu trời bình yên. Mùi bắp thơm dần vặt con hẻm tối và tiếng cười trong trẻo hoan lạc của cặp tình nhân kia đuổi theo làm khổ Quyền cho tới tận cuối dốc, buốt đâm lút cán vào người anh.

– Mai này sẽ có người ray rứt nhớ. Như biết không?

– Gửi thư về cho Như đọc.

– Như sẽ làm gì suốt cả tháng ngày rảnh rỗi này?

– Ba biểu cố học để thi vào Dược khoa ở Sàigòn.

Mộng ước của Như thật tội nghiệp. Một đứa con hiếu thảo có nghĩa là trước tiên, sự tội nghiệp nó hiển hiện ra thật đầy đủ. Ba nói như vậy. Ba hiểu như kia. Cái thẻ căn cước bọc nhựa nằm trong đống giấy tờ tùy thân của Như gần như chưa đủ chứng minh rằng nàng đã có thừa khả năng để tự mình định đoạt những công việc mà người khác xem là có vẻ riêng tư.

– Ông già của Quyền từng tuyên bố, mày cố học cho ra một ông bác sĩ. Bây giờ đã lỡ làng thì ông lại đổi là tệ lắm mày cũng phải đeo cho được cái lon Đại tá.

Quyền nói. Giọng đùa nghịch, chua chát.

– Sao ông không bỏ tiền ra nhờ người ta chạy chọt cho Quyền một cái giấy để lừa thiên hạ? Bệnh tật chẳng hạn.

Xe dằn ổ gà, bất ngờ chuyển lên người Quyền nỗi râm ran. Lời nói của Như chẳng phải là vô lý, nhưng nó đặt để không đúng chỗ. Gia đình Quyền thuộc loại nghèo khó. Và một đứa lỡ mang tiếng anh hùng, thông thường đều bị hoàn cảnh xô đẩy nó tới một bức tường hết ngõ chọn lựa. Khi người ta có

tiền, họ sẽ biết cách kéo dài cái tuổi thọ của họ ra. Tránh xa lằn tên mũi đạn chừng nào tốt chừng đó. Anh hùng mà làm cái quái gì. Anh hùng như người anh của Quyền thì quá lỗ lã thiệt thòi. Một ô vuông đóng khung đen đúa đằng trang sau một tờ nhật báo. Hai ba thằng "đệ tử" mếu máo: "Ông thầy ơi! Ông thầy sống khôn thác thiêng ơi!" Chấm hết. Xin anh hãy nhắm mắt cho thật kín. Ba chỉ là một người công chức đạp xe đi làm qua chập chùng những con dốc cao. Còng lưng và khó nhọc.

Xe chạy xuống đường Phan Đình Phùng.

– Nhớ giữ gìn sức khỏe.

Như nói lời chia tay nghe có vẻ giễu cợt đối với một đứa sẽ xuống tóc làm lính tráng.

– Như chúc vậy là thừa thãi rồi. Nghe đồn cơm nhà bàn trong quân trường có trộn thuốc bổ nhiều dữ lắm. Ăn vào sẽ khỏe như trâu.

Quyền bước khỏi yên xe để trao ghi đông lại cho Như. Ngọn đèn vàng trên đầu cho Quyền cảm giác anh nhìn Như tựa một người vừa mới đau dậy. Mắt còn yếu, bị hoa lên bởi những con đom đóm quái đản bay loạn xạ trong nhãn quang. Ánh đèn thật bệnh hoạn, không cho Quyền thu lấy khuôn mặt gần gũi kia vào tâm tưởng một lần cuối.

Quyền muốn hôn Như. Một vài chiếc xe xuôi ngược chạy vụt qua như có ma đuổi sau lưng. Con đường mờ mịt sâu hun hút ở mọi ngã. Bàn tay trái của Như xô nhẹ người Quyền ra khi anh sửa soạn nhắm mắt kê sát đầu. Không riêng gì anh, ngay cả Như cũng vậy, hai đứa đều đổ dau ra hết; thảy tật nguyền hết ráo.

– Chẳng có gì tặng nhau ở phút giây này sao?

Bàn tay tàn nhẫn kia luôn vày vò một chiếc khăn tay màu trắng. Như nhét nó vào bọc áo Quyền và biến hóa thành một món quà trong chung cuộc. Như nghiêng người lầm lũi đẩy xe vào cánh cổng vừa mở ra một vùng tối tăm. Có tiếng chó sủa. Vài ô cửa gương tức thì lộng sáng ánh đèn ở bên trong. Thế giới đó thật cách biệt với Quyền. Anh đứng một mình khá lâu với điếu thuốc cháy lập lòe. Với sương đầy hai vai. Đứng một mình với chiếc khăn tay chẳng nề hà chuyện dị đoan kiêng cữ, đưa lên hôn hít ở mũi ở môi. Đứng cho tới khi... Cho tới khi...

*

Có người đập vào vai Quyền. Giữa ồn ào lao xao, giọng thằng Hào nổi rõ sự khác biệt:

– Chú đợi lâu không? Chỗ đi tiểu mà cũng phải xếp hàng luôn.

Những dãy đèn màu nhấp nháy quanh tấm poster làm Quyền mỏi mắt. Anh đổi thế ngồi và kéo thằng Hào lại gần:

– Có thấy phim hay không?

– Hay chớ. Chú nhìn người ta đi xem đông là biết liền.

– Hào có hiểu hết những gì họ nói không?

– Hiểu chớ. Bộ chú không hiểu à?

– Không. Tiếng Anh chú yếu lắm. Nghe thiên hạ cười mà chú chẳng biết vì sao. Bộ vui lắm à?

– Mẹ nói chú khi xưa giống như Rambo vậy. Lần sau mình lựa phim đánh nhau ở Việt Nam cho chú dễ hiểu.

– A. Cái đó thì chú lại càng không hiểu nổi.

Hào nhìn tới Quyền với ánh mắt nhiều do lường, quan sát. Sự ngờ vực lộ ra ở đó. Là tia nhìn của Quyền khi bất chợt ngó tới một đứa con gái xuân thì, nhan sắc mặn mà vừa đi ở bến xe đò Đà Lạt vừa thoát y ra và miệng mồm không ngớt lải nhải những bài ca cách mạng chắp vá.

– Kỳ cục thế. Vậy thì chú ưa coi phim vẽ không? Loại dành cho con nít đó.

– Chú chưa thử.

– Mà thôi, chán lắm. Bữa nào lớn hơn chút nữa chú sẽ hiểu biết tiếng Anh.

– Thật sao?

– Thật. Phải chịu khó mà học. Mẹ vẫn hay nói với Hào vậy. Không đi học làm cu li khổ lắm.

Quyền nhăn nhó cười. Anh cố nhớ lại khi bằng cỡ tuổi Hào giờ này, có bao giờ anh thốt lên được những lời tựa thế? Và thật lạ lùng, từ ngàn xưa cho tới ngàn sau các đấng phụ huynh thì chỉ có mỗi một câu ấy để lập ngôn, nhai lui nhai tới không hề biết mỏi miệng. Ở quê nhà cũng thế mà lang thang sang tận đây vẫn vậy. Cùng cái luận điệu đó, một đôi lần như quan hoài tới Quyền: "Kiếm cái khóa gì đó mà học lấy một cái nghề đi. Nhất nghệ tinh nhất thân vinh". Và đôi ba lần ngồi nghe nghiêm chỉnh kia, Quyền thấy ngạt thở như đang đeo sau lưng một cái ba lô nặng nề, rút quân qua vùng núi rừng đã mất phương hướng. Anh tìm cách đánh trống lãng và cố không để đầu óc mường

tượng tới cảnh ngày hai buổi cắp sách đến trường, làm một "em" học sinh vụng về đôi bàn tay với mười ngón trước đây vọc chuyên nghiệp tới súng đạn. Như không hiểu được có người trời sinh ra chỉ thuần biết khám thai, sờ nắn xoa bóp da thịt đàn bà. Có người chỉ biết nhắm mắt bóp cò. Có kẻ ghiền mùi sách vở ngại ngái ở thư viện, có đứa hít mùi khét của những mũi khoan sắt. Có kẻ vấn số thua thiệt chạy làng. Có tên thành công thắng lớn thiên thời địa lợi mà nhân không hòa. Ép một thằng nghệ sĩ đi làm ông đốc rồi dí vào tay nó một con dao mổ thì đàn áp bóc lột quá. Hãy rộng lòng một chút, đừng giết người không gươm dao.

Như từ chỗ vệ sinh đàn bà bước tới. Hành lang trải thảm màu máu bầm. Cái váy màu đỏ rượu chát lay động mỗi khi một gần. Thứ sắc độ đang vây bọc ấy không khiến cho da mặt Như hồng hào thêm ra một mảy may. Quyền nhớ đã lâu, có lần về phép thăm và Như tiếp anh với thứ sắc diện giống thế. Người đang ốm nghén đó dã cho Quyền nỗi buồn nản tột cùng bọc kín trong mấy ngày phép hiếm hoi. Ngồi gần nhau mà lạnh lẽo câm nín như một con đường hỏa xa. Thanh sắt bên này ngó qua thanh sắt uốn lượn song song với mình. Xa vời, cách biệt, mỏi mòn hết tìm thấy một chỗ hội tụ. Và chính cái khăn tay vày vò hôm nào đã ngả màu được lôi từ quần lính ra, Quyền trao lại nó vào tay Như để bịt miệng những lần nàng dợn mửa. Bây giờ thì Như chẳng thể mang bầu nữa rồi. Ba thằng Hào đã bỏ đi, tòa án giao thằng Hào lại cho con gà mẹ rụng lông bảo bọc. Và xanh xao, có thể là do những hư hao bất ngờ vừa phủ chụp xuống đời Như. Ông ngoại thằng Hào thì chết sau vụ đánh tư sản mại bản ở quê nhà. Giả sử còn sống giờ này làm nhân chứng, ông sẽ nghiệm ra đôi khi con gái mình lấy nhằm thằng cu li mà lại hạnh phúc cũng không biết chừng.

Cả ba bước ra khỏi rạp Imperial. Tuyết đã ngưng rơi từ lâu nhưng con đường vẫn choáng váng với những ụ tuyết chất đống hai bên lề do những người phu vệ sinh lái xe ủi dồn chưa kịp hốt đi, đứng cao thấp từng khối trông như dãy pháo đài được quét sơn trắng. Ngày mai thứ hai, Quyền rùng mình khi nhớ nó là con số xuất phát khởi đầu cho một vòng quay chóng mặt. Hàn khí di lâng lâng ngang qua, Như tưởng anh lạnh để dưa tìm lấy ủ ấp. Một thời ở Đà Lạt đã để cho vuột đi, em trói anh lại cho chặt giữa cái xứ người băng giá này. Có phải không?

Ra đến bãi đậu xe, tuyết ở đây lại dồn cục ủ ê bằng thứ hình khối khác. Quyền liên tưởng ra ngay tới chỗ anh rít rát lao động vì nó giống hệt những núi đường cát có ở nhà máy chờ vô bao. Quyền từng đùa với Như. Anh chẳng có gì đáng phàn nàn hết. Thứ công việc mang lại cho nhân gian sự ngọt ngào cần thiết không là một nghề đáng yêu sao? Tiếp nối sau đó là lời Như vẽ lên một bài toán thật giản đơn và thật phiền hà. Như mang bổn phận một bà mẹ hiền để tách bạch vấn đề ra cho anh, "đứa con lỡ đường": "Chịu khó đi học đi nghe. Học về computer chẳng hạn. Đó là lối đi trông ngắn nhất nhằm cải thiện lấy cuộc sống mình". Và sau đó là những tảng lờ cố hữu. Quyền ngầm mang ơn Như, nàng sẵn lòng "nuôi" anh ăn học. Anh sợ đủ điều, trong đó có cả nỗi hoang mang sợ làm Như sẽ mất đi niềm kỳ vọng lỡ trao về anh. Như trông như một người có hai hàm răng bị sâu đục khoét tuốt luốt đến độ sợ luôn tới kẻ làm ở nhà máy sản xuất ra đường. Kỳ cục. Thằng Neil làm chung chỗ thì luôn vỗ ngực tự cao tự đại: "Anh là sugarman đây sweetheart. Người đàn ông ngọt ngào nhất Hiệp Chủng Quốc".

Vào ngồi trong xe, Hào đòi đi ăn hamburger nhưng Như phản đối. Mặt mày ủ dột một hồi, cuối cùng đứa con trai mười hai tuổi bắn viên đạn đầu tiên vào người "Rambo" đang ngồi thu lu ở ghế trước:

– Sao đi đâu chú Quyền cũng để cho mẹ chở vậy?

Câu hỏi dâm từ sau lưng, đột ngột làm Quyền chết cứng. Anh không hiểu rõ tính khí của Hào. Một đôi khi nó là thằng bé sáu bảy tuổi. Một đôi khi nó làm ông già vượt quá cái tuổi tri thiên mệnh. Gần gũi với Hào, nó luôn biến thành một cái gương cho Quyền soi chiếu lại những ngày còn bé. Và so sánh, không bao giờ anh đủ trí khôn bằng nó. Mười hai tuổi, trên mông Quyền hứng chịu biết bao nhiêu là trận đòn roi vọt. Anh là một con vẹt hồn nhiên học lóm những chữ lạ tai. Thằng bạn tới hối đi học, Quyền nhăn nhó: Đù má mày, còn sớm mà. Người anh nghe được để giáo dục bằng một phương cách sai lầm: Năm mươi cái chổi lông gà giáng xuống. Lớn hơn một chút, cái lỗ tai thiếu dưỡng rụng ra khỏi đầu khi bà chị nhìn thấy một hàng chữ anh viết nắn nót để trên bàn học "Make love not war". Quyền dị ứng với tiếng Anh từ đó thì phải. Nếu mình lập gia đình... Nếu mình có con... Những dự tính làm một cuộc cách mạng nhằm lật đổ lề lối giáo dục lạc hậu kia cứ mãi lớn ra trong đầu. Nhưng biết lấy gì làm ngòi nổ? Quyền yếu đuối quá. Mộng ước vẫn hoàn là

mộng ước. Ngàn đời mây vẫn còn bay. Và Như, biết thuở nào để ra cho anh một vài đứa con?

Như lái xe theo những con đường ngoằn ngoèo rời xa thành phố. Nàng có vẻ chú tâm. Mà không riêng gì việc điều khiển xe, Quyền vẫn thường bắt gặp cái ngây người cứng ngắt đó ở Như. Nàng thật sự có nhiều toan tính thầm kín và ưa tự mình tìm cách lý giải. Quyền biết thế, anh tôn trọng thứ tự ái có trong Như, nên bông đùa cho không khí đỡ trầm lắng thường là việc làm của anh. Bây giờ thì chẳng thể. Anh cũng không biết nói sao cho thằng Hào đỡ phải hậm hực. Có lần, từ trường học về Hào cũng đã làm anh ngồi bó tay. "Chú vẽ lá cờ Việt Nam có được không?" Dễ ợt. Dễ hơn chuyện xưa tích cũ có ông gì đó đoạt giải nhất trong việc thi vẽ mau. Mười ngón tay nhúng mực cào một phát lên giấy gọi là mười con giun. Quyền chỉ dùng có ba ngón vạch ra ba đường thẳng và thêm thắt: nền vàng, ba sọc này thì màu đỏ. Hào đứng chống nạnh một bên: "Tầm bậy! Vẽ theo chú có nước bị cô la cho. Chỗ này màu đỏ, ở giữa thì có hình một ngôi sao vàng. Trong cuốn tự điển ở trường họ in như vậy. Chú làm sao mà bằng cuốn tự điển được. Chú có phải là Rambo thật không đó?"

Quyền cúi đầu: chú đâu phải là Rambo cái con mẹ rượt gì... Anh tính dài dòng hơn nhưng bất lực. Thế đấy. Quyền là kẻ thất trận dài dài!

Xe dừng trước khu chung cư đã lên đèn. Hào bước ra đầu tiên và Quyền đón nghe tiếng cánh cửa xe ập vào giận dữ.

– Tại sao mình không ghé vào McDonald?

– Đừng bận tâm. Như có lý do. Nồi bún để cho ma ăn à?

– Như phải hiểu là có người thích ăn bún, người ưa ăn phở, kẻ thích...

– Như vậy thì loạn mất. Không thể chìu chuộng được. Ông ăn chả bà ăn nem thì hỏng. Một miếng ăn mà phải phân chia thì những chuyện khác...

Như đóng cửa cũng mạnh tay không kém. Nàng bước lên những bậc cấp với xâu chìa hkóa vung vẩy ở tay. Ở đó, không có cổng gỗ, chẳng có lối đi trải sỏi, đã thiếu mặt người cha ưa nhăn nhó, khiếm diện luôn con chó nhe nanh cần mẫn gầm gừ những tiếng sủa dữ tợn. Quyền bước theo. Hơi ấm ùa ra nơi hành lang có đặt dãy thùng thư làm anh đứng thẳng người lại. Hào nhặt một mảnh giấy gắn dưới con số 407. Mắt nó sáng lên khi đọc lướt qua từng mặt chữ.

– Của Daddy. Cho con đi nghe?

– Không được.

Như giật mẩu giấy từ tay Hào. Nó hỏi bằng tiếng thét:

– Tại sao?

Hàng chữ ghi bằng tiếng Anh. Đại để là đến tìm Hào mà không gặp. Rủ đi xem trận đấu hockey giữa hai đội mạnh. Chờ ở tiệm Harvey's cho tới bảy giờ rưỡi. Ở dưới có hình vẽ một trái tim.

Mắt thằng Hào loáng ướt và bắn tới Như nỗi oán trách.

– Hãy để cho nó đi xem. Khoảng mấy giờ thì Hào về?

Câu nói của Quyền rơi vào khoảng trống. Mất tới mấy phút Như mới có sự quyết định. Nàng gật đầu, vo tờ giấy lại và ném theo những bước lật đật của Hào.

– Như thật mệt mỏi và khổ tâm nhiều điều!

Lần đầu, Quyền nghe Như than thở và để lộ ra bản tính mềm yếu đáng yêu của đàn bà. Anh đặt tay trên vai Như bóp nhẹ vào đó khi cửa thang máy mở ra.

– Rồi sẽ qua đi. Và việc rủ rê thằng Hào đi chơi để nhằm nguôi ngoai một thứ gì đó, xét cho cùng là chuyện bình thường.

Quyền an ủi một câu dở nhất thiên hạ. Nỗi yên lặng tiếp theo sau càng làm anh thêm bứt rứt. Như thở ra:

– Thôi, bỏ đi. Ở bên này nhiều vấn nạn quá. Cứ nhắm mắt mà sống đôi khi lại hay hơn. Cái số. Phải không?

Như run tay xỏ chìa khóa vào ổ, vặn lách cách. Con người quả là giống vật yếu đuối. Cái số. Quyền từng thốt lên chữ đó cả hàng triệu lần suốt một thời trai trẻ của mình. Thi hỏng. Đi lính. Nằm bệnh viện quân y. Nhìn bàn tay đeo nhẫn của Như đặt trên đường cong cái bụng bầu. Lạnh ngắm mưa đâm xiên ngoài hàng rào trại cải tạo. Đi lảo đảo khi ngày đầu đặt chân tới trại tỵ nạn. Và choáng váng khi gặp lại Như ở thành phố này. Nghiệm cho nát óc, chẳng biết dùng chữ gì khác hơn để nói về thứ định mệnh lạ lùng kia.

– Như khuấy cho Quyền một ly cà phê nhé?

Căn phòng vây lấy một mùi hương và những ô cửa giăng kín màn vải giam giữ một thứ màu chập choạng khiến Quyền ngồi ở ghế nệm thấy buồn ngủ. Anh vọc cái remote control trên tay nhưng không muốn mở máy truyền hình. Anh muốn chìm mình dưới những tiếng động hạnh phúc mà Như đang gây ra ở sau bếp. Vòi nước chảy từ robinet dội xuống reo vui trong ấm sắt. Những

vòng quay của cái nắp đậy hũ cà phê bột. Tiếng muỗng rơi vào ly. Và bước chân Như xê dịch nghe dội trong lòng nỗi thích thú hệt như đang chơi trò trốn tìm hồi nhỏ. Nhắm mắt gục đầu vào gốc cây và đếm năm mười mười lăm... Quyền lim dim. Cho tới giờ này, anh vẫn muốn Như sẽ là người từ một chỗ ẩn trong bóng tối bỗng chạy ù ra đạp lấy mạng anh. Và cứ thế, anh sẽ tiếp tục gánh chịu hình phạt. Đếm số xong, quay lưng lại, rồi hồi hộp đi tìm kiếm điểm danh lôi ra ánh sáng từng "niềm bí mật".

Tiếng nước sôi nghe như tiếng còi của cảnh sát. Thằng Hào cũng sẽ đón nghe âm thanh hệt thế từ miệng người trọng tài thổi lên. Chẳng biết người đàn ông kia có hỏi han gì Hào về sự có mặt của Quyền bên Như? Và không rõ ngôn ngữ nào Hào sẽ dùng để diễn tả về Quyền. Một thằng Rambo te tua bị ngộ nhận suốt từ đỉnh đầu cho tới chân đi không vững trên xứ lạ.

– Khi nào đói bụng thì nói với Như.

Nàng đã thay áo quần. Bộ pyjama đàn ông màu xanh nước biển khiến nàng như có phép, biết cách thu nhỏ người lại. Trẻ và linh hoạt hẳn ra. Mùi cà phê thơm tỉnh táo. Như ngồi xuống một bên. Quyền biết mình là đứa luôn bị quá khứ hiện ra dằn vặt. Anh luôn cố kềm hãm nhưng giờ này đầu óc anh vẫn lởn vởn qua chút hình ảnh của ngày xưa. Có phải vì Như trông như một cô học sinh lớp 12 ở trường Việt Anh? Có phải vì mùi cà phê làm gợi ra những sáng sương mù Đà Lạt?

Quyền nói ý nghĩ đó ra cho Như nghe. Cánh mũi nàng phập phồng. Anh thấy những nếp nhăn hiện ra ở trán Như, thấy môi son đã nhạt màu đang mím lại. Quyền hôn nhẹ vào đó. Những cái răng trơn láng và một đầu lưỡi nóng ướt.

Không đầy một giây, Như lẩn trốn.

– Uống đi. Nếu nhạt thì Như thêm sữa.

Quyền có đọc một cuốn truyện, đã lâu. Của Nhật. Kim Các Tự thì phải. Không nhớ rõ. Chỉ bị ám ảnh bởi một hình ảnh thật xúc động có ở trong trang sách đã quên tên. Khi tiễn một người lính ra chiến trường, đứng trong chùa sau khi khấn nguyện mọi điều lành, người đàn bà đã vén áo kimono nắn bóp vú mình và trao kính cẩn cái cốc sữa huyền nhiệm ấy cho kẻ mặc chiến bào. Uống đi, uống đi. Quyền uống hết ly cà phê nóng. Anh đặt nó xuống chiếc bàn con và tiện tay tháo gỡ cặp kính cận của Như ra.

– Đừng. Quyền... Quyền. Như không thể...

Anh thấy giữa bụng trắng ngần của Như một vết sẹo chạy dài. Như thảng thốt giật cái gối vuông và riết giữ nó vào người, ngồi cong lưng. Có thể thằng Hào đã lọt lòng mẹ từ đó, để lại dấu tích? Có thể một đứa khác chui ra, yểu mệnh và cứa vào người Như niềm thống khổ thành sẹo? Không hề gì. Chẳng có gì phải che đậy. Quyền cởi áo, trên người anh cũng có ba bốn vết sẹo còn khó coi hơn vậy nữa. Chỉ có khác là Quyền được gắn Chiến Thương bội tinh và đề nghị được thăng lon trong khi ở Như co quắp với thứ "mặc cảm bội tinh".

Quyền ôm chặt người Như. Anh đè khối thân thể mềm mại ấy xuống ghế nệm. Anh vụng về nói cái câu mà thời xưa anh chưa đủ can đảm. Anh yêu Như. Những hạt nút cũng biết run rẩy thoát ra khỏi lỗ trống trên thân áo. Đồng thời cánh cửa phòng "cũng biết" xô dạt ra... Một ngọn đèn sáng như giữa đấu trường bùng vỡ ra như muốn làm mù mắt.

– Mẹ... Chuyện gì vậy?

Hào đã nhìn thấy. Ánh sáng có khả năng tra tấn con người làm Quyền ngó ngực trần của Như tự dưng méo mó một cách quái đản trước khi biến mất sau cái gối ôm. Có thể ngực anh cũng vậy, nghe co thắt đau đớn.

Những giọt nước mắt của Như ứa ra. Quyền không đủ sức mạnh để ngoái đầu nhìn lên đôi mắt của Hào. Có lẽ nó cũng đang khóc, giọng sũng nước:

– Chú đi về nhà chú đi. Đi đi. Đừng có khi nào trở lại đây nữa. Tui biết chú thích coi loại phim gì cho thật dễ hiểu rồi.

Nó chửi một tràng bằng tiếng Anh. Có thể nó có lý. Mà cũng có thể nó là đứa hỗn hào khó dạy. Quyền không biết làm gì. Đầu óc anh tối tăm vụng dại. Hào tìm ra cho anh một cách giải quyết. Nó nhặt áo quần dưới đất và ném mạnh tới hướng cửa.

– Đi lẹ đi. Tui gọi số 911 cho mà coi.

Cánh cửa phát ra tiếng nổ của một trái hỏa tiễn. Con số 407 muốn rời khỏi mặt gỗ sơn xám. Số kiếp. Quyền đứng mặc áo ngoài hành lang, anh thấy mình dôi khi không nên có mặt ở đời sống này mà hơn. Mẹ anh thích ăn hột vịt lộn, sao thời đó bà không luộc anh mà nhai với rau răm? Thời đó. Thời đó... Ừ, cái thời chia tay nhau ở Đà Lạt sao mà đáng yêu đến thế.

Quyền bước xuống đường. Giá lạnh chẳng làm anh tỉnh táo. Một chiếc xe hơi sáng đèn chạy chậm theo bên hông:

– Anh Quyền phải không? Tôi là bố của thằng Hào...

Sau đêm chia tay đó, trước khi vào quân trường hình như tụi bạn nó có hùn tiền nhau lại để bắt mình đi chơi đĩ. Có thằng làm triết gia: Mày chết thì không nói gì, nhưng phải nhìn xuống mà thương cho thằng nhỏ chớ. Hãy cho nó biết mùi đời là gì...

Chiếc xe vẫn còn lăn bánh. Lần này thay vì nhiều lời, người đàn ông ngồi trước tay lái nhấn inh ỏi những hồi còi. Ba thằng Hào hả? Quyền bắt chước giọng nói thằng Hào. Anh hét tướng lên:

– Fuck you. Get out of here. □

VẠN GIẢ

Sóng ngầm

*

Người về bóng nặng hoàng hôn
khua trên vàng đá nỗi dồn dập đau
đôi bờ vực thẳm đào sâu
ái ân thuốc dậy lạnh màu chiếu chăn

Người về đã lỡ mùa trăng
thời gian trùng hội nhọc nhằn qua đêm
dòng đời trôi chảy như êm
âm vang sóng động trước thềm trăm năm

KHÁNH TRƯỜNG

thằng nhược tiểu

*

Hắn lượn qua lượn lại đến lần thứ ba. Vẫn chưa biết làm cách nào bắt chuyện với con nhỏ. Con nhỏ ngồi vắt vẻo trên lan can. Váy ngắn. Đùi to. Ngực nở. Áo thun chật, hai núm vú nhu nhú sau lớp vải. Con nhỏ luôn miệng nhóp nhép kẹo cao su, mắt ngước nhìn chăm vòm lá xanh cách chỗ ngồi một lối đi rộng tráng xi-măng, nơi có hai con chim màu đỏ đốm trắng ríu rít nhảy nhót.

Hắn bước đến cuối hành lang. Suy nghĩ vài giây rồi quyết định quay lại. Một, hai, ba... chân trái sải dài về phía trước... hắn lảo đảo ngã ngồi xuống nền gạch hoa. Cái quẹt ga màu vàng vuột khỏi tay, văng như ném tới cạnh hai ống chân đong đưa của con nhỏ.

"Shit!", hắn văng tục. Chống tay gượng dậy. Con nhỏ quay phắt về phía hắn, đôi mắt mở to, chiếc miệng rộng ngừng nhai.

"Ố ồ..."

Hắn liếc nhìn con nhỏ, mặt nhăn nhó.

"Mầy có sao không?" Con nhỏ hỏi, ân cần.

Hắn kéo hai mép môi tạo một nụ cười:

"Chắc trật mắt cá..."

Con nhỏ nhảy xuống đất:

"Mầy cần tao gọi y tá?"

"Không, cảm ơn, chắc không sao."

"Mầy vừa nói trật mắt cá. Thử bước vài bước..."

Hắn khập khiễng tiến đến gần con nhỏ.

"Tao nghĩ một lát sẽ hết đau."

Miệng con nhỏ hoạt động trở lại. Hắn nghe rõ tiếng nhóp nhép phát ra từ đôi môi mịn. Màn kịch vừa rồi hắn đóng cũng khá. Con nhỏ chẳng tỏ chút xíu nghi ngờ. Hắn chống hai tay lên lan can, đu người ngồi.

"Mày bớt đau chứ?" "Bớt, bớt nhiều, hy vọng không đến nỗi trật mắt cá như tao nghĩ."

Con nhỏ cũng lặp lại động tác giống hắn: chõi tay đu người ngồi lên thành lan can. Mùi thơm từ người con nhỏ toát ra khiến hắn ngây ngất. Hẳn không phải mùi thơm của nước hoa. Tuổi này thường ít khi dùng nước hoa. Vả, trông cung cách, con nhỏ chắc không thuộc típ làm duyên làm dáng. Hắn vẫn thành kiến với bọn con gái chuyên làm duyên làm dáng.

"Mầy đến đây làm gì?" Hắn hỏi.

"Tao vượt đèn đỏ, chờ nộp phạt."

"Sao không vào trỏng sắp hàng?"

"Thằng kép tao lo vụ đó. Tao ghét trò rồng rắn. Còn mày?"

"Say rượu lái xe. Đến ghi danh đi học."

"Chà, rắc rối dữ. Thằng anh tao năm ngoái cũng bị như mày. Tốn hơn hai nghìn đô, còn bị cấm lái sáu tháng."

Chuyện đó hắn đã biết. Bạn bè hắn hết sáu đứa trên mười vướng vào cái nạn thổ tả này. Nhưng mà, màn kịch hắn vừa diễn xuất chẳng phải để đi đến việc luận bàn về vụ rắc rối hay không rắc rối khi bị vồ về tội uống rượu lái xe. Hắn thấy cụt hứng, con nhỏ vừa tự kê khai lý lịch, *thằng kép của tao*... Shit! *Thằng kép của tao* đang rồng rắn bên trong thì còn làm ăn nước mẹ gì nữa. Hắn nhảy xuống đất, quên bẵng chỉ mới mấy phút trước mặt mày nhăn nhó táo bón vì cái chân trật mắt cá.

"Bye!"

"Hết đau rồi à?"

"Hết."

Hắn đáp cộc lốc, xoay nhanh người bước xuống mấy bậc cấp dẫn ra lối đi tráng xi-măng. Trên lùm cây hai con chim đỏ đốm trắng vẫn thản nhiên nhảy nhót. Hắn hơi tiếc. *Thằng kép của tao*... Ừ thì thằng kép của mày, tao có giành dâu? Bộ tao dân "gay" à? Nhưng mà, mình nóng nảy quá. Bọn con gái bây giờ nhiều đứa coi tình yêu như miếng kẹo cao su, nhai cho đỡ buồn miệng, nhạt, nhả ra, nhón miếng khác. Vả, kinh nghiệm cho hắn biết, cứ tán nhanh, tán mạnh, tán vũ bão, lợi dụng địa hình địa vật, bày binh bố trận dâu ra đó,

địch thủ chưa kịp bố phòng đã tối tăm mày mặt, đến lúc tỉnh trí tính toán lời lỗ thì đã *tàn một kiếp huê*! Hắn dừng lại. Quay lui chăng? Không được! Thời cơ qua rồi. Hắn lắc đầu bước nhanh, băng qua khoảng sân rộng, ra đường, đứng lóng ngóng đón bus chỗ trạm chờ. Cả tuần nay, kể từ hôm bị cảnh sát tó m, hắ n phả i sử dụ ng phương tiệ n di chuyể n cô ng cộ ng. Muố n khù ng.

Hắn gặp lại con nhỏ cũng trên cái hành lang cách chỗ hắn giả vờ ngã độ trăm mét.

"Hi!" Con nhỏ lên tiếng.

"Hi!" Hắn đáp lễ, có hơi ngạc nhiên, "Mày trở lại đây làm gì?" "Tao xin học xóa ticket."

"Ô, tuyệt!"

"Cái gì tuyệt?"

"Gặp lại mày, tuyệt!"

"Bữa hổm tao định hỏi mày, làm sao cái chân hết đau nhanh vậy?"

Hắn nháy mắt:

"Mày thông minh có thừa."

Con nhỏ cười hinh hích:

"Tao đoán không sai. Mày diễn xuất khá lắm." "Nhưng kép của mày rồng rắn bên trong, tao cụt hứng, màn kịch hết ý nghĩa."

Con bé níu tay hắn một cách thoải mái:

"Kiên nhẫn là bạn thành công."

"Nhưng tao ghét rắc rối."

"Tao là tao, tao thích cái gì làm cái đó, chẳng ai cấm được."

"Hãy thử thích tao coi."

"Mày đốt giai đoạn quá nhanh."

Hai đứa rẽ qua góc tường, lên lầu. Hắn bỗng giữ con nhỏ dừng lại chỗ chân thang, cúi xuống. Khi hắn rời môi khỏi hai miếng thịt mềm mịn, con nhỏ nói:

"Mày liều quá. Nhỡ tao không đồng ý thì sao?"

"Mày vừa bảo mày thích tao."

Con nhỏ bật cười:

"Tao chưa gặp thằng Á Đông nào bạo như mày."

"Nghĩa là mày đã có kinh nghiệm với bọn Á Đông?"

"Có một thằng, nhưng hắn hiền như cha cố, tao mệt."

Miệng con nhỏ hoạt động trở lại. Hấn nghe rõ tiếng nhóp nhép phát ra từ đôi môi mịn. Màn kịch vừa rồi hấn đóng cũng khá. Con nhỏ chẳng tỏ chút xíu nghi ngờ. Hấn chống hai tay lên lan can, đu người ngồi.

"Mày bớt đau chưa?" "Bớt, bớt nhiều, hy vọng không đến nỗi trật mắt cá như tao nghĩ."

Con nhỏ cũng lặp lại động tác giống hấn: chõi tay đu người ngồi lên thành lan can. Mùi thơm từ người con nhỏ toát ra khiến hấn ngây ngất. Hẳn không phải mùi thơm của nước hoa. Tuổi này thường ít khi dùng nước hoa. Vả, trông cung cách, con nhỏ chắc không thuộc típ làm duyên làm dáng. Hấn vẫn thành kiến với bọn con gái chuyên làm duyên làm dáng.

"Mầy đến đây làm gì?" Hấn hỏi.

"Tao vượt đèn đỏ, chờ nộp phạt."

"Sao không vào trỏng sắp hàng?"

"Thằng kép tao lo vụ đó. Tao ghét trò rồng rắn. Còn mày?"

"Say rượu lái xe. Đến ghi danh đi học."

"Chà, rắc rối dữ. Thằng anh tao năm ngoái cũng bị như mày. Tốn hơn hai nghìn đô, còn bị cấm lái sáu tháng."

Chuyện đó hấn đã biết. Bạn bè hấn hết sáu đứa trên mười vướng vào cái nạn thổ tả này. Nhưng mà, màn kịch hấn vừa diễn xuất chẳng phải để đi đến việc luận bàn về vụ rắc rối hay không rắc rối khi bị vồ về tội uống rượu lái xe. Hấn thấy cụt hứng, con nhỏ vừa tự kê khai lý lịch, *thằng kép của tao*... Shit! *Thằng kép của tao* đang rồng rắn bên trong thì còn làm ăn nước mẹ gì nữa. Hấn nhảy xuống đất, quên bẵng chỉ mới mấy phút trước mặt mày nhăn nhó táo bón vì cái chân trật mắt cá.

"Bye!"

"Hết đau rồi à?"

"Hết."

Hấn dáp cộc lốc, xoay nhanh người bước xuống mấy bậc cấp dẫn ra lối đi tráng xi-măng. Trên lùm cây hai con chim đỏ đốm trắng vẫn thản nhiên nhảy nhót. Hấn hơi tiếc. *Thằng kép của tao*... Ừ thì thằng kép của mày, tao có giành dâu? Bộ tao dân "gay" à? Nhưng mà, mình nóng nảy quá. Bọn con gái bây giờ nhiều đứa coi tình yêu như miếng kẹo cao su, nhai cho đỡ buồn miệng, nhạt, nhả ra, nhón miếng khác. Vả, kinh nghiệm cho hấn biết, cứ tán nhanh, tán mạnh, tán vũ bão, lợi dụng địa hình địa vật, bày binh bố trận dâu ra đó,

địch thủ chưa kịp bố phòng đã tối tăm mày mặt, đến lúc tỉnh trí tính toán lời lỗ thì đã *tàn một kiếp huê*! Hắn dừng lại. Quay lui chăng? Không được! Thời cơ qua rồi. Hắn lắc đầu bước nhanh, băng qua khoảng sân rộng, ra đường, đứng lóng ngóng đón bus chỗ trạm chờ. Cả tuần nay, kể từ hôm bị cảnh sát tó m, hắ n phả i sử dụ ng phương tiệ n di chuyể n cô ng cộ ng. Muố n khù ng.

Hắn gặp lại con nhỏ cũng trên cái hành lang cách chỗ hắn giả vờ ngã độ trăm mét.

"Hi!" Con nhỏ lên tiếng.

"Hi!" Hắn đáp lễ, có hơi ngạc nhiên, "Mày trở lại đây làm gì?" "Tao xin học xóa ticket."

"Ô, tuyệt!"

"Cái gì tuyệt?"

"Gặp lại mày, tuyệt!"

"Bữa hổm tao định hỏi mày, làm sao cái chân hết đau nhanh vậy?"

Hắn nháy mắt:

"Mày thông minh có thừa."

Con nhỏ cười hinh hích:

"Tao đoán không sai. Mày diễn xuất khá lắm." "Nhưng kép của mày rồng rắn bên trong, tao cụt hứng, màn kịch hết ý nghĩa."

Con bé níu tay hắn một cách thoải mái:

"Kiên nhẫn là bạn thành công."

"Nhưng tao ghét rắc rối."

"Tao là tao, tao thích cái gì làm cái đó, chẳng ai cấm được."

"Hãy thử thích tao coi."

"Mày đốt giai đoạn quá nhanh."

Hai đứa rẽ qua góc tường, lên lầu. Hắn bỗng giữ con nhỏ dừng lại chỗ chân thang, cúi xuống. Khi hắn rời môi khỏi hai miếng thịt mềm mịn, con nhỏ nói:

"Mày liều quá. Nhỡ tao không đồng ý thì sao?"

"Mày vừa bảo mày thích tao."

Con nhỏ bật cười:

"Tao chưa gặp thằng Á Đông nào bạo như mày."

"Nghĩa là mày đã có kinh nghiệm với bọn Á Đông?"

"Có một thằng, nhưng hắn hiền như cha cố, tao mệt."

"Mày còn liên lạc với hắn?"

"Không."

"Vậy tốt. Bọn Á Đông ghen tương ẩu tả, tao không thích ăn dao ăn đạn."

"Nghe nói bọn mày khoái xài súng đạn?"

"Nhân dân tao anh hùng thứ thiệt, không thèm xài đạn mã tử như chúng mày trên *movie* đâu."

"Dã man."

"Ai?"

"Bọn mày chứ ai."

Dã man. Con nhỏ nói nghe cũng đúng. Đánh nhau chí chát mấy mươi năm, chưa ngán, còn hằm hè muốn đánh tiếp. Hắn im lặng, chẳng biết phải chống chế cách nào. Hắn chuyển đề tài:

"Mày học một ngày, khỏe. Tao phải sáu tháng, chẳng biết có kham nổi không!"

"Không nổi cũng phải nổi, đâu có giỡn chơi được."

Hắn chia tay con nhỏ chỗ cửa lớp, không quên hẹn gặp lại vào cuối tuần. Con nhỏ gật đầu chẳng dấn do. Hắn cảm thấy vui vui. Coi như đường tình ái của hắn sắp có thêm một nhánh nho nhỏ.

*

Cầu thang hình xoắn ốc, bằng gỗ. Lối kiến trúc cũ kỹ của ngôi nhà khiến con nhỏ lấy làm lạ:

"Cái kiểu nhà này tao chỉ thấy bên Âu Châu."

"Mày đã sang Âu Châu?"

"Đã, năm kia."

"Thuở nhỏ, tao mơ được đến Âu Châu. Chả là dân tộc tao chịu ảnh hưởng nặng nề bọn Pháp, ở học đường, ngoài ngôn ngữ mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ hai là tiếng Pháp. Bọn tao thuộc làu lịch sử Pháp."

"Vậy sao mày không ở bển?"

"Nước mày giàu quá. Không có cái hấp lực nào mãnh liệt bằng tiền bạc. Tao từng khổ vì tiền bạc."

Hắn mở cửa phòng, dìu con nhỏ vào trong. Căn phòng tuy nhỏ nhưng ngăn nắp sạch sẽ. Chiếc giường thước tư trong góc. Đối diện, cái TV hai mươi bốn inches. Bàn viết. Giá sách. Cái cassette. Trên tường, bức tranh tĩnh vật với chiếc chén mẻ và con búp bê bằng nhựa gãy tay. Màu sắc bức tranh âm u,

vuông sáng từ một khuôn cửa nào đó trên cao rọi xuống, chiếu tràn khắp khuôn mặt con búp bê long lanh hai con mắt xanh biếc. Con nhỏ nói:

"Bức tranh trông ghê ghê."

"Tại sao ghê?"

"Tao không biết. Có lẽ tại cánh tay cụt, có lẽ tại hai con mắt, có lẽ tại cái không khí lạnh lẽo... Tao không biết. Bức tranh ai vẽ vậy?"

"Tao."

"Á à! Mày biết vẽ?"

"Nếu không ham muốn quá nhiều thứ, tao đã trở thành họa sĩ. Mầy chẳng thể cùng một lúc đam mê hai ba thứ. Cái này sẽ giết chết cái kia."

"Hiện tại, cái gì làm mày mê nhất?"

Hắn quàng tay qua vai con nhỏ:

"Mày."

"Cũng được, cứ cho là như vậy, dù biết mày đang nói dối."

Con nhỏ ở lại với hắn từ trưa đến tối mịt. Làm tình. Coi movie. Nói chuyện tầm phào. Coi movie. Làm tình. Nói chuyện... Nửa đêm, con nhỏ than đói, hắn đưa con nhỏ đi ăn. Trong lúc lái xe không hiểu tại sao hắn bỗng nhớ đến những ngày còn trong quân đội, những ngày bên tai hắn chỉ cụ thể một mệnh lệnh duy nhất: chiến đấu, chiến đấu và chiến đấu. Hắn bật cười, ừ thì bây giờ cũng chiến đấu vậy, có điều, trên... giường!

"Mày cười gì thế?"

"Tao đang... chiến đấu."

"Gì?"

"Chiến đấu!"

"Mày có khùng không?"

*

Thằng con trai mặt mày non choẹt. Tóc vàng au, mắt xanh biếc.

"Con Kathie của tao, mày biết chứ?"

"Không. Lần đầu tiên tao gặp mày. Làm sao tao biết được?"

"Con Kathie của tao."

"Tao cũng có thể nói một câu tương tự, mày nghĩ sao? Phải để chính Kathie nói câu này. Mày hay tao đâu có quyền."

Thằng con trai gầm lên:

"Của tao."

Hấn bước lùi một bước. Sắp rắc rối to. Hấn liếc nhanh chung quanh. Khúc đường này vắng, cảnh sát ít khi lai vãng. Hấn nhìn thằng con trai. Ước lượng sức lực và cảm thấy tự tin. Bọn này chỉ được cái to xác chứ ứng biến thì chậm chạp vụng về. Hấn đã qua năm năm quân đội, thuộc nằm lòng mấy thế cận chiến, hấn tin chỉ hai chiêu cũng đủ hạ thằng con trai.

"Cấm mày không được liên lạc với Kathie nữa?"

"Để tao hỏi Kathie."

"Fuck you."

Thằng con trai lao tới. Hấn lạng người, quét chân ngang. Thằng con trai ngã sóng soài trên vỉa hè. Vừa lồm cồm bò dậy, đã bị thêm một gót chân vào ngực, bật ngửa.

"Bây giờ của tao hay của mày?"

Hấn cười khinh khỉnh, hỏi. Thằng con trai gượng đứng dậy, không trả lời, quay người bước vào parking tiệm liquor phía trước, lên xe vọt nhanh.

Hấn đút hai tay túi quần lững thững trở về căn phòng trọ cách đó không xa. Lát nữa Kathie đến phải kể cho con nhỏ nghe về chiến công vừa rồi, chắc con nhỏ sẽ hát véo von, "Mày ngon lành."

*

Nhưng con nhỏ không hát như hấn tưởng.

"Tại sao mày đánh thằng Danson?" Con nhỏ gay gắt.

"Nó sinh chuyện trước."

"Tao không thích đánh nhau." Con nhỏ càng gay gắt hơn.

Hấn cảm thấy bị xúc phạm:

"Tao cũng không thích đánh nhau."

"Vậy tại sao mày đánh thằng Danson?"

"Tao tự vệ."

"Tao không tin. Mày dã man. Bọn mày dã man. Chỉ thích đánh nhau. Thằng Danson hiền, làm sao nó dám đánh mày?"

"Nó ghen."

"OK, nó ghen, nhưng tao không tin nó đánh mày.... Thôi, có lẽ tao với mày không hợp."

"..." "Bọn Á Châu chúng mày hiếu chiến. Nhỡ tao yêu mày thật, muốn lấy mày làm chồng, một hôm nào đó mày đè tao ra tẩm quất, tao phải làm sao? Thôi, chia tay cho đỡ phiền hà."

"Ừ, thì chia tay, nếu mày muốn."

Hắn tự ái, nói cứng, dù trong bụng đã nhoi nhói buồn. Dù sao, quan hệ giữa hắn với con nhỏ cũng đang tốt đẹp. Hắn nhìn con nhỏ, hắn nhìn bức tranh tĩnh vật trên tường, hắn nhìn chiếc giường rộng, hắn nhớ mùi da thịt con nhỏ oi oi nồng nàn... và hắn muốn xuống nước.

"Thôi được, để mai mốt tao sẽ xin lỗi thằng Danson."'

*

Bằng đi nhiều ngày, dễ chừng có đến cả tháng, hắn không gặp con nhỏ. Cho đến hôm tình cờ hắn gặp hai đứa – con nhỏ và thằng Danson – trước cửa một rạp chiếu bóng, thì hắn biết, như thế, hắn đã vĩnh viễn mất con nhỏ.

"Hi!" Con nhỏ đưa cao tay, vẫy chào.

"Hi!" Hắn trả lời.

"Mày khỏe không?" Con nhỏ hỏi, tay quàng trong tay thằng Danson.

"Chẳng khỏe lắm. Từ hôm mày không đến nữa, tao bệnh."

"Mày lại nói dối. Trông mày vẫn tốt tươi..."

"Tao không nói dối, tao bị nội thương, ở đây."

Hắn đưa tay chỉ vào chỗ trái tim. Thằng Danson nói:

"Tao với mày, phải có một đứa bị nội thương."

"Mày nói đúng... Tao xin lỗi cái vụ hôm nọ."

"Chẳng có chi. Tao phải cảm ơn mày. Không có cái chuyện đó, tao sẽ mất Kathie." Hai đứa chào hắn bước vào rạp. Hắn quay ra parking lấy xe. Dự định coi phim đành hủy bỏ. Hắn lái xe ra đường, chạy vòng vòng bất định. "Bọn Á Châu chúng mày hiếu chiến". Hắn đâu có muốn, chẳng bao giờ hắn muốn đánh đấm. Hắn chỉ tự vệ. Nhưng mà, tự vệ cũng là một cái tội, hắn mất con nhỏ vì tội tự vệ. Cách nào thì bọn nhược tiểu cũng phải thua! Vẫn không hiểu sao hắn lại nhớ đến cái tin vừa đọc sáng nay trên báo: tổng thống Mỹ tiếp tục duy trì lệnh cấm vận. Bọn nhược tiểu không có quyền thắng. Mày thắng, cũng chết, mày thua, càng chết thảm hơn!

"Shit!" Hắn vọt miệng chửi thề, nhấn chân ga. Chiếc xe chồm lên, lao qua đèn vàng, bốn bánh rít trên mặt đường. Nhiều tiếng còi inh ỏi chung quanh. "Shit!", không khéo lại thua nữa bây giờ. Hắn thở dài giảm tốc độ, và nhớ ra hắn vẫn còn trong thời gian cấm di chuyển bằng xe hơi. Bất giác hắn liếc nhìn kiếng chiếu hậu, hy vọng không có ngọn đèn đỏ quay tít phía sau! □

NGU YÊN

ngày ? tháng ? năm 91

*

Xưa
Em cười nụ tuyệt vời
Yêu em anh tặng một đời riêng tư
Bây giờ xé nửa đời người
Môi em lạnh toát những lời vô tâm

Em cười. Lưỡi giấu dao lam
Em hiền giấu mấy mươi năm vợ chồng
Đêm nay dao cắt nát lòng
Máu me đáng mấy ngàn đồng
Tình ơi!
Tình ơi, đáng mấy ngàn đồng thôi sao!

LƯU HY LẠC

chờ người

*

Đợi người về đứng lần khân
Nắm tro vốc đổ xuống ân nghĩa, mù
Vơi, đầy sông dúm xương thù
Nghe khô khốc, gió dọng tù đáy khe

Nhốt riêng, nguyên dải nắng the
Hương thời cố quận lộng che bãi ghềnh
Đêm, quê nghe đất run nền
Khan hơi, hằng tiếng dội rền gót, son

Dang tay ôm ngọn sơn còn
Buông câu gầy ngạnh lên hòn non, xanh
Ngửa trông hớp ngụm chiều, tanh
Dậy mùa cổ tích ngợ quanh quẩn, người.

TRẦN VŨ

dòng sông ai lãng quên?

*

Nhà văn Mai Thảo, có lần bàn về Bùi Giáng, nhận xét: *Ở thơ Bùi Giáng không có đơn vị bài*! Mai Thảo, như ông thường nói về mình: *Cả đời ở với thơ*. Bằng nhậy bén, với một câu văn, muốn nắm bắt trọn cái hay trong thơ Bùi Giáng. Cái hay không ở tổng thể bài thơ, mà ở từng dòng, từng câu, từng chữ, trên mỗi âm điệu lục bát. Có lẽ, hiếm có người nào nhớ rõ, nhớ hết, từng bài thơ cách biệt của Bùi Giáng. Không nhớ, nhưng hễ đọc hai câu sáu, tám thì biết ngay thơ Bùi Giáng. Bùi Giáng tạo được cho mình một *hơi thở thơ*. Ở thế giới truyện Hồ Đình Nghiêm cũng có sự trùng hợp ngẫu nhiên kỳ lạ y như vậy. Tôi muốn mượn ý Mai Thảo để nói: Ở văn xuôi Hồ Đình Nghiêm không có đơn vị truyện. Từ truyện ngắn này sang truyện ngắn khác, nhân vật có thể trộn lẫn vào nhau, hoặc bước từ bối cảnh này qua bối cảnh khác, mà vẫn giữ được hơi văn, ý tưởng cùng một cách miêu tả. Cái hay trong truyện ngắn Hồ Đình Nghiêm không nằm ở cốt truyện, dàn bài, kết cấu, diễn tiến, mà roi roi trên từng dòng chữ. Roi roi chất Huế ẩn nấp. Roi roi lối tục mạch kín đáo. Roi roi cả nỗi chán chường bực bội. Bàng bạc trong sáng tác Hồ Đình Nghiêm chỉ có một vài điểm chính, một chủ đề, một cách viết: Diễn tả tâm trạng của chính mình cùng thế hệ đồng trang lứa. Khung cảnh quê hương những năm khắc nghiệt nhất, và ngoài đất nước, những năm tháng lạc lõng vô bờ. Hồ Đình Nghiêm còn là một người viết chung thủy. Chung thủy với bút pháp, với

tính *bản thiện*, và với cả góc độ nhìn bi quan. *Tờ Mộng Rách Rời* là tập truyện thứ hai của anh, tiếp nối sau *Nguyệt Thực*, trong cùng chiều hướng đó.

Nhưng nhắc đến Hồ Đình Nghiêm, nhiều người vội vã so sánh: *Chưa đủ chất Huế*! Sự so sánh không tránh được, khởi nguồn từ gốc gác của tác giả, nơi đã sản sinh nhiều ngòi bút nặng chất thần kinh. Quả tình Hồ Đình Nghiêm không thoăn thoắt nhậm lẹ, không chua cay xót ruột giống Túy Hồng. Ít dắng, ít lãng mạn như Nhã Ca. Chưa *tinh mịch*, chưa chín muồi, chưa ngậm ngùi giống Võ Đình. Hơi thở trong sáng tác Hồ Đình Nghiêm chưa nặng *mùi* Huế! Nhưng phê phán nhẫn tâm như vậy, là chưa hiểu gì về Huế. Huế bí ẩn, có nhiều cách sống. Huế *lỡ có mang rồi mần răng anh?* như Phan Nhật Nam ghi lại trong *Dựa Lưng Nỗi Chết*. Huế *trong nhà chưa rõ, ngoài ngõ đã hay* của Nhã Ca, Huế *ta bây chừ nẩy nòi đĩ điếm* (1) của Xuân Đài. Huế ồn ào, dữ dội, tục tằn, yêu chết thôi, không có chỗ đứng trong tác phẩm Hồ Đình Nghiêm, Huế ở từng gốc lý, cẩn, thạch lựu ngào ngạt bãng lãng trong tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông*, hay Huế suy gẫm về thân phận cố đô của chính mình trong bút ký *Ngôi sao trên đỉnh Phú Văn Lâu* của Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng hoàn toàn xa lạ với Huế cũng Hồ Đình Nghiêm. Có thể nói, Hồ Đình Nghiêm tách ra khỏi những khuôn mặt văn chương đã hiện hữu của Huế, dù ở một khía cạnh nào đó rất gần với Xuân Đài trong tích cách khổ và hậm hực. Xuân Đài, tác giả truyện ngắn *Ba người trong hẻm Đuôi Voi* bực bõ cho thân phận Huế, ta thán: *Tổ cha cuộc đời vô hậu*. Câu văn ấy, cũng giống câu văn mỉa mai của Hồ Đình Nghiêm khi cho nhân vật lão Phúc thẩm định giá trị của một người thiếu chất xám: *Được rứa là sướng nhất hạng đó mi*! (Cổ tích). Song sự so sánh, là một thái độ gượng ép trong văn học, nói như Mai Thảo: *Không có cái bóng nào phủ trùm lên cái bóng nào, không có bàn tay nào che hết mặt trời. Mọi người không ai hoàn toàn tự do* (2). Trở lại với cái mùi Huế – cái mùi đã ám ảnh không biết bao nhiêu người viết văn sinh ra và lớn lên trong vùng đồng bằng Phú Vang, Phú Lộc – nếu chất Huế nằm trong các thổ ngữ "mô tê răng ri rứa", thì những câu văn chứa thổ âm: *Ngỉ đò không anh Hai? Đò mô đây mà hỏi? Xa xôi chi, phía dưới sông a tề. Đi hỉ*? (Niệm tình tha thứ), những đoạn văn đối thoại địa phương tính đó nếu đem đong bằng đấu, như đấu gạo, thì sẽ không nhiều, không làm thành sức nặng chính tạo thành chất Huế trong sáng tác Hồ Đình Nghiêm. Theo tôi, cái *mùi* Huế nằm ở những đoạn tả cảnh ngắn ngủi, ở cách dùng chữ quặn lòng, mà chỉ đôi dòng, một

đoạn, một hoáng bất ngờ như miểng chai quá khứ chưa tiêu hóa, đột ngột cắt vào ruột ứa máu. Trong *Tờ Mộng Rách Rồi* có những đoạn đẹp xót lòng như vậy:

Hoặc mạ đang mặc vào người chiếc áo dài xỉn đen loay hoay thầm lặng cúng kiếng lạy lục? Ở Huế đêm còn đầy sương? Có còn những cơn mưa Xuân rơi dịu dàng để hôn lên nền đất nồng nàn một mùi thơm dễ chịu? Màu trắng nhờ nhờ của những chùm hoa sứ nở trong canh khuya. Mấy con mắt đỏ lập lòe trên đầu những cây hương cắm đầy ngõ ngách thành nội. Tôi như hồn ma thẫn thờ nhớ. Chỉ một đoạn văn ngắn, Hồ Đình Nghiêm đã tả được khung cảnh Huế, những đêm mưa ướt át trĩu chịch, văng vẳng khói hương u ám bao vách tường cũ kỹ mà sự sống tưởng chừng chỉ còn thu lại ở đốm đỏ leo lét nơi đầu que nhang. Cả đoạn văn chỉ có một chữ "mạ" là thổ âm, nhưng chất Huế đầy đặc trên những chữ đen xỉn, lập lòe, ngõ ngách, hình tượng ở cảnh cúng kiếng lạy lục, ở màu sứ trắng nhờ nhờ, ở những lòng đường tối tăm tội nghiệp.

Cái *mùi* Huế trong tác phẩm Hồ Đình Nghiêm, tôi muốn ví với hương thơm đặc biệt của dòng sông Hương. Một thứ hương thơm không ngửi thấy, dù vẫn hiện diện rõ rệt trong trí não. Đừng lấy làm lạ khi về Huế, ra đứng ở bờ sông, không bắt được hương thơm trên khói sóng của Hương giang. Đừng vội vã phê phán chất Huế chưa đủ *mùi* trong tác phẩm Hồ Đình Nghiêm.

*

Trước đây, ở miền Nam, nhắc về văn chương Huế, người đọc thường nghĩ ngay tới giọng văn chanh chua sướt rượt của Nhã Ca, Túy Hồng, lắm lúc bẳn gắt, khi thì đằm đẵm, lãng mạn. Thật ra Nhã Ca lẫn Túy Hồng là trường hợp cá biệt, lạ lẫm. Người Huế thông thường kín đáo, kín từ trong văn chương kín ra ngoài. Như đã viết về chất Huế lẩn lút, về *mùi* Huế khi ẩn khi hiện, giấu mặt trong sáng tác Hồ Đình Nghiêm, đại đa số những người viết văn gốc Huế không thường hay phô trương ngôn ngữ xứ mình. Hoàng Phủ Ngọc Tường là một. Gạt qua những thiên kiến chính trị, bỏ qua những đoạn tuyên truyền, còn lại trong bút ký *Ai đã đặt tên cho dòng sông* là những đoạn trầm tư tuyệt đẹp. Vào đầu tập ký, Hoàng Phủ Ngọc Tường chép:

Xuân hạ thu đông tôi vẫn thường lên thăm vườn An Hiên của chị Tùng ở Kim Long. Khu vườn xưa cổ sầm uất, mùa nào cũng có những loài hoa đang nở, những trái cây đang chín, nhưng luôn luôn tỏa sáng một thần thái yên tĩnh và khoáng đạt, giống như sự tự do nội tâm. Ngày xưa Nguyễn Du đã sống rất

lâu ở vùng này, và bây giờ trước sân nhà chị Tùng vẫn tỏa bóng một cây hồng cổ, giống hồng Tiên Điền nổi tiếng mà chính cụ Nghè Mai, cháu nội cụ Nguyễn Du đã tặng cho gia đình chị. Mùa Thu tôi ngồi đọc Kiều dưới mái rêu phong của chiếc cổng vòm quay mặt ra sông, ăn những trái hồng ngọt và thanh đến độ tưởng như mỗi miếng vừa gặm vào nửa chừng đã tan thành dư vang của một tiếng chim. Tôi đọc sách trong trạng thái vừa thích thú vừa lơ đãng, miên man trong vẻ đẹp của dòng sông đang đổi sắc không ngừng dưới ánh nắng và trong mùi hương trốn tìm của hoa trái trong vườn. Chính trong những giờ phút bồng bềnh giữa cõi thực và cõi thơ ấy, tôi đã cảm nhận ra cái âm hưởng sâu thẳm của Huế trên mỗi trang truyện Kiều: dòng sông đầy nước in trời và những nội cỏ thơm, nắng vàng khói biếc, nỗi u hoài của dương liễu và sắc đẹp nồng nàn của hoa trà mi, những mùa thu quan san, những vầng trăng thắm thiết... Một trăm năm mươi năm (rồi nữa ba trăm năm sau), nhà thơ đã qua đời, mà vẫn trời ấy, vẫn đất ấy, cỏ hoa vẫn y nguyên quanh chỗ tôi ngồi...

Đoạn văn đẹp không ngờ. Sắc đẹp không chỉ ở giọng văn bâng lâng, mà còn đẹp ở trạng thái trầm tĩnh trong sâu thẳm an nhiên. Trong nét suy tư ẩn kín, trong nỗi mặc niệm quay về quá khứ, Hoàng Phủ Ngọc Tường luôn viết về Huế, nhưng không còn là chất Huế xốc nổi, hùng hổ, gào thét của thập niên sáu mươi, hiếm ai ngờ sau dông bão, sau lầm lẫn, trước trách nhiệm nặng nề với cố đô, tác giả vẫn giữ được sự thanh thản trong tâm hồn để lặng lẽ, nhưng đầy say mê, ghi lại nhịp chảy uốn khúc mềm mại của Hương giang. Không tìm kiếm giải thích, với riêng tôi, đó không chỉ là vô thức, mà chính là bản sắc trầm tư miệt mài muôn đời của Huế, đã ăn sâu vào lòng người viết, như cánh sen già bất động phơi thân trên mặt nước, soi bóng rêu phủ uốn cong từ mái hoàng thành. Như gốc đại già ngả nghiêng ven trường Quốc Học, như màu xanh thẳm của những rặng bạch đàn, Huế luôn luôn tách khỏi thực tại thời gian để dịch lùi vào quá khứ. Ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường là ký ghi lại tâm cảm thời gian, không phải là ký hiện thực. Nhịp chảy của sông Hương cũng là nhịp chảy của quá khứ.

Nguyễn Tuân, tháng 4 năm 86, trong một bài phỏng vấn cuối cùng đăng trên tạp chí *Sông Hương*, có nhắc lại những kỷ niệm của mình với Huế. Nhưng cái nhớ của Nguyễn Tuân nếu sắc sảo, đượm đà, thì của chỉ xoay quanh cốc rượu Tây uống ở khách sạn Morin, dùi trống chầu mê hoặc từ cườm tay cô đào nhất ở rạp Bà Tuần, đêm đàn hát trên sông Hương... hình như là nỗi nhớ

chung chung, thử kỷ niệm rập khuôn của tất cả mọi người ở xa về Huế. Nguyễn Tuân đã sống rất lâu trên những khoang đò chật, trôi dập dình năm tháng trên sông, từ trong lòng đò viết những truyện ngắn cho *Vang Bóng Một Thời* (3). Nhưng có lẽ phải sinh ra ở Huế như Hoàng Phủ Ngọc Tường thì mới tả được mầu khói lãng đãng trên sông Hương. Ở trang 16 của tập ký, tác giả buông bút vẽ lại một nét chấm phá diễm ảo đến lạ lùng:

Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem áo ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vân thưa, màu xanh tràm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đấy cũng chính là màu sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...

Có thể nói, Hoàng Phủ Ngọc Tường và Hồ Đình Nghiêm là hai khuôn mặt tương phản, khác biệt của Huế. Một mang phong thái khoáng đạt, chậm rãi, một quay quắt, dày vò, bứt rứt. Ở khía cạnh nào đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường trốn vào trong quá khứ, để chỉ nhìn ngắm sắc đẹp của Huế xưa mà quay lưng trước thực tại của Huế tang thương hôm nay. Khác với Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hồ Đình Nghiêm mang nặng dấu ấn tàn nhẫn của một trang sử lật vội, còn in hằn, rõ nét, vệt lở ở thảm kịch đất nước. Trong *Tờ Mộng Rách Rời*, nếu bàng bạc chỉ là những bi kịch, mất mát. Mất mát từ điếu thuốc Cẩm Lệ nhăn nhúm, từ những con thuyền vượt biên không thành, thì trong bút ký *Ai đã đặt tên cho dòng sông* dầy ắp kiêu hãnh lịch sử. Chiến công của Chi Ma trong trận giặc chống bành trướng năm 79, chiến công ở từng gốc hồi đất nước, ở rừng tùng có đôi chim phượng óng ả vỗ cánh bay mỗi chiều mây về trong núi... Tài hoa, song lấy chiến thắng để che đậy thương đau, ít nhiều là một lối viết kịch tính. Những dòng chữ đẹp nhất, do đó vẫn là những dòng chữ Hoàng Phủ Ngọc Tường dành cho Huế xưa, như góc thành Châu Hóa cũ kỹ bấy lâu chôn vùi dưới lòng sông Kinh Dao, một sáng được đào lên, từng viên đá hộc nặng dần tay, mang màu tím thẫm gan gà của quá khứ. Ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường là ký ghi lại màu sắc của quá khứ. Những sắc màu đẹp não nùng.

Đã nhắc về Huế đau thương trong sáng tác Hồ Đình Nghiêm, đã nhắc đến trạng thái chập chờn của Huế cổ xưa trong ký Hoàng Phủ Ngọc Tường, không thể không nhắc đến những băn khoăn, thao thức của Huế một thời sống động, quẫy mình, bùng vỡ khát khao. Đó là Huế nhìn từ mọi góc độ xã hội thập niên sáu mươi trong tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác. Đến Nguyễn Mộng Giác chúng ta bắt gặp lại cái tinh thần "giấu giếm" thổ âm trong văn chương xứ Huế. 1847 trang của trường thiên *Mùa Biển Động* là 1847 trang giọng văn chuẩn. So với Nghệ Tĩnh, một miền sát nách liền vai, thì quả là Huế kém may mắn trong việc phô diễn thổ âm xứ mình. Người Nghệ cách Huế có bao xa, mà đi đâu, ở đâu, cũng hô hoán kêu réo "Đi mô cũng nhớ về Hà Tĩnh!" Gần đây trong nước có Nguyễn Hữu Đàn chuyên viết về Nghệ Tĩnh. Ở mỗi truyện ngắn của anh, cơ man những đoạn: *Eng dắt em với, khỏi lạc mất! Gớm rành ngài là ngài! Ngài nhiều ra ri, lấy chi ăn cho xuể, eng hè? Cha mẹ ơi! Xe cộ ngài ngợn đi bát nháo loạn xạ như rứa mà không lúc chắc hè*? Những câu: *Ngài xa mô nỏ chộ*!; những chữ: *roạt, kháp, choa, chiếc, toọc, nở, tê tề*... (4) nhiều không kể xiết. Người Nghệ như thế hãnh diện và thích khoe khoang chữ nghĩa. Bình dị, giản dị, rụt rè như Võ Phiến mà cũng thích khoe khóe mắt đa tình của người Phú Yên, Bình Định! Hình như bản tính địa phương đã trở thành một tôn giáo trong văn chương Việt Nam. Trong lời tựa cho *Ngựa nản chân bon* cũng Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến dông dài về một chữ "thàng", xem đó là cái "thần" chính yếu của người Bình Định. Có thể vì gốc gác Bình Định mà Nguyễn Mộng Giác "tẩy chay" thổ âm xứ Huế? Tôi ngờ lắm, ai lại "tẩy chay" một ngôn ngữ truyền cảm, mà ở mỗi lời nói, âm điệu tình cảm cứ quấn quýt đeo dính lấy bên mình? Nhất là một người đã sống lâu năm, trải qua những quãng đời đẹp nhất, rồi lấy vợ Huế như Nguyễn Mộng Giác. Giải thích "chọn lựa giọng chuẩn để khỏi làm loãng không khí của tiểu thuyết" như Nguyễn Mộng Giác đã bào chữa trên *Văn Học* số 39, tháng 4-89 chỉ hợp lý trên phương diện kỹ thuật. Ngày xưa viết *Xóm Cầu Mới*, văn hào Nhất Linh có thay giọng bao giờ? Lê Xuyên, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam có ai sợ "loãng không khí" trong tác phẩm mình? Chẳng qua Nguyễn Mộng Giác đã nhiễm chất kín đáo của Huế. Yêu tiếng nói, hãnh diện về ngôn ngữ, người Huế chỉ yêu, chỉ hãnh diện trong nhà, rời phố xá, qua một vùng khác, dân Huế bao giờ cũng rán tập nói giọng chuẩn để đừng bị chú ý. Kín đáo, thâm trầm và dè dặt là bản chất Huế. Nhưng viết như vậy không có nghĩa là người

Huế chê xứ sở. Đi đâu, ở đâu, sống nơi nào người Huế cũng chỉ chăm chăm lo viết về cố đô, về sông Hương núi Ngự. Chẳng thế mà Nguyễn Mộng Giác, sinh quán Bình Định, chỉ dan díu một thời với Huế, đã tham vọng ghi lại biến chuyển tâm trạng của một thế hệ thanh niên, khởi đi từ cái nôi biến động là Huế.

Phân tích *Mùa Biển Động*, giới phê bình chau chau xoáy vào "tính sử", như Nam Chi khi điểm sách trên tờ *Đoàn Kết* tháng 4-90, không ngớt lập đi lập lại: *Vì cơn bão lịch sử đã thổi tạt họ vào một đám cháy*. Nguyễn Hưng Quốc hệ thống hơn, đi từ cái nền đến khi ly tâm tan tác, cuối cùng kết luận: *Lịch sử tinh thần của một thế hệ trưởng thành sau năm 63* (5). Lịch sử? Tất nhiên, nhưng những đoạn băn khoăn nhất, trăn trở, thao thức nhất, là những đoạn diễn ra ở Huế. Trong xưởng vẽ của người sinh viên mỹ thuật cạnh vườn chuối, người đọc khó quên sắc trời màu ngọc bích của Huế, cũng khó quên những giọt mồ hôi Huế nóng bỏng lấm tấm thấm qua lưng áo cô Diễm. Nguyễn Mộng Giác không viết về phong tục, ít viết về đền đài lăng tẩm Huế, Huế trong tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác là sức sống của cả một xã hội, những tâm tình đo đó là những tâm tình sống động.

*

Chất Huế, *mùi* Huế, hương Huế, sắc Huế trong lòng người viết, ở trong nước bao nhiêu trầm tư ẩn khuất, buồn man mác như ở ký Hoàng Phủ Ngọc Tường, rời Huế, xa Huế thì chua xót đắng lòng, bực bõ như ở truyện ngắn Hồ Đình Nghiêm, hay tràn đầy trăn trở thao thức như Nguyễn Mộng Giác vội vã ghi chép sợ sau này không nhớ hết. Nhưng đối với những người đã xa Huế bạt ngàn, vĩnh viễn, mù tăm con mắt, chất Huế, hương Huế, mùi đó, hương đó có tan loãng theo khói trời ở nơi đây? Truyện ngắn *Chiếc vòng* của Võ Đình đăng lần đầu trong tập *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*, sau này trong *Tuyển tập thơ văn 90 tác giả Việt Nam hải ngoại 75-81*, rồi "tục bản" hai lần trong *Xứ Sấm Sét* là một câu trả lời khủng khiếp. Cả bốn lần, mỗi lần *Chiếc vòng* tái xuất hiện tôi đều đọc lại với tất cả sợ hãi của một tâm trạng đi tìm tiềm thức. Cái *mùi* Huế, cái mùi nửa đêm ngào ngạt tỏa hương thơm từ trong sân một ngôi nhà vườn âm u trĩu cành lá, chất Huế, cái chất chảy chậm chạp theo điệu chảy của sông Hương khi qua Cồn Hến đánh khúc quanh mềm như ống tay áo của người con gái hãy còn tân, lâu ngày chất mùi đó bám vào từng kẽ tóc, nhiễm vào trong máu, đến khi mình rời xa, trở

thành biến chứng sinh bệnh. Huế bàng bạc hầu hết trong sáng tác của Võ Đình, từ *Một món Tết thật mặn mà* đến *Một món Tết cho chín*, Huế giống như truyện tình nhân ngãi, yêu da diết, vắt ruột vắt gan, lúc phụ nhau rồi thì đâm quay quắt, gào nhớ đến độ muốn đem "thư" cho chết để tình yêu bất diệt. *Chiếc vòng* là một lối "thư" của Huế, dành cho những người phụ rẫy bỏ cố đô mà đi. Miếng da trâu trong lối "thư" của người thượng, dưới ngòi bút Võ Đình trở thành chiếc vòng oan nghiệt đeo dai dẳng gắn cứng lấy đầu những kẻ xa Huế. Ám ảnh! Không còn chữ nào đúng hơn nữa. Ám ảnh từ chi tiết nhỏ nhặt nhất, không ngờ nhất mà cũng kinh khủng nhất. Võ Đình thuật lại kinh nghiệm của mình, lúc tìm lại Huế, sau ngót một phần tư thế kỷ cách mặt đầy rụng rời:

Chúng tôi vượt qua cầu Trường Tiền, qua đường Trần Hưng Đạo (nay không còn hai hàng phượng vĩ nữa), về cửa Thượng Tứ. Cửa thành đã mất thượng lầu trong vụ Mậu Thân, và người ta đã xây thế vào một thứ lô-cốt tròn, ngắn, một cái pháo đài thấp lè tè. Cửa thành cổ kính, rêu phong loang lổ, sừng sững trong nắng trưa như một người phong hủi đầy mình; đầu đã bị chặt đứt, chỉ còn cái cổ ngắn trên hai vai ngang. Xúc động, tôi vội cúi xuống. Và tôi dừng lặng người. Dưới cạnh chân tôi là một vũng nước nhỏ (sáng ấy có mưa), đường kính không quá hai ba gang tay. Mặt nước phản chiếu một tí trời, một tí mây. Nhưng vũng nước ấy cũng là vũng nước tôi đã nhìn xuống bao nhiêu lần trên hai mươi năm về trước mỗi khi đi dọc ngang qua đấy. Góc đường quen thuộc ấy, lề đường lở lói, gốc cây cần cỗi ấy. Tôi đã đi xa một phần tư thế kỷ mới về, mà vũng nước nhỏ bé ấy vẫn còn nằm nguyên đó, không bốc hơi biến mất, không xê dịch, không lớn hơn hay nhỏ hơn. Lý trí đối với tôi lúc ấy hoàn toàn vô giá trị: vũng nước ấy chính là vũng nước của tháng ngày xa xưa, và tôi lại nhìn thấy nó! Nó không thay đổi, mà tôi cũng không đổi thay. Tôi nhìn vũng nước nhỏ bên lề đường, rưng rưng nước mắt. Bao nhiêu vật đổi sao dời, mà hôm đó vũng nước vẫn bùn và tôi nhìn nhau như thể chưa bao giờ xa nhau, như trìu mến, như thân thương...

Trong *Chiếc vòng* còn nhiều chi tiết nữa, mà mỗi một chi tiết là một chiếc vẩy của Huế mọc trên da thịt tác giả. Huế của Võ Đình như chiều thứ ba sâu hun hút của câu chuyện tâm linh, bước vào là bất tận.

Trong lịch sử đô thị cổ Việt Nam, có lẽ chưa có đô thị nào khép kín, sống ngầm và đầy màu sắc khác lạ như Huế. Lạ lùng nên giọng văn Huế cũng mang

đầy tính chất ngấm ngầm mà thu hút huyễn hoặc đó. Đã say mê tiểu thuyết, có lẽ không mấy ai cưỡng chống lại được sức mời gọi mẫn cảm của giọng văn Huế, từ cái giọng trọ trẹ khi đay nghiến thì cực nặng nề, đem mía mai thì như trái me tươi vừa chua vừa đắng, nhưng dùng tỏ tình thì ngọt như bát chè Huế, còn đem tâm sự mới hay ròn như cau chín bổ đôi thơm ngai ngái, chia đôi mỗi người một nửa, cay mà đã. Tôi không phải người Huế, mà sao yêu lắm văn chương xứ Huế. □

Chú thích:

(1) Ba người trong hẻm Đuôi Voi, Xuân Đài, Trăm hoa vẫn nở trên quê hương.

(2) Tửu đàm với Mai Thảo, Khánh Trường, Hợp Lưu số 1.

(3) Nguyễn Tuân với Huế, Ngọc Trai, Sông Hương số 18, tháng 4-86.

(4) Tiếng Nghệ Tĩnh, Nguyễn Hữu Đàn, VNQĐ, tháng 12-90.

(5) Trải bốn phần năm Mùa Biển Động nhìn lại..., Nguyễn Hưng Quốc, Văn Học số 37, tháng 2-89.

Bác Sĩ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI
● bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
● bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở
NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM
giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: **(714) 641-0263**
Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

ghi nhận đó đây
*

Tranh luận chung quanh trường hợp Dương Thu Hương

Hiếm có trường hợp một người cầm bút Việt Nam tạo được những cuộc tranh luận sôi nổi và kéo dài như Dương Thu Hương. Từ một nhà văn "nề nếp" lớp trẻ tham dự và trưởng thành trong cuộc chiến tranh gọi là "chống Mỹ cứu nước", bắt đầu từ cuốn truyện dài *Bên kia bờ ảo vọng*, Dương Thu Hương được chú ý như một tiếng nói mới, trung thực hơn, ít "phải đạo" hơn. *Những thiên đường mù* tạo thêm uy tín văn chương của bà, ra đời đúng vào giai đoạn khối cộng sản chuyển mình và bắt đầu tan rã. Nhưng bà trở thành một đề tài thời sự bằng những bài tham luận chính trị nhiều hơn tác phẩm. Giỏi lý luận, dám nói những điều các bạn văn trong nước chưa dám nói, Dương Thu Hương mau chóng được xem như một thứ Sakharov của Việt Nam. Chính quyền vội vã tìm cách ngăn chặn bớt ảnh hưởng của bà, cuộc sống hối hả vì cơm áo khiến quần chúng lơ là phần nào với những tiếng nói mới, thì ở hải ngoại, Dương Thu Hương lại được quan tâm mỗi ngày một nhiều. Khởi đầu là những nhóm trí thức văn nghệ sĩ Âu châu vốn có cảm tình với chính thể Hà Nội nay vỡ mộng, xem Dương Thu Hương là biểu tượng sự liêm khiết trí thức, một thứ dấu nối giải thích sự biến chuyển đau đớn trong chính tâm tư họ. Khác hoàn cảnh, lập trường chính trị nhưng hy vọng trí thức văn nghệ sĩ trong nước sẽ châm ngòi cho một chính biến dân chủ hóa Việt Nam như đã xảy ra ở Đông Âu, nhiều nhóm chính trị và văn hóa phe quốc gia cũng vào cuộc, đề cao Dương Thu Hương. Vụ bà bị cầm tù, rồi vụ nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản cuốn *Tiểu thuyết vô đề* (kéo theo tranh chấp giữa hai nhóm Quê Mẹ và Diễn Đàn tại Pháp về quyền xuất bản tác phẩm ấy) càng làm cho cuộc tranh luận về bà sôi nổi. Phe bênh xem bà như một

chiến sĩ quả cảm dấu tranh cho tự do. Phe chống cho bà là "cò mồi", thậm chí gọi bà là "ghế", là "phạm tội hình sự". Phe bênh hô hào phổ biến rộng những lời phản tỉnh, phản kháng từ trong nước. Phe chống hô hào tẩy chay, cấm đoán, xé sách.

Cãi nhau hoài bắt đầu khan tiếng, Dương Thu Hương được trả tự do. Ngay lập tức, bà gửi *Tự bạch* ra nước ngoài. Thế là chiến tranh tái diễn. Kẻ bênh vẫn bênh bà, thông cảm, cho rằng bà thiếu thông tin. Kẻ chống vỗ tay mừng rỡ: "Đó, thấy chưa..." Tin mới nhất Dương Thu Hương lại vừa gửi ra nước ngoài hai lá thư, một xin lỗi bà Thụy Khuê, một cho nhóm Hợp Lưu xác nhận mình không chống phe quốc gia mà chỉ chống "quốc gia cực đoan", cũng như nhiều lần xác nhận mình không chống lý tưởng chủ nghĩa xã hội mà chống guồng máy đàn áp nhân danh lý tưởng đó. Thế nào hai lá thư này cũng là đề tài tranh luận dài dài suốt năm 1992. Tranh luận hăng say quá, người ta quên mất Dương Thu Hương nhà văn, chỉ chú ý tới Dương Thu Hương theo nhu cầu chính trị của mình.

Không hiểu khi nhà văn bị (hay được) đưa đẩy vào cảnh huống đó, Dương Thu Hương buồn hay vui?

Nhà văn Duy Lam trong một hoàn cảnh khác

Đem trường hợp Dương Thu Hương ra hỏi nhà văn Duy Lam, đảng viên thuộc thành phần lãnh đạo cao cấp của Việt Nam Quốc Dân Đảng, sĩ quan cao cấp của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, tù nhân ương ngạnh suốt 12 năm bị giam cầm trong nhà tù cộng sản. Ông vừa đến Mỹ qua chương trình H.O., với sức khỏe yếu và một sức mạnh tinh thần không hề suy suyển. Hỏi, ông trả lời: – Hồi còn ở trong nước, những người như tôi và Như Phong rất thích thú khi đọc Dương Thu Hương. Chúng tôi biết tiểu sử cô ấy chứ. Nhờ tiểu sử như thế, cô ấy mới nói được như thế, chứ chúng tôi thì phải thủ từng lời, từng bước. Nhưng chúng tôi đọc cô ấy thoải mái hơn ngoài này, không đặt vấn đề cô ấy thật hay giả. Điều cốt yếu là những gì cô ấy nói lên có đúng với lòng dân hay không. Đúng, lời cô ấy được ái mộ, trở thành tài sản chung của dân tộc. Sai, quần chúng sẽ lặng lẽ xa lánh, từ khước. Cá nhân Dương Thu Hương không quan trọng. Có thể một lúc nào đó cô ấy phủ nhận những điều đã viết như Nguyễn Tuân từng treo cổ *Vang bóng một thời*. Nguyễn Tuân sợ, Nguyễn Tuân mất giá, Nguyễn Tuân chết! Nhưng *Vang bóng một thời* thì không bao giờ chết.

Hỏi: Tại sao anh bỏ văn chương và hoạt động toàn phần cho chính trị?

Đáp: Vì tôi là con người hành động. Mỗi người mỗi tính, thế thôi. Nếu tôi có viết gì thêm, cũng chỉ là để hành động.

Hỏi: Mười hai năm tù, anh hành động được gì?

Đáp: Được chứ! Tôi thách đố với quản giáo, cai tù. Tôi buộc họ phải coi chúng tôi là con người. Không phải tôi mù quáng liều thân. Trong lúc cả một chế độ sụp đổ, tôi muốn anh em tôi, bè bạn tôi vẫn tin rằng có một cái gì đó thiêng liêng không hủy hoại được, như là nhân cách. Tôi chọn cách phát biểu, theo cách của tôi, theo hoàn cảnh tù tội của tôi.

Lựa chọn của Duy Lam khiến ông tàn phế, nhưng sứ điệp ông gửi đã đi xa. Cơ quan nhân quyền quốc tế The Fund for Free Expression vừa tặng nhà văn Duy Lam mười ngàn Mỹ kim, một phần thưởng hằng năm cơ quan này vẫn âm thầm trao tặng cho những người cầm bút tỏ ra can đảm chống lại mọi tra tấn đàn áp của các chính quyền chuyên chế, dù thân bị giam nơi tù tội.

Các nhà văn nữ hải ngoại

Trong cuộc tranh luận về Dương Thu Hương, thỉnh thoảng có người nhắc tới giá trị văn chương tác phẩm của bà. Vì lôi cuốn chính trị, người khen, khen lên tới mây. Người chê, chê tàn nhẫn. Kẻ trung dung, khen cuốn này, chê cuốn kia, sau đó than: "Sao hải ngoại có nhiều tác phẩm của các cô các bà giá trị văn chương không thua kém ai, mà chẳng ai nhắc nhở tới. Người trong nước không được đọc nên không biết, không biết nên phán ẩu là văn học hải ngoại chẳng có gì. Ngoài này biết, cũng không nói gì, là cớ làm sao?"

Loay hoay tìm lý do: nào tinh thần phe nhóm đố kỵ, nào hải ngoại thiếu vắng lý luận và phê bình văn học, nào tinh thần "vọng nội" vì thiên kiến, mặc cảm... Lý do nào đúng? Bàn cãi chuyện này chắc tốn nhiều giấy mực, nhưng đã tới lúc phải mổ xẻ cho ra ngô ra khoai.

Trong khi chờ đợi các nhà phê bình ra chiêu, cứ ghi nhận theo lối cưỡi ngựa xem hoa: Phan Thị Trọng Tuyến vừa được nhà xuất bản An Tiêm in tác phẩm thứ nhì, tập truyện ngắn *Một trang đời*, bốn năm sau khi nhà Văn Nghệ in tập truyện đầu tay *Mùa hè, một nơi khác*. Cũng nhà xuất bản An tiêm in cho Nguyễn Thị Hoàng Bắc tập truyện *Bên lở bên bồi*, cũng là tác phẩm thứ nhì của nhà văn. Nhà văn Vi Khuê vừa xuất bản tập *Những ngày ở Virginia*, tác phẩm văn xuôi sau *Ngựa hồng trên đồi cỏ* và hai tập thơ. Bên Pháp vừa in tập truyện ngắn *Người về* của Trần Thị Diệu Tâm. Sách mới xuất bản đầu

năm 1992 đều là tác phẩm của các nhà văn nữ. Dở tạp chí văn chương, lại thấy hiện tượng những cây bút mới với một cách nhìn mới, bút pháp mới – có thể gọi là lớp đợt sóng mới – lại là những nhà văn nữ, như Vũ Quỳnh N.H., Dương Như Nguyện... Nghe nói có nhà văn nữ lớp mới, học hành và trưởng thành hoàn toàn trong xã hội Bắc Mỹ, đã phải viết truyện bằng tiếng Anh rồi sau đó mới tự dịch sang tiếng Việt.

Bên Pháp, Kim Lefèvre (tên Việt Nam là Lâm Kim Thư) và Linda Lê viết thẳng bằng tiếng Pháp, sách được các nhà xuất bản uy tín in, dư luận độc giả Pháp khen ngợi.

Kim Lefèvre có cha người Pháp, mẹ Việt Nam, trải qua thời ấu thơ cơ cực và lạc loài giữa một quê mẹ bất trắc và tang thương vì chiến tranh, chịu đựng cùng một lúc thân phận phụ nữ, thân phận đứa con hoang và thân phận trẻ lai. Bằng một ý chí hiếm có, cô phấn đấu để học hỏi, đậu cử nhân văn khoa Sàigòn, dạy học rồi qua Pháp lấy tiến sĩ văn chương Sorbonne. Tác phẩm đầu tay *Métisse Blanche* là một cuốn truyện tự thuật cảm động. Cuốn tiếp theo là *Retour à la saison de pluie*.

Linda Lê thuần gốc Việt Nam, rời quê hương năm 14 tuổi. Năm nay tròn 30, nhưng đã có bốn tác phẩm được xuất bản: *Un si tendre vampire* năm 1987, *Fuir* năm 1988, *Solo* năm 1989 (La Table Ronde xuất bản), và *Les évangiles du crime* do nhà Julliard in năm 1991.

Rõ ràng trong cảnh sinh hoạt chậm chạp uể oải của văn chương gần đây, ai chán nản chùn chân thì mặc, các bà các cô cứ tiến, hùng dũng mà tiến. Vẫn chưa hết, nhà xuất bản McFarland ở tiểu bang North Carolina vừa tung ra một quyển thuộc loại biên khảo chính trị, nhan đề *Khmer-Viet Relations and the Third Indochina Conflict*, tác giả Nguyễn Võ Thu Hương (tức hiền nội nhà thơ Lê Bi). Đây là một công trình biên soạn nghiêm túc dầy 240 trang, nội dung nói về nguyên do và diễn biến cuộc tranh chấp giữa Việt Nam và Kampuchia. Tác giả cũng đưa ra những dự kiến của mình về tương quan giữa hai quốc gia láng giềng này.

Trường thiên tiểu tuyết và thơ

Cạnh tranh được với các bà các cô, có lẽ chỉ có nhà văn Trần Long Hồ. Năm ngoái, in tác phẩm đầu tay *Ngày quanh quẩn*. Năm nay, cho ra đời một lúc hai cuốn: tập truyện ngắn *Niềm vui ung thư* và truyện dài *Cõi sa mù*. Theo tác giả cho biết, *Cõi sa mù* là quyển thứ nhất trong bộ trường thiên nhan đề

Dung thân, mà tập hai sắp ra có tên là *Cửa địa ngục*. Như vậy là giới y sĩ Việt Nam viết văn có hai người đang viết trường thiên tiểu thuyết: Mai Kim Ngọc viết bộ *Muôn kiếp cô liêu* (đã ra cuốn 1) và nay tới Trần Long Hồ.

Thi ca năm 1991 ra ào ào, năm 1992 đột nhiên thưa thớt. Trừ loại thơ tự vịnh, tự thán, xướng họa dưỡng già, gần đây chỉ thấy tập *Dòng lệ thơ ngây* của nhà thơ Huy Trâm. Và như một tập tục bắt buộc, hễ có thơ là phải có họp mặt ra mắt thơ. Vì sao? Đơn giản lắm. Thơ không bán được ở hiệu sách. Không phải không có người mua thơ, nhưng số đó quá ít nêncác chủ nhà sách dứt khoát từ chối, không nhận bán thơ. Gửi đó bày "cho vui" bán được hãy hay, cũng không được. Thi sĩ Việt Nam nhiều, người yêu thơ nhiều, nhưng khách mua thơ lại ít.

Nghe nói ở trong nước hiện nay của có phong trào tác giả tự bỏ tiền in thơ mình, rồi tự phát hành để mong lấy lại vốn. Có nhà thơ đã đem rao bán thơ ở bến xe đò, ở chợ. Thơ "dấn thân" vào đời! Lời Tản Đà "văn chương hạ giới rẻ như bèo" thế mà thiêng.

Los Angeles sau cơn biến

Ba tuần lễ sau cơn phẫn nộ điên loạn tự hủy, thành phố Los Angeles vẫn chưa hoàn tỉnh cơn ác mộng. Sinh hoạt văn nghệ của thành phố bắt đầu trở lại, nhưng hình như mọi người không thoát ra được tâm trạng bất an sau những gì xảy ra. Buổi đọc thơ của các thi sĩ Eloise Klein Healy và Gerald Locklin hôm 17 tháng 5 vừa qua ở Canoga Park thu hút không quá 20 người.

Bị thiệt hại lây trong vụ hỗn loạn là nhà sách Aquarian, được xem là một trung tâm văn hóa Mỹ gốc Phi châu, đã có mặt phục vụ trong cộng đồng người da đen ở Los Angeles từ trên 50 năm nay. Nhà sách bị cháy rụi, nhưng người trông coi, ông Alfred Ligion tin tưởng là "phải tiêu hủy những thứ này đi thì mới có cơ xây dựng lại cái gì tốt đẹp hơn." Ông quả là người lạc quan. Điều này có thể hiểu được vì ông là người nghiên cứu về môn siêu hình học và theo tính toán của ông, cơ sở văn hóa Aquarian đã bị hủy diệt bởi một huyền lực vũ trụ cứ 500 năm mới có một lần!

MỤC LỤC

• **THƯ TÒA SOẠN** 1

• **HUỲNH HỮU ỦY**

những hình tượng trên bộ bài tới dân gian ở miền trung bộ..... 3

• **NGUYỄN MỘNG GIÁC**

lại bàn một chuyện cũ 18

• **PHẠM VIỆT CƯỜNG**

thơ..... 24

• **TRIỆU CHÂU**

vài ý kiến ngoài văn học về sinh hoạt văn học tại hải ngoại 28

• **PHAN NI TẤN**

thơ..... 47

• **THƯỜNG QUÁN**

thơ..... 48

• **VÕ ĐÌNH**

anne . truyện ngắn 49

• Phụ Bản **NGỌC DŨNG** 61

• **PHẠM CHI LAN**

thơ..... 62

• **KHẾ IÊM**

thơ..... 63

• **HUỲNH LIỄU NGẠN**

thơ..... 64

• **ROSE SOLOMON - THẾ UYÊN** dịch

anh làm vườn của tôi 65

• **TRẦN MỘNG TÚ**

thơ..... 72

• HOÀNG LIÊN
giã từ . truyện ngắn 73
• HỒ ĐÌNH NGHIÊM
pg-13 . truyện ngắn 84
• VẠN GIÃ
thơ 95
• KHÁNH TRƯỜNG
thằng nhược tiểu . truyện ngắn 96
• NGU YÊN
thơ 103
• LƯU HY LẠC
thơ 104
• TRẦN VŨ
dòng sông ai lãng quên . tạp bút 105
• GIỚI NHẬN ĐỒ ĐẠY 114

Nhà **Xuất Bản Minh Văn** trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của Trần Long Hồ:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00 US
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00 US
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00 US

Và những tác phẩm sẽ xuất bản:

LỤC BÁT HOÀNG XUÂN SƠN thơ Hoàng Xuân Sơn

CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của Hồ Trường An

Địa chỉ: **Nhà Xuất Bản Minh Văn**

P.O. Box 647, Oakton, VA 22124-9998

Nhà **XB Minh Văn chịu hết mọi cước phí và giảm 15%** từ giá sách cho độc giả đặt mua sách trực tiếp từ NXB.

Đã phát hành khắp nơi

KHÚC NGUYỆT QUỲNH

Dĩa nhạc CD tuyệt tác gồm 12 ca khúc nghệ thuật
trình bày bởi tiếng hát

QUỲNH GIAO

Địa chỉ liên lạc:

4960 Almaden Expwy. # 191
San Jose, CA 95118

Giá bán 15 Mỹ kim (17 Mỹ kim kể cả bưu phí)

CHUNG VUI

Nhận được hồng thiếp báo tin lễ thành hôn của

Anh **BÙI BẢO TRÚC**
và chị **PHAN MỸ SƯƠNG**

Hôn lễ cử hành ngày 29/5/92 tại Santa Ana, California.
Tòa soạn Văn Học thân chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc.

MỜI TÌM ĐỌC:

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Cuốn truyện dài đặc sắc nhất trong năm
(GS Nguyễn Ngọc Bích 1991: Tản mạn về một năm văn học hải ngoại)

GIỌT LỆ XÉ HAI

Văn Khoa xuất bản 1991

Giá tại Mỹ $14.00
Các nước khác: US$15.00 (bao luôn cước phí)

Hỏi mua ở các hiệu sách hoặc gửi ngân phiếu về:
Văn Khoa, 9200 Bolsa Ave, Suite 123
Westminster, CA 92683 USA

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

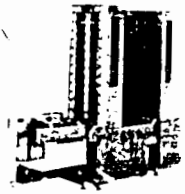

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

ANTIỆM

SÁCH ĐÃ IN

. ĐỌC KINH Đoản văn Vũ Khắc Khoan	$6.00
. HOÀNG TỬ BÉ Saint Exupéry Bùi Giáng dịch	$6.00
. MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC Gerard de Nerval Bùi Giáng dịch	$6.00
. NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG Hermann Hesse Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch	$15.00
. THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI Rainer Maria Rilke Phạm Công Thiện dịch	$6.00
. SÔNG CÔN MÙA LŨ Trường thiên tiểu thuyết (4 tập) Nguyễn Mộng Giác	Tập 1: $18.00 Tập 2: $20.00 Tập 3: $20.00 Tập 4: $20.00
. LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường	$15.00
. THƠ TAGORE * Lời dâng * Tâm tình hiến dâng * Tặng vật Đỗ Khánh Hoan dịch	$8.00
. THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG Tùy bút Trần Hồng Châu	$8.00
. MỘT TRANG ĐỜI Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến	$11.00
. ÂM NHẠC, NIỀM VUI TUỔI THƠ Nguyễn Thuyết Phong biên soạn	$8.00
. BÊN LỞ BÊN BỒI Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc	$10.00

SÁCH SẼ IN

. TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Tiệp bút của Đỗ Quý Toàn
. BỤI VÀ RÁC
Truyện dài của Nguyễn Xuân Hoàng

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH ĐÃ IN 1991

- VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ — 7.00MK
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ — 12.00MK
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90 — 16.00MK
  Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc
- TRUYỆN THẬT NGẮN – *Võ Phiến* — 6.00MK
- NGỤ NGÔN – *Đoàn Nhật Tấn* — 11.00MK
- HỞI ƠI – *Thơ Ngu Yên* — 6.00MK
- SAO CÓ TIẾNG SÓNG... – *Võ Đình* — 13.00MK
- THƠ MIỀN NAM *tập I* – *Võ Phiến* — 6.00MK
  (viết về 8 nhà thơ miền Nam – Văn Học Miền Nam)
- KINH DỊCH (đạo của người quân tử) — 20.00MK
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải
- HỒI KÍ TẬP II (trọn bộ 3 cuốn đã in đủ) — 15.00MK
  Nguyễn Hiến Lê
- KHỔNG TỬ – *Nguyễn Hiến Lê* — 12.00MK

SẼ IN

- LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch
- TIỂU THUYẾT I – *Võ Phiến*
  (cuốn chót của Võ Phiến toàn tập)
- TUẦN TỬ – *Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê*
- TRUYỆN *tập I* (Văn Học Miền Nam) – *Võ Phiến*

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách 12MK. Trên 12MK thêm 2MK

Giá $3.50 MK